

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đề Tài:

**VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP CANSLIM ĐỂ
QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ TRÊN THỊ
TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Yến Vinh

Sinh viên thực hiện : Lê Thị Thương

Khóa học : 2021- 2025

Lớp : 21NH2

Đà Nẵng, Tháng 5 năm 2025

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 5 năm 2025

NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2024 - 2025

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Lê Thị Thương
- Chuyên ngành: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2021 - 2025

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

**VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP CANSIM ĐỂ QUẢN LÝ DANH MỤC
ĐẦU TƯ TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp

Báo cáo hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp đang trên đang niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh và Hà Nội. Bao gồm: báo cáo kết quả kinh doanh, bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

Dữ liệu lịch sử về giá cổ phiếu của các doanh nghiệp đang trên đang niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Dữ liệu về chỉ số VN-Index, HNX-Index, thanh khoản thị trường và khối lượng giao dịch.

Dữ liệu bảng đánh giá toàn diện sức khỏe cổ phiếu được phát triển bởi Công ty Chứng khoán VNDIRECT.

4. Các bảng biểu và hình vẽ

Bảng biểu và hình vẽ xem tại danh mục các bảng biểu và hình vẽ của khóa luận

5. Giảng viên hướng dẫn

Họ và tên giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Yến Vinh, Khoa Kinh tế, Ngành Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.

6. Ngày giao nhiệm vụ Khóa luận tốt nghiệp:

Ngày 17/01/2025

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp:

Ngày 19/05/2025

Trưởng bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Sinh viên đã hoàn thành và nộp khóa luận tốt nghiệp về cho bộ môn.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025

Sinh viên thực hiện khóa luận
(Ký và ghi rõ họ tên)

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng, Khóa luận tốt nghiệp với đề tài: “VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP CANSLIM ĐỂ QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM” là công trình nghiên cứu do chính tôi thực hiện. Các số liệu, kết quả nêu trong khóa luận là trung thực, được thu thập và xử lý một cách khách quan, không sao chép hoặc vi phạm bản quyền của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào. Được sự góp ý hướng dẫn của ThS. Trần Thị Yến Vinh để hoàn tất Khóa luận tốt nghiệp. Các số liệu trong luận văn do người viết thu thập từ các nguồn khác nhau có ghi trong phần tài liệu tham khảo.

Sinh viên thực hiện khóa luận

LỜI CẢM ƠN

Được sự phân công và tạo điều kiện từ quý thầy cô Khoa Kinh tế - Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, sau quá trình thực tập và học tập, em đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu, góp phần hỗ trợ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp.

Trước hết, em xin chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu nhà trường, quý thầy cô Khoa Kinh tế - Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã luôn tận tình giảng dạy, truyền đạt những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực tiễn trong suốt thời gian học tập tại trường. Những hành trang quý giá đó đã giúp em tự tin tiếp cận với môi trường làm việc thực tế.

Em đặc biệt gửi lời cảm ơn sâu sắc đến giảng viên hướng dẫn Th.S Trần Thị Yến Vinh, người đã luôn đồng hành, tận tâm và nhiệt tình hướng dẫn em trong suốt quá trình thực tập. Cô không chỉ giúp em định hướng nội dung công việc mà còn hỗ trợ em trong việc tiếp cận và xử lý các vấn đề thực tiễn, giúp em có những trải nghiệm bổ ích và thực tế.

Em xin cảm ơn Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT, đặc biệt là các anh/chị tại bộ phận Kinh doanh, đã nhiệt tình giúp đỡ, tạo điều kiện cho em tham gia các công việc thực tế. Sự hỗ trợ tận tâm cùng những chia sẻ quý báu từ các anh/chị đã giúp em rèn luyện kỹ năng chuyên môn và tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý giá trong môi trường doanh nghiệp chuyên nghiệp.

Kinh nghiệm thu được trong kỳ thực tập này sẽ là nền tảng quan trọng cho con đường nghề nghiệp của em sau này. Một lần nữa, em xin trân trọng cảm ơn tất cả quý thầy cô, anh/chị trong doanh nghiệp và những người đã đồng hành, hỗ trợ em trong suốt quá trình thực tập và hoàn thành khóa luận.

NHẬN XÉT CỦA CƠ QUAN THỰC TẬP

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	I
NHẬN XÉT CỦA CƠ QUAN THỰC TẬP.....	II
NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN.....	III
MỤC LỤC	IV
DANH MỤC BẢNG BIỂU	VII
DANH MỤC SƠ ĐỒ	VIII
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	IX
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐẦU TƯ CANSLIM	1
1.1. TỔNG QUAN VỀ DANH MỤC ĐẦU TƯ	1
1.1.1. Khái niệm về danh mục đầu tư.....	1
1.1.2. Đa dạng hóa danh mục đầu tư.....	1
1.1.3. Một số lý thuyết về danh mục đầu tư.....	1
1.1.3.1. Lý thuyết thị trường hiệu quả (Efficient Market Hypothesis - EMH) ...	1
1.1.3.2. Lý thuyết danh mục đầu tư hiện đại (Modern Portfolio Theory - MPT)	2
1.1.3.3. Mô hình định giá tài sản vốn (Capital Asset Pricing Model - CAPM)	3
1.2. KHÁI QUÁT VỀ QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ	5
1.2.1. Khái niệm về quản lý danh mục đầu tư	5
1.2.2. Các chiến lược quản lý danh mục đầu tư	5
1.2.3. Những rủi ro trong việc quản lý danh mục đầu tư	6
1.2.4. Tầm quan trọng của quản lý danh mục đầu tư	6
1.2.5. Các chỉ số đánh giá hiệu quả quản lý danh mục đầu tư	7
1.3. TỔNG QUAN VỀ PHƯƠNG PHÁP CANSLIM.	9
1.3.1. Lịch sử hình thành và phát triển của phương pháp CANSLIM.	9
1.3.2. Các tiêu chí trong phương pháp CANSLIM	10
1.3.2.1. C (Current Earnings): Tăng trưởng thu nhập quý hiện tại.	10
1.3.2.2. A (Annual Earnings): Tăng trưởng lợi nhuận hàng năm.	11
1.3.2.3. N (New Products, New management, New highs): Sản phẩm dịch vụ mới, quản lý mới, giá mới	11
1.3.2.4. S (Supply and Demand): Cung và cầu.	12
1.3.2.5. L (Leader or Laggard): Cổ phiếu dẫn đầu hoặc theo sau.	12
1.3.2.6. I (Institutional Sponsorship): Sự bảo trợ của các tổ chức.	12
1.3.2.7. M (Market Direction): Xu hướng thị trường.	13
1.3.3. Các nguyên tắc khi áp dụng phương pháp CANSLIM	16

1.3.4. Một số sai lầm William J.O'Neil nhắc đến khi vận dụng phương pháp CANSLIM mà nhà đầu tư thường hay mắc phải.....	17
TỔNG KẾT CHƯƠNG 1	19
CHƯƠNG 2: VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP CANSLIM QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM.....	20
2.1. TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM.....	20
2.1.1. Giới thiệu sơ lược về Thị trường chứng khoán Việt Nam.....	20
2.1.2. Tình hình Thị trường chứng khoán Việt Nam từ năm 2022 - 2024	20
2.1.3. Những thách thức mà nhà đầu tư gặp phải khi quản lý danh mục đầu tư	23
2.2. VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP CANSLIM TRONG VIỆC QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM.....	26
2.2.1. Tiến hành lọc cổ phiếu dựa trên các tiêu chí đánh giá của phương pháp CANSLIM.....	27
2.2.1.1. Bước 1: Sàng lọc theo tiêu chí C	27
2.2.1.2. Bước 2: Sàng lọc theo tiêu chí A	29
2.2.1.3. Bước 3: Sàng lọc theo tiêu chí N	30
2.2.1.4. Bước 4: Sàng lọc theo tiêu chí S	32
2.2.1.5. Bước 5: Sàng lọc theo tiêu chí L	36
2.2.1.6. Bước 6: Sàng lọc theo tiêu chí I	38
2.2.1.7. Bước 7: Sàng lọc theo tiêu chí M	41
2.2.2. Kết quả sàng lọc cổ phiếu theo phương pháp CANSLIM	42
2.2.3. Quản lý danh mục đầu tư dựa trên phương pháp CANSLIM	46
TỔNG KẾT CHƯƠNG 2	50
CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT CÁC KHUYẾN NGHỊ DÀNH CHO NHÀ ĐẦU TƯ CÁ NHÂN TRONG VIỆC VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP CANSLIM TRONG VIỆC QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ	51
3.1. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN VỀ KHẢ NĂNG VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP CANSLIM VÀO THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM.....	51
3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP CANSLIM CHO NHÀ ĐẦU TƯ CÁ NHÂN TRONG VIỆC QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM.....	53
3.2.1. Cách chọn cổ phiếu theo các tiêu chí CANSLIM trên Thị trường chứng khoán Việt Nam	53
3.2.2. Nguyên tắc xây dựng danh mục đầu tư từ các cổ phiếu CANSLIM trên Thị trường chứng khoán Việt Nam	54

3.2.3. Các nguyên tắc giao dịch nhằm quản lý danh mục đầu tư một cách hiệu quả trên Thị trường chứng khoán Việt Nam	55
3.2.3.1. <i>Xác định điểm mua cổ phiếu</i>	56
3.2.3.2. <i>Thiết lập nguyên tắc cắt lỗ</i>	56
3.2.3.3. <i>Chốt lời theo mục tiêu</i>	57
3.2.3.4. <i>Theo dõi và đánh giá lại cổ phiếu</i>	58
3.2.3.5. <i>Kỷ luật và linh hoạt trong quản lý danh mục đầu tư</i>	58
3.2.3.6. <i>Ghi nhật ký giao dịch và rút kinh nghiệm</i>	59
TỔNG KẾT CHƯƠNG 3	59
KẾT LUẬN	60
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	61
PHỤ LỤC	62

DANH MỤC BẢNG BIỂU

STT	Tên bảng	Trang
Bảng 2.1	Thống kê các kênh đầu tư có hiệu suất tốt của các nhà đầu tư	28
Bảng 2.2	Danh sách các cổ phiếu phù hợp tiêu chí C	30
Bảng 2.3	Danh sách các cổ phiếu phù hợp tiêu chí A	32
Bảng 2.4	Danh sách các cổ phiếu phù hợp tiêu chí N	35
Bảng 2.5	Danh sách các cổ phiếu phù hợp tiêu chí S	39
Bảng 2.6	Đánh giá toàn diện Sức khỏe doanh nghiệp BKC	39
Bảng 2.7	Đánh giá toàn diện Sức khỏe doanh nghiệp L18	40
Bảng 2.8	Đánh giá toàn diện Sức khỏe doanh nghiệp HAH	41
Bảng 2.9	Danh sách các cổ phiếu phù hợp tiêu chí L	41
Bảng 2.10	Danh sách các cổ đông lớn của BKC	42
Bảng 2.11	Danh sách các cổ đông lớn của HAH	43
Bảng 2.12	Danh sách các cổ phiếu phù hợp tiêu chí I	43
Bảng 2.13	Danh sách cổ phiếu tiềm năng được lựa chọn theo phương pháp CANSLIM	45
Bảng 2.14	Đánh giá cổ phiếu CTG theo phương pháp CANSLIM	45
Bảng 2.15	Đánh giá cổ phiếu STB theo phương pháp CANSLIM	46
Bảng 2.16	Đánh giá cổ phiếu FPT theo phương pháp CANSLIM	47
Bảng 2.17	Danh sách các cổ phiếu trong danh mục đầu tư	49
Bảng 2.18	Phân bổ tỷ trọng các cổ phiếu trong danh mục đầu tư	50
Bảng 2.19	Minh họa quản trị rủi ro trong danh mục đầu tư	50

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

STT	Tên biểu đồ	Trang
Biểu đồ 1.1	Mẫu hình Tách có quai tăng giá 701% trong 17 tháng	17
Biểu đồ 1.2	Mẫu hình hai đáy tăng giá 532% trong 23 tháng	17
Biểu đồ 1.3	Mẫu hình Nền phẳng tăng giá 705% trong 34 tháng	18
Biểu đồ 1.4	Mẫu hình Ngọn đồi cao, chặt chẽ tăng giá 404% trong 6 tháng	18
Biểu đồ 1.5	Mẫu hình Nền chồng nền tăng giá 1496% trong 17 tháng	19
Biểu đồ 2.1	Chỉ số VN-INDEX từ tháng 1/2022 đến hết tháng 12/2024	24
Biểu đồ 2.2	Chỉ số HNX-INDEX từ tháng 1/2022 đến hết tháng 12/2024	24
Biểu đồ 2.3	Trend volume - KBC	36
Biểu đồ 2.4	Trend volume - L18	36
Biểu đồ 2.5	Trend volume - SJE	37
Biểu đồ 2.6	Trend volume - HAH	37
Biểu đồ 2.7	Trend volume - AST	38

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	NỘI DUNG ĐẦY ĐỦ
CP	Chính Phủ
CTCP	Công ty cổ phần
DMĐT	Danh mục đầu tư
EPS	Thu nhập trên một cổ phiếu
FED	Cục dự trữ liên bang Mỹ
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
HNX	Sàn chứng khoán Hà Nội
HNX-INDEX	Chỉ số giá sàn chứng khoán Hà Nội
HOSE	Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh
MA	Đường trung bình
NĐ-CP	Nghị định - Chính phủ
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
ROE	Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
STT	Số thứ tự
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TTCK	Thị trường chứng khoán
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán nhà nước
USD	Đô la Mỹ
VAMC	Công ty Quản lý tài sản VAMC
VN30	Chỉ số VN30
VND	Việt Nam đồng
VN-INDEX	Chỉ số giá sàn chứng khoán Hồ Chí Minh

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Trong những năm gần đây, Thị trường chứng khoán Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ, trở thành kênh huy động vốn quan trọng cho doanh nghiệp và là cơ hội đầu tư hấp dẫn cho cả nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Số lượng công ty niêm yết trên các sàn giao dịch HOSE và HNX ngày càng tăng, thanh khoản thị trường cải thiện đáng kể, và sự tham gia của các tổ chức tài chính, quỹ đầu tư cũng trở nên phổ biến hơn. Tuy nhiên, đi kèm với sự phát triển đó là sự cạnh tranh gay gắt, rủi ro biến động giá lớn và tính bất ổn cao, đặc biệt là khi thị trường chịu tác động từ các yếu tố vĩ mô như lạm phát, lãi suất, chính sách tiền tệ, cũng như những biến động từ thị trường quốc tế.

Trong bối cảnh này, việc lựa chọn cổ phiếu tiềm năng và quản lý danh mục đầu tư hiệu quả trở thành một yếu tố quan trọng đối với nhà đầu tư. Một danh mục đầu tư tốt không chỉ giúp tối đa hóa lợi nhuận mà còn giúp kiểm soát rủi ro, đảm bảo sự bền vững trong dài hạn. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, nhiều nhà đầu tư cá nhân tại Việt Nam vẫn chưa có chiến lược đầu tư bài bản, thường ra quyết định dựa trên cảm tính hoặc theo xu hướng thị trường mà thiếu đi phương pháp phân tích khoa học. Điều này có thể dẫn đến những sai lầm nghiêm trọng như mua đỉnh - bán đáy, phân bổ danh mục kém hiệu quả hoặc không có kế hoạch cắt lỗ hợp lý khi thị trường đi ngược kỳ vọng.

Trên thế giới, nhiều phương pháp đầu tư đã được nghiên cứu và áp dụng thành công nhằm giúp nhà đầu tư tối ưu hóa danh mục và quản trị rủi ro hiệu quả. Trong đó, CANSLIM - phương pháp do William J. O'Neil phát triển là một trong những phương pháp nổi bật, kết hợp giữa phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật để tìm kiếm cổ phiếu tăng trưởng mạnh. CANSLIM đã chứng minh được tính hiệu quả trên thị trường chứng khoán Mỹ và nhiều thị trường phát triển khác, giúp nhà đầu tư xác định được những cổ phiếu có tiềm năng bứt phá, đồng thời cung cấp tiêu chí để lựa chọn thời điểm mua - bán hợp lý nhằm tối đa hóa lợi nhuận.

Tại Việt Nam, dù CANSLIM đã được biết đến và có một số nhà đầu tư áp dụng, nhưng phương pháp này vẫn chỉ dừng lại ở mức lý thuyết chung chung, chưa có hệ thống áp dụng thực tế phù hợp với đặc thù thị trường trong nước. Các cổ phiếu trên Thị trường chứng khoán Việt Nam có những điểm khác biệt đáng kể so với thị trường Mỹ, bao gồm yếu tố vốn hóa, thanh khoản, mức độ minh bạch thông tin, cũng như tác động từ các chính sách điều hành của nhà nước. Để giúp nhà đầu tư có thêm công cụ hữu ích trong việc lựa chọn và quản lý danh mục đầu tư, em chọn đề tài ***“Vận dụng phương pháp CANSLIM để quản lý danh mục đầu tư trên Thị trường chứng khoán Việt Nam”*** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu tổng quát

Vận dụng phương pháp CANSLIM nhằm quản lý danh mục đầu tư và đánh giá hiệu quả của phương pháp trên Thị trường chứng khoán Việt Nam.

2.2. Mục tiêu nghiên cứu cụ thể

Từ mục tiêu nghiên cứu tổng quát, em tiến hành chi tiết hóa thành các mục tiêu cụ thể như sau:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về phương pháp đầu tư CANSLIM và quản lý danh mục đầu tư.
- Vận dụng CANSLIM trong lựa chọn cổ phiếu để quản lý danh mục đầu tư trên Thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Đề xuất các khuyến nghị dành cho nhà đầu tư cá nhân trong việc vận dụng phương pháp CANSLIM để quản lý danh mục đầu tư.

2.3. Câu hỏi nghiên cứu

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu cụ thể, cần trả lời các câu hỏi sau:

- Các tiêu chí nào cần lưu ý khi lựa chọn cổ phiếu theo phương pháp CANSLIM?
- Làm cách nào để đánh giá hiệu quả quản lý danh mục đầu tư?
- Tình hình Thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay?
- Việc vận dụng phương pháp CANSLIM trong quản lý danh mục đầu tư được tiến hành ra sao?
- Áp dụng phương pháp CANSLIM quản lý danh mục đầu tư mang lại lợi ích gì cho nhà đầu tư?

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các cổ phiếu niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) và Hà Nội (HNX) phù hợp với những tiêu chí trong phương pháp CANSLIM.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Không gian: Cổ phiếu của các doanh nghiệp đang niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh và Hà Nội phù hợp với những tiêu chí trong phương pháp CANSLIM.

Thời gian: Thu thập những số liệu lịch sử về giá cổ phiếu, báo cáo tài chính cổ phiếu trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến năm 2024 .

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: nghiên cứu giáo trình, tài liệu,... để làm rõ lý thuyết và cơ sở.

- Phương pháp thu thập dữ liệu: Sử dụng dữ liệu lịch sử về giá cổ phiếu, báo cáo tài chính và thông tin thị trường từ các nguồn uy tín.

- Phương pháp phân tích dữ liệu: Phân tích định lượng bằng cách sử dụng các chỉ số tài chính và mô hình thống kê để đánh giá hiệu quả của các cổ phiếu được lựa chọn.

5. Ý nghĩa nghiên cứu

Ý nghĩa lý luận:

- Đóng góp vào việc hệ thống hóa kiến thức về phương pháp CANSLIM trong bối cảnh Thị trường chứng khoán Việt Nam.

- Bổ sung cơ sở lý thuyết cho việc quản lý danh mục đầu tư cổ phiếu.

Ý nghĩa thực tiễn:

- Cung cấp công cụ và phương pháp giúp nhà đầu tư cá nhân và tổ chức lựa chọn cổ phiếu một cách hiệu quả.

- Đưa ra các khuyến nghị đầu tư hỗ trợ quản lý danh mục đầu tư trên Thị trường chứng khoán Việt Nam.

- Giúp nâng cao hiệu quả đầu tư và giảm thiểu rủi ro cho nhà đầu tư.

6. Kết cấu đề tài

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý danh mục đầu tư và phương pháp đầu tư CANSLIM

Chương 2: Vận dụng phương pháp CANSLIM quản lý danh mục đầu tư trên Thị trường chứng khoán Việt Nam

Chương 3: Đề xuất các khuyến nghị dành cho nhà đầu tư cá nhân trong việc vận dụng phương pháp CANSLIM trong việc quản lý danh mục đầu tư

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐẦU TƯ CANSIM

1.1. TỔNG QUAN VỀ DANH MỤC ĐẦU TƯ

1.1.1. Khái niệm về danh mục đầu tư

Danh mục đầu tư là một danh sách các tài sản đầu tư mà một cá nhân hoặc tổ chức đang nắm giữ hoặc quản lý. Danh mục đầu tư bao gồm các loại tài sản khác nhau như chứng khoán, bất động sản, ngoại tệ, trái phiếu, quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác. Việc xây dựng và quản lý một danh mục đầu tư đúng cách là rất quan trọng để đạt được mục tiêu đầu tư của mình.

Danh mục đầu tư trên thị trường chứng khoán là một tập hợp các tài sản tài chính do nhà đầu tư nắm giữ, có thể bao gồm cổ phiếu, trái phiếu, quỹ tương hỗ và quỹ ETF. Mục đích chính của việc tạo danh mục đầu tư là đa dạng hóa các khoản đầu tư, từ đó cân bằng rủi ro và lợi nhuận tiềm năng.

1.1.2. Đa dạng hóa danh mục đầu tư

Phân bổ tài sản là quá trình phân chia vốn đầu tư vào các nhóm tài sản khác nhau nhằm tối ưu hóa tỷ lệ lợi nhuận và rủi ro trong danh mục đầu tư. Quá trình này bao gồm việc xác định tỷ trọng vốn đầu tư vào các tài sản có mức độ rủi ro khác nhau, với mục tiêu là quản trị rủi ro và tối đa hóa lợi nhuận theo mức độ rủi ro chấp nhận được.

Nhà đầu tư nên phân bổ vốn vào nhiều loại chứng khoán khác nhau để xây dựng một danh mục đầu tư tối ưu, nhằm hạn chế rủi ro tổng thể ở mức thấp nhất. Mỗi chứng khoán đều chứa hai loại rủi ro chính: rủi ro hệ thống và rủi ro phi hệ thống. Rủi ro hệ thống phát sinh từ biến động thị trường và ảnh hưởng đến toàn bộ chứng khoán, do đó không thể loại bỏ thông qua đa dạng hóa. Ngược lại, rủi ro phi hệ thống là những rủi ro đặc thù của từng doanh nghiệp hoặc ngành nghề và có thể được giảm thiểu bằng cách mở rộng danh mục đầu tư. Như vậy, mức độ rủi ro của danh mục phụ thuộc vào sự tương quan giữa các chứng khoán trong danh mục. Một danh mục càng đa dạng với các tài sản có mối tương quan thấp sẽ càng có khả năng giảm thiểu rủi ro phi hệ thống, giúp nhà đầu tư đạt được sự cân bằng giữa lợi nhuận và mức độ rủi ro chấp nhận được.

1.1.3. Một số lý thuyết về danh mục đầu tư

1.1.3.1. Lý thuyết thị trường hiệu quả (Efficient Market Hypothesis - EMH)

Được đề xuất bởi Eugene Fama, lý thuyết này cho rằng thị trường hiệu quả là thị trường mà giá cả của các tài sản phản ánh đầy đủ, chính xác và tức thời mọi thông tin có sẵn. Trong bối cảnh thị trường chứng khoán, được coi là hiệu quả khi giá chứng khoán phản ánh trung thực tất cả thông tin liên quan, bao gồm thông tin kinh tế vĩ mô, thông tin doanh nghiệp và kỳ vọng của nhà đầu tư.

Một thị trường hiệu quả hoàn hảo đáp ứng ba tiêu chí chính:

- Hiệu quả về phân phối đảm bảo rằng nguồn vốn đầu tư được phân bổ đến các doanh nghiệp có khả năng sử dụng hiệu quả nhất.
- Hiệu quả về chi phí giao dịch có nghĩa là chi phí giao dịch trên thị trường càng thấp càng tốt, lý tưởng là tiệm cận bằng không.
- Và hiệu quả về mặt thông tin là yếu tố quan trọng nhất, cho thấy giá chứng khoán phản ánh đầy đủ và nhanh chóng mọi thông tin có sẵn, giúp nhà đầu tư không thể đạt được lợi nhuận cao hơn mức trung bình chỉ nhờ vào việc khai thác thông tin công khai.

Thị trường hiệu quả được chia thành ba cấp độ:

- Hiệu quả dạng yếu: Giá chứng khoán hiện tại đã phản ánh đầy đủ các thông tin trong quá khứ như giá giao dịch, khối lượng giao dịch và xu hướng giá. Do đó, việc sử dụng phân tích kỹ thuật để dự đoán giá tương lai là không hiệu quả vì mọi mô hình giá trong quá khứ đều đã bị thị trường triệt tiêu.
- Hiệu quả dạng trung bình: Ngoài thông tin quá khứ, giá chứng khoán còn phản ánh ngay lập tức tất cả thông tin công khai, bao gồm báo cáo tài chính, kết quả kinh doanh, năng lực quản lý, thông tin ngành, và tin tức kinh tế vĩ mô. Khi có thông tin mới được công bố, giá chứng khoán sẽ điều chỉnh tức thời, khiến việc sử dụng phân tích cơ bản để tìm kiếm lợi nhuận vượt trội trở nên khó khăn.
- Hiệu quả dạng mạnh: Giá chứng khoán không chỉ phản ánh thông tin quá khứ và công khai mà còn phản ánh cả thông tin nội bộ. Trong thị trường này, ngay cả những nhà đầu tư nội bộ hoặc tổ chức lớn cũng không thể đạt lợi nhuận vượt trội từ việc sử dụng thông tin riêng biệt, vì tất cả đã được phản ánh vào giá chứng khoán một cách tức thì.

1.1.3.2. Lý thuyết danh mục đầu tư hiện đại (Modern Portfolio Theory - MPT)

Lý thuyết danh mục đầu tư hiện đại là một lý thuyết được đề xuất bởi Harry Markowitz trong bài báo "Lựa chọn danh mục đầu tư" được xuất bản năm 1952 trên tạp chí Journal of Finance. Dựa trên một số giả định cần thiết, mô hình này chỉ ra phương pháp để xác định tỷ trọng đầu tư của từng tài sản trong một danh mục nhằm tối ưu hoá danh mục đầu tư bằng cách tăng lợi nhuận kỳ vọng tương ứng với mức độ rủi ro chấp nhận được. Đây là một trong những nền tảng quan trọng trong quản trị danh mục đầu tư hiện đại.

Lý thuyết danh mục đầu tư hiện đại dựa trên giả định rằng nhà đầu tư luôn có xu hướng tránh rủi ro, đồng thời mong muốn tối đa hóa lợi nhuận. Theo Markowitz, một danh mục đầu tư được xem là hiệu quả nếu không có bất kỳ danh mục đầu tư nào khác có cùng mức độ rủi ro nhưng lại có tỷ suất sinh lời mong đợi cao hơn; hoặc có ít rủi ro hơn với cùng tỷ suất sinh lời mong đợi. Tập hợp các danh mục đầu tư hiệu quả

được biểu diễn trên biểu đồ gọi là đường biên hiệu quả. Về nguyên tắc, đường biên hiệu quả thường được xây dựng bằng cách sau:

Án định một tỷ suất sinh lời kỳ vọng cho trước của danh mục đầu tư, sau đó sử dụng các yếu tố đầu vào (tỷ suất sinh lời, độ lệch chuẩn và hệ số tương quan hiệp phương sai của các chứng khoán) để tìm tỷ trọng đầu tư vào các chứng khoán sao cho danh mục được tạo ra có độ lệch chuẩn bé nhất. Lặp lại quá trình này nhiều lần, chúng ta sẽ tìm được các danh mục hiệu quả và vẽ được đường biên hiệu quả.

$$\min \sigma_p^2 = \min \sum_{i=1}^n \sum_{j=1}^n w_i w_j \cdot \text{cov}(i, j)$$

$$\sum_{i=1}^n w_i = 10\%$$

$$E(R_p) = \sum_{i=1}^n w_i * E(R_i)$$

$$0 \leq w_i \leq 100\%$$

Trong đó: $E(R)$, σ và w , ($i = 1, 2, \dots, N$) lần lượt là tỷ suất sinh lời kỳ vọng, độ lệch chuẩn và tỷ trọng của chứng khoán i ;

$E(R)$ và σ , là tỷ suất sinh lời kỳ vọng và độ lệch chuẩn của danh mục đầu tư.

Lợi nhuận kỳ vọng của danh mục đầu tư được tính bằng tổng trọng số lợi nhuận kỳ vọng của từng tài sản trong danh mục:

Trong đó:

$E(R_p)$: là lợi nhuận kỳ vọng của danh mục

w_i : là tỷ trọng của từng tài sản trong danh mục

$E(R_i)$: là lợi nhuận kỳ vọng của từng tài sản.

σ_p : là độ lệch chuẩn của danh mục đầu tư

1.1.3.3. Mô hình định giá tài sản vốn (Capital Asset Pricing Model - CAPM)

Mô hình này do William Sharpe, John Lintner và Jan Mossin phát triển, giúp xác định mối quan hệ giữa rủi ro và lợi nhuận kỳ vọng của một tài sản. Theo CAPM, lợi nhuận kỳ vọng của một tài sản phụ thuộc vào rủi ro hệ thống, được đo lường bằng hệ số beta.

Mô hình CAPM dựa trên một số giả định quan trọng nhằm đơn giản hóa việc tính toán và phân tích rủi ro - lợi nhuận trong đầu tư. Các giả định này được chia thành hai nhóm chính:

Giả định về tâm lý nhà đầu tư

Nhà đầu tư ra quyết định dựa trên rủi ro và lợi nhuận kỳ vọng: Những phương án đầu tư có rủi ro cao thì tỷ suất sinh lời kỳ vọng đạt được cũng phải cao để bù đắp cho những rủi ro này.

Các nhà đầu tư sẽ tìm cách giảm thiểu rủi ro bằng việc kết hợp nhiều chứng

khoản khác nhau trong tập hợp danh mục đầu tư của mình..

Các quyết định đầu tư được đưa ra và kết thúc trong một khoảng thời gian nhất định (ví dụ: 6 tháng, 1 năm).

Nhà đầu tư có chung các thông số đầu vào về tỷ suất sinh lời kỳ vọng và rủi ro của tài sản.

Giả định về thị trường vốn

Thị trường vốn là thị trường cạnh tranh hoàn hảo: Không có nhà đầu tư cá nhân nào có thể tác động đến giá cả thị trường. Giá tài sản phản ánh đầy đủ thông tin và rủi ro.

Không có thuế hoặc các loại phí giao dịch trên thị trường hay bất kỳ một sự cản trở nào tác động đến cung, cầu về chứng khoán. Giả định này gần như không tồn tại trong thực tế và đưa ra nhằm đơn giản hóa việc tính toán kết quả.

Tồn tại tài sản phi rủi ro và có thể vay/cho vay với lãi suất phi rủi ro (R_f): Nhà đầu tư có thể đầu tư hoặc vay tiền với lãi suất phi rủi ro một cách không giới hạn.

Mặc dù, trên thực tế mô hình CAPM không phải hoàn toàn đúng trong mọi trường hợp, song nó vẫn được coi là phương pháp phổ biến nhất do khả năng cho biết hiệu quả chính xác trong nhiều ứng dụng phân tích.

Theo mô hình CAPM mối quan hệ giữa lợi nhuận và rủi ro được thể hiện qua công thức:

$$E(R_i) = R_f + \beta_i [E(R_m) - R_f]$$

Trong đó:

$E(R_i)$: là lợi nhuận kỳ vọng từ một chứng khoán i

$E(R_m)$: là lợi nhuận kỳ vọng của thị trường

R_f : là lợi nhuận của tài sản phi rủi ro

$[E(R_m) - R_f]$: là phần bù đắp rủi ro thị trường

$\beta_i = \frac{Cov(i,M)}{\sigma_M^2}$ (Hệ số beta): là hệ số đo lường mức độ rủi ro hệ thống (rủi ro thị

trường) của chứng khoán i

$Cov(i,M)$: : Hệ số tích sai giữa tỷ suất sinh lời của chứng khoán i và tỷ suất sinh lời của danh mục thị trường.

σ_M^2 : Phương sai của tỷ suất sinh lời của danh mục thị trường.

- Khi hệ số $\beta_i > 1$: chứng khoán i có mức độ rủi ro cao hơn danh mục thị trường. Nghĩa là, khi thị trường tăng giá, chứng khoán i sẽ tăng với mức độ nhanh hơn và ngược lại, khi thị trường giảm giá, chứng khoán i cũng sẽ giảm giá nhanh hơn.

- Khi hệ số $\beta_i < 1$: chứng khoán i biến động ít hơn danh mục thị trường.

- Khi hệ số $\beta_i = 1$: chứng khoán i có mức độ biến động ngang bằng với danh mục thị trường.

Ý nghĩa của mô hình CAPM: Với mỗi mức độ rủi ro β của chứng khoán i , cần phải đạt được tỷ suất sinh lời tối thiểu là $E(R_i)$ thì mới bù đắp được rủi ro khi đầu tư vào chứng khoán i .

1.2. KHÁI QUÁT VỀ QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ

1.2.1. Khái niệm về quản lý danh mục đầu tư

Quản lý danh mục đầu tư là quá trình quản lý các khoản đầu tư tài chính của một cá nhân hoặc tổ chức nhằm đảm bảo rằng các tài sản được phân bổ và quản lý một cách hiệu quả.

Danh mục đầu tư của mỗi nhà đầu tư không giống nhau do sự khác biệt về trình độ, nguồn lực tài chính, khẩu vị rủi ro và mục tiêu đầu tư. Việc ra quyết định đầu tư chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố, bao gồm tình hình tài chính cá nhân, thông tin về tài sản đầu tư, xu hướng thị trường và mức độ chấp nhận rủi ro.

Mức độ rủi ro trong danh mục đầu tư phụ thuộc vào khả năng chịu đựng rủi ro của từng nhà đầu tư. Những nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao sẵn sàng đầu tư vào các tài sản có biến động mạnh, như cổ phiếu, với kỳ vọng lợi nhuận cao. Ngược lại, những nhà đầu tư thận trọng thường lựa chọn các tài sản ít rủi ro hơn, như trái phiếu hoặc tiền gửi ngân hàng, dù lợi nhuận kỳ vọng thấp hơn.

Bên cạnh đó, yếu tố thuế cũng ảnh hưởng đến danh mục đầu tư. Nhà đầu tư có thu nhập cao thường ưu tiên các khoản đầu tư có lợi thế về thuế, trong khi nhà đầu tư có thu nhập thấp có thể lựa chọn danh mục khác để tối ưu hóa lợi nhuận sau thuế.

Tuổi tác cũng là một yếu tố quan trọng trong quản lý danh mục đầu tư. Nhà đầu tư trẻ tuổi thường ưu tiên các tài sản có thời gian đầu tư dài hạn và tiềm năng tăng trưởng cao, trong khi nhà đầu tư lớn tuổi có xu hướng lựa chọn các tài sản có tính ổn định và thanh khoản cao hơn để đảm bảo an toàn tài chính.

1.2.2. Các chiến lược quản lý danh mục đầu tư

Chiến lược quản lý danh mục đầu tư thụ động

Quản lý danh mục đầu tư thụ động là chiến lược mua và nắm giữ chứng khoán dài hạn nhằm thu được tỷ suất sinh lời bằng với tỷ suất sinh lời thị trường. Mục đích của chiến lược này không phải để tạo ra danh mục vượt trội so với chỉ số chuẩn trên thị trường mà tạo ra một danh mục có kết cấu gần giống với chỉ số chuẩn của thị trường. Các nhà đầu tư nhận định và tin rằng thị trường luôn hiệu quả, do vậy không cần thiết phải tốn kém chi phí để đánh bại thị trường nhằm thu được tỷ suất sinh lời cao hơn bằng cách tìm kiếm những chứng khoán bị định giá sai.

Chiến lược quản lý danh mục đầu tư chủ động

Quản lý danh mục đầu tư chủ động là chiến lược đầu tư nhằm thu được lợi suất đầu tư cao hơn tỷ suất sinh lời của danh mục thụ động hoặc trên mức trung bình ứng với một mức rủi ro nhất định. Kết cấu danh mục đầu tư chủ động được xây dựng dựa

trên việc phân tích ngành và doanh nghiệp để xác định cơ hội đầu tư phù hợp. Cần lựa chọn các ngành có tiềm năng tăng trưởng dựa trên xu hướng kinh tế, chính sách vĩ mô và triển vọng thị trường, sau đó sàng lọc những doanh nghiệp có nền tảng tài chính vững chắc, lợi nhuận tăng trưởng ổn định và định giá hợp lý.

Quản lý danh mục đầu tư là một quá trình có hệ thống, bao gồm nhiều bước liên quan chặt chẽ với nhau nhằm tối ưu hóa hiệu quả đầu tư và kiểm soát rủi ro. Hiểu rõ các bước này sẽ giúp nhà đầu tư có cái nhìn toàn diện và thực hiện các quyết định đầu tư đúng đắn. Dưới đây là các bước cơ bản trong quy trình quản lý danh mục đầu tư:

- Bước 1: Xác định mục tiêu đầu tư
- Bước 2: Phân tích thị trường
- Bước 3: Lựa chọn cổ phiếu
- Bước 4: Phân bổ tài sản
- Bước 5: Quản trị rủi ro danh mục đầu tư
- Bước 6: Theo dõi và đánh giá hiệu suất

1.2.3. Những rủi ro trong việc quản lý danh mục đầu tư

Quản lý danh mục đầu tư là một quá trình quan trọng nhằm tối ưu hóa lợi nhuận và kiểm soát rủi ro trong hoạt động đầu tư tài chính. Tuy nhiên, thị trường chứng khoán luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro, có thể ảnh hưởng đến hiệu suất danh mục và làm giảm giá trị tài sản của nhà đầu tư. Các rủi ro này có thể được phân loại thành hai nhóm chính: rủi ro hệ thống và rủi ro phi hệ thống. Việc hiểu rõ bản chất của từng loại rủi ro sẽ giúp nhà đầu tư xây dựng chiến lược quản lý danh mục hiệu quả hơn, từ đó hạn chế tổn thất và tối ưu hóa lợi nhuận trong dài hạn.

Rủi ro hệ thống: Rủi ro hệ thống là loại rủi ro mang tính vĩ mô, ảnh hưởng đến toàn bộ thị trường tài chính và không thể loại bỏ hoàn toàn được. Những yếu tố tác động đến rủi ro hệ thống bao gồm biến động kinh tế, bất ổn chính trị, thiên tai, dịch bệnh, hoặc các sự kiện bất khả kháng khác. Do có phạm vi ảnh hưởng rộng lớn, rủi ro hệ thống có thể gây suy giảm giá trị tài sản đầu tư ngay cả khi nhà đầu tư đã lựa chọn danh mục một cách thận trọng.

Rủi ro phi hệ thống: Rủi ro phi hệ thống là những rủi ro đặc thù của từng doanh nghiệp, ngành nghề hoặc nhóm tài sản cụ thể. Những rủi ro này có thể xuất phát từ sai sót trong quá trình lựa chọn cổ phiếu, định giá không chính xác, mua bán sai thời điểm, hoặc chiến lược đầu tư chưa hợp lý. Tuy nhiên, khác với rủi ro hệ thống, rủi ro phi hệ thống có thể được kiểm soát và giảm thiểu thông qua việc nghiên cứu kỹ lưỡng, áp dụng các phương pháp phân tích tài chính phù hợp, và thực hiện đa dạng hóa danh mục đầu tư nhằm phân tán rủi ro giữa các loại tài sản khác nhau.

1.2.4. Tầm quan trọng của quản lý danh mục đầu tư

Quản lý danh mục đầu tư đóng vai trò quan trọng trong việc tối ưu hóa hiệu quả

đầu tư, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính cá nhân. Việc xây dựng và kiểm soát danh mục đầu tư một cách khoa học không chỉ giúp nhà đầu tư đạt được mục tiêu tài chính mà còn hạn chế rủi ro và tận dụng cơ hội trên thị trường. Dưới đây là những lợi ích của việc quản lý danh mục đầu tư:

- Tối ưu hóa lợi nhuận: Quản lý danh mục đầu tư hiệu quả giúp nhà đầu tư phân bổ vốn hợp lý giữa các tài sản tài chính, từ đó tối đa hóa lợi nhuận. Việc lựa chọn danh mục dựa trên các nguyên tắc đầu tư phù hợp có thể mang lại lợi suất cao hơn so với việc đầu tư đơn lẻ và thiếu chiến lược.

- Đáp ứng mục tiêu đầu tư: Mỗi nhà đầu tư có mục tiêu và chiến lược đầu tư khác nhau, bao gồm mức vốn, kỳ vọng lợi nhuận, mức độ chấp nhận rủi ro và thời gian đầu tư. Quản lý danh mục đầu tư giúp điều chỉnh các yếu tố này nhằm đảm bảo rằng danh mục đầu tư phù hợp với mục tiêu tài chính đề ra.

- Kiểm soát rủi ro: Một nguyên tắc quan trọng trong quản lý danh mục đầu tư là đa dạng hóa danh mục nhằm giảm thiểu rủi ro. Thay vì tập trung toàn bộ vốn vào một loại tài sản hoặc một lĩnh vực cụ thể, nhà đầu tư có thể phân bổ nguồn vốn vào nhiều kênh đầu tư khác nhau. Điều này giúp hạn chế tổn thất trong trường hợp một kênh đầu tư gặp bất lợi.

- Thích ứng với sự biến động của thị trường: Thị trường tài chính luôn thay đổi dưới tác động của các yếu tố kinh tế, chính trị và xã hội. Việc quản lý danh mục đầu tư giúp nhà đầu tư linh hoạt điều chỉnh danh mục để tận dụng cơ hội từ các xu hướng mới và giảm thiểu tác động tiêu cực khi thị trường biến động.

- Theo dõi và đánh giá hiệu suất đầu tư: Quản lý danh mục đầu tư giúp nhà đầu tư có cái nhìn tổng quan về hiệu suất của các khoản đầu tư. Việc theo dõi liên tục và đánh giá định kỳ giúp xác định kênh đầu tư có tiềm năng để tiếp tục gia tăng tỷ trọng, đồng thời loại bỏ hoặc điều chỉnh những khoản đầu tư kém hiệu quả nhằm tối ưu hóa danh mục.

1.2.5. Các chỉ số đánh giá hiệu quả quản lý danh mục đầu tư

Theo lý thuyết và thực tiễn quản trị đầu tư, nhà đầu tư thường có xu hướng ngại rủi ro, do đó họ yêu cầu một mức sinh lời kỳ vọng cao hơn để bù đắp rủi ro mà họ phải chịu. Chính vì vậy, các thước đo đánh giá sinh lời thường so sánh tỷ suất sinh lời mà nhà quản lý danh mục đầu tư tạo ra với mức rủi ro tương ứng. Hai loại rủi ro thường được áp dụng để đánh giá sinh lời là rủi ro thị trường (hay rủi ro hệ thống), đo bằng Beta và tổng rủi ro của danh mục đầu tư, đo bằng độ lệch chuẩn. Các phương pháp đánh giá chất lượng sinh lời có điều chỉnh rủi ro được sử dụng phổ biến là: Alpha (còn được gọi là Jensen's alpha), tỉ số Treynor (còn được gọi là phần thưởng biến động hay lợi nhuận tăng thêm cho rủi ro không đa dạng hóa danh mục), và tỉ số Sharpe (còn được gọi là phần thưởng biến số).

** Tỷ số Alpha (Jensen's Alpha)*

Alpha sau đầu tư là một thước đo đánh giá hiệu suất danh mục dựa trên đường thị trường chứng khoán (SML) trong mô hình CAPM. Công thức cơ bản của CAPM trước đầu tư là:

$$E(R_i) = R_f + \beta_i [E(R_m) - R_f]$$

Sau khi đầu tư, công thức được điều chỉnh để xác định Alpha:

$$R_i - R_f = \alpha_i + \beta_i (R_M - R_f) + \varepsilon_t$$

Trong đó:

R_i : Tỷ suất sinh lời thực tế của danh mục

R_M : Tỷ suất sinh lời thực tế của thị trường

α_i : Alpha sau đầu tư

ε_t : Sai số ngẫu nhiên

Alpha là thước đo thể hiện mức sinh lời vượt trội so với tỷ suất sinh lời kỳ vọng, được điều chỉnh theo rủi ro hệ thống của danh mục đầu tư. Một nhà quản lý danh mục có năng lực thường sẽ tạo ra Alpha dương, phản ánh khả năng tạo giá trị vượt mức so với thị trường. Tuy nhiên, vẫn tồn tại tranh luận về việc nhà đầu tư nên ưu tiên danh mục có Alpha cao nhưng đi kèm với mức biến động lớn, hay danh mục có Alpha thấp hơn nhưng mang lại sự ổn định về hiệu suất.

** Tỷ số Treynor*

$$\text{Công thức: } T_A = \frac{R_A - R_f}{\beta_A}$$

Trong đó:

R_A : Tỷ suất sinh lời trung bình của danh mục

R_f : Tỷ suất sinh lời phi rủi ro

β_A : Beta của danh mục đầu tư

Tỷ số Treynor cho biết mức sinh lời đạt được trên mỗi đơn vị rủi ro hệ thống. Tỷ số Treynor giúp xác định danh mục nào mang lại lợi suất tốt hơn so với mức độ rủi ro thị trường đã chấp nhận. Tỷ số Treynor cao cho thấy danh mục đầu tư có hiệu suất tốt sau khi điều chỉnh theo rủi ro hệ thống. Chỉ số này giúp nhà đầu tư so sánh các danh mục trong cùng một thị trường hoặc cùng mức rủi ro hệ thống.

** Tỷ số Sharpe*

Không giống Alpha và Treynor chỉ xét đến rủi ro hệ thống, tỷ số Sharpe đo lường mức sinh lời vượt trội so với tổng rủi ro của danh mục, được tính bằng công thức:

$$\text{Công thức: } S_A = \frac{R_A - R_B}{\sigma_A}$$

Trong đó:

R_A : Tỷ suất sinh lời trung bình của danh mục

R_B : Tỷ suất sinh lời phi rủi ro

$$\sigma_A = \sqrt{\frac{\sum W_i * ((E(R_i) - E(R_P))^2}{n-1}} : \text{Độ lệch chuẩn của danh mục}$$

- Tỷ lệ Sharpe ≥ 1 : Cho thấy danh mục đầu tư hoặc chiến lược đầu tư có hiệu suất tối ưu sau khi đã điều chỉnh rủi ro. Giá trị càng cao, hiệu suất càng tốt.

- $0 < \text{Tỷ lệ Sharpe} < 1$: Chiến lược đầu tư chưa tối ưu, lợi nhuận chưa đủ cao so với mức độ rủi ro chấp nhận. Tuy nhiên, vẫn có thể xem xét sử dụng trong một số trường hợp.

- Tỷ lệ Sharpe ≤ 0 : Cho thấy danh mục đầu tư không mang lại lợi suất đủ để bù đắp rủi ro, quản lý danh mục chưa hiệu quả.

1.3. TỔNG QUAN VỀ PHƯƠNG PHÁP CANSLIM.

1.3.1. Lịch sử hình thành và phát triển của phương pháp CANSLIM.

William J. O'Neil bắt đầu sự nghiệp đầu tư vào những năm 1950s khi ông làm việc tại một công ty môi giới chứng khoán. Trong quá trình nghiên cứu và thực hành, ông nhận thấy rằng các cổ phiếu có mức tăng trưởng mạnh nhất trong lịch sử đều có chung những đặc điểm nhất định trước khi bứt phá. Để kiểm chứng giả thuyết này, O'Neil đã tiến hành phân tích dữ liệu cổ phiếu trong gần 100 năm, từ đầu thế kỷ 20 đến những năm 1950, nhằm tìm ra các yếu tố cốt lõi giúp một cổ phiếu thành công vượt trội so với thị trường chung.

Năm 1958, O'Neil đã bắt đầu sử dụng các công cụ thống kê để phân tích dữ liệu cổ phiếu, một phương pháp còn khá mới vào thời điểm đó. Ông nhận ra rằng những cổ phiếu có lợi nhuận đột biến, doanh thu tăng trưởng mạnh mẽ và có sự tham gia của các quỹ đầu tư lớn thường là những cổ phiếu chiến thắng trên thị trường. Từ đây, ông đã đặt nền móng cho phương pháp CANSLIM.

Năm 1963, O'Neil thành lập công ty William O'Neil & Co., chuyên cung cấp dữ liệu và phân tích chứng khoán cho nhà đầu tư chuyên nghiệp. Ông là một trong những người tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ máy tính để phân tích dữ liệu thị trường chứng khoán, điều này giúp ông có lợi thế trong việc phát hiện các cổ phiếu tiềm năng. O'Neil sử dụng các mô hình dữ liệu để xây dựng hệ thống đầu tư dựa trên các tiêu chí CANSLIM, giúp nhà đầu tư dễ dàng nhận diện cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng mạnh. Trong giai đoạn này, O'Neil cũng tham gia nhiều hội thảo và giảng dạy về phương pháp CANSLIM, giúp nó dần trở nên phổ biến hơn trong giới đầu tư chuyên nghiệp.

Năm 1984, O'Neil sáng lập tờ báo Investor's Business Daily (IBD) nhằm cung cấp thông tin về thị trường chứng khoán và hướng dẫn nhà đầu tư sử dụng phương pháp CANSLIM.

Năm 1988, ông xuất bản cuốn sách "How to Make Money in Stocks", tổng hợp toàn bộ nghiên cứu về phương pháp CANSLIM và cách áp dụng nó để kiếm lợi nhuận

trên thị trường chứng khoán.

Trong thập kỷ 1990s, CANSLIM trở thành một trong những chiến lược đầu tư phổ biến nhất tại Mỹ, được nhiều nhà đầu tư cá nhân áp dụng thành công. Các khóa học và hội thảo về CANSLIM bắt đầu xuất hiện rộng rãi, thu hút sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư trên toàn thế giới.

CANSLIM tiếp tục được cải tiến để phù hợp với sự thay đổi của thị trường chứng khoán hiện đại. Các công cụ phân tích dữ liệu trực tuyến như MarketSmith được phát triển để giúp nhà đầu tư cá nhân dễ dàng áp dụng phương pháp CANSLIM. O'Neil và các chuyên gia tại Investor's Business Daily đã cập nhật phương pháp này để thích ứng với các xu hướng mới như giao dịch thuật toán, sự bùng nổ của công nghệ và ảnh hưởng của các yếu tố vĩ mô lên thị trường tài chính.

1.3.2. Các tiêu chí trong phương pháp CANSLIM

Phương pháp CANSLIM được tạo nên bởi 60% phân tích thông tin cơ bản và 40% phân tích chuyên môn. O'Neil tiến hành nghiên cứu kỹ lưỡng những thông tin cơ bản tìm ra cổ phiếu tốt nhất để đầu tư và ông sử dụng những phân tích chuyên môn để xác định thời gian mua và bán tốt nhất của mỗi loại cổ phiếu. Chiến lược giao dịch của O'Neil dựa trên việc nghiên cứu những cổ phiếu hoạt động tốt nhất từ năm 1953. Mỗi chữ cái CANSLIM là chữ viết tắt đặc điểm chính của những cổ phiếu hoạt động tốt nhất trước khi những cổ phiếu này tăng giá mạnh.

1.3.2.1. C (Current Earnings): Tăng trưởng thu nhập quý hiện tại.

Đây là yếu tố quan trọng nhất trong phương pháp CANSLIM. Phương pháp này nhấn mạnh việc chỉ lựa chọn những cổ phiếu có hiệu suất vượt trội. Do lợi nhuận của doanh nghiệp là động lực chính thúc đẩy giá cổ phiếu, O'Neil đề xuất rằng lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (EPS) nên tăng ít nhất 25% so với cùng kỳ năm trước.

$$\text{Công thức: EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế} - \text{Cổ tức cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

EPS cho biết nhà đầu tư được hưởng lợi nhuận trên mỗi cổ phần đang nắm giữ hàng năm là bao nhiêu; chỉ số này càng cao thì chứng tỏ doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả và cổ phiếu sẽ càng hấp dẫn nhà đầu tư hơn. Khi tính toán EPS cần loại bỏ những khoản lợi tức bất thường một lần của công ty. Việc chú trọng đến tăng trưởng lợi tức trong chiến thuật CANSLIM sẽ đảm bảo nhà đầu tư luôn luôn được dẫn dắt đến với những cổ phiếu mạnh mẽ trong bất kỳ một chu kỳ thị trường nào, bất chấp hiện tượng bong bóng giá. Và đừng mua chỉ dựa trên một mình mức tăng trưởng lợi tức.

Bên cạnh đó, doanh thu là yếu tố phản ánh nhu cầu của thị trường đối với sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp cũng cần tăng trưởng ở mức tương tự vì con số lợi tức có thể bị thổi phồng trong một vài quý do sự cắt giảm chi phí hoặc công tác nghiên cứu và phát triển, do giảm phát, từ các nguồn vốn dự trữ... Những cổ phiếu

hàng đầu thường có mức tăng trưởng doanh thu trên 20%. Việc tăng trưởng mạnh cả về doanh thu và lợi nhuận là tín hiệu quan trọng cho thấy tiềm năng của cổ phiếu. Cổ phiếu có tốc độ tăng trưởng EPS trung bình hàng năm từ 25% trở lên thường là lựa chọn đáng cân nhắc.

1.3.2.2. A (Annual Earnings): Tăng trưởng lợi nhuận hàng năm.

Bất kỳ một công ty nào cũng có thể báo cáo một quý có lợi tức tốt vào một thời điểm nào đó thôi là chưa đủ. Phương pháp CANSLIM yêu cầu doanh nghiệp duy trì mức tăng trưởng lợi nhuận hàng năm tối thiểu 25% trong vòng ba năm liên tiếp, có thể chấp nhận nếu có 1 năm bị sụt giảm nhưng các năm sau đó phải tăng và đạt được đỉnh cao mới. Lợi nhuận ở đây chỉ tính đến lợi nhuận của hoạt động cốt lõi trong kinh doanh của doanh nghiệp, mà không phải bởi các nguồn đầu tư tài chính khác ngoài hoạt động kinh doanh chính của công ty. Thêm vào đó, những cổ phiếu hàng đầu thường có chỉ số P/E cao hơn so với thị trường chung và có tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) trên 17%.

Nếu một công ty có hệ số P/E cao hơn mức trung bình của toàn bộ thị trường mức bình quân ngành, thì thị trường đang kỳ vọng vào khả năng tăng trưởng tốt của công ty trong một thời gian tới. Một công ty có hệ số P/E cao cuối cùng sẽ phải tăng trưởng lớn về lợi nhuận hoạt động.

$$\text{Công thức: P/E} = \frac{\text{Giá cổ phiếu}}{\text{EPS}}$$

P/E là tỷ lệ giữa giá thị trường của cổ phiếu và lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu. Chỉ số này cho biết nhà đầu tư sẵn sàng trả bao nhiêu cho mỗi đồng lợi nhuận mà công ty tạo ra.

Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu hàng năm của doanh nghiệp phù hợp tiêu chí CANSLIM sẽ có ROE nhỏ nhất là 17% mỗi năm. Tỷ suất sinh lời trên một cổ phần giúp phân biệt những công ty được điều hành tốt và những công ty có bộ máy điều hành kém cỏi.

$$\text{Công thức: ROE} = \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

ROE cho biết một đồng vốn tự có doanh nghiệp tạo được bao nhiêu đồng lợi nhuận. ROE càng cao thì cho thấy doanh nghiệp sử dụng vốn hiệu quả của cổ đông.

1.3.2.3. N (New Products, New management, New highs): Sản phẩm dịch vụ mới, quản lý mới, giá mới

Các yếu tố đổi mới như sản phẩm mới, ban lãnh đạo mới hoặc cổ phiếu đạt mức giá cao mới có thể tạo ra động lực tăng trưởng mạnh cho giá cổ phiếu. Nhà đầu tư nên chú ý đến các công ty có sự thay đổi tích cực trong ban lãnh đạo hoặc tung ra sản phẩm/dịch vụ mới nhằm thúc đẩy nhu cầu thị trường.

Một nguyên tắc quan trọng của phương pháp CANSLIM là mua cổ phiếu khi nó đạt mức giá cao mới, ngay cả khi mức giá đó có vẻ cao hơn so với trước đó. Điều này là do cổ phiếu có xu hướng tiếp tục tăng khi phá vỡ mức giá cao trước đó, đặc biệt khi được hỗ trợ bởi sự tăng trưởng mạnh về lợi nhuận và doanh thu.

1.3.2.4. S (Supply and Demand): Cung và cầu.

Mức độ cung cầu của cổ phiếu có ảnh hưởng quan trọng đến xu hướng giá. Nhà đầu tư nên tập trung vào các cổ phiếu có lượng cung hạn chế nhưng cầu cao, thể hiện qua khối lượng giao dịch gia tăng khi giá cổ phiếu tăng. Giá của một cổ phiếu phổ thông có tới 3 tỉ cổ phần trên thị trường sẽ khó tạo ra một chuyển biến tăng trưởng đáng kể về giá vì cần đến một lượng mua vào, hay nhu cầu, cực lớn. Ngược lại, nếu một công ty chỉ có 100 triệu cổ phần được phát hành trên thị trường thì chỉ cần mua vào hoặc nhu cầu tương đối cũng có thể đẩy giá tăng mạnh. Các cổ phiếu có vốn hóa nhỏ thường dễ biến động mạnh hơn, do đó cần áp dụng nguyên tắc cắt lỗ chặt chẽ để kiểm soát rủi ro.

Việc công ty có thành tích tăng trưởng thỏa mãn, điều kiện CANSLIM thực hiện mua lại cổ phiếu cũng là một tín hiệu tích cực, cho thấy công ty đó đang trông đợi sự tăng trưởng về doanh thu và lợi tức trong tương lai. Ngoài ra, nhà đầu tư cần chú ý đến hiện tượng phân tách cổ phiếu, vì sau khi phân tách, giá cổ phiếu có thể tăng mạnh nếu doanh nghiệp tiếp tục duy trì mức tăng trưởng lợi nhuận ổn định.

1.3.2.5. L (Leader or Laggard): Cổ phiếu dẫn đầu hoặc theo sau.

Nếu sở hữu một danh mục đầu tư cổ phiếu, phải học cách bán những cổ phiếu kém cỏi nhất trước khi giữ lại những cổ phiếu tốt nhất lâu hơn. Nhà đầu tư nên tập trung vào các cổ phiếu dẫn đầu trong nhóm ngành có mức tăng trưởng mạnh nhất. Các đợt điều chỉnh, hay đợt giảm giá, của toàn bộ thị trường có thể giúp nhận diện những cổ phiếu dẫn đầu mới. Một cổ phiếu dẫn đầu thường có mức tăng trưởng lợi nhuận cao, ROE vượt trội và giá cổ phiếu có xu hướng tăng mạnh hơn so với các cổ phiếu khác trong cùng ngành.

Chỉ số sức mạnh giá tương đối (RS Rating) được sử dụng để đánh giá hiệu suất của cổ phiếu so với thị trường chung trong vòng 52 tuần. Theo phương pháp CANSLIM, nhà đầu tư nên chọn các cổ phiếu có RS Rating từ 87 trở lên, vì đây thường là những cổ phiếu có xu hướng bứt phá mạnh.

1.3.2.6. I (Institutional Sponsorship): Sự bảo trợ của các tổ chức.

Các tổ chức tài chính lớn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy giá cổ phiếu. Nhà đầu tư nên lựa chọn các cổ phiếu có sự tham gia của các tổ chức tài chính uy tín, đặc biệt là những cổ phiếu có số lượng tổ chức nắm giữ tăng dần qua các quý. Giao dịch của các tổ chức này chiếm khoảng 75% tổng khối lượng giao dịch trên thị trường, do đó sự quan tâm của họ đối với một cổ phiếu có thể là tín hiệu quan trọng về

tiềm năng tăng trưởng của cổ phiếu đó. Một cổ phiếu thành công không cần phải có thật nhiều cổ đông tổ chức, nhưng phải có ít nhất vài cổ đông, nếu một cổ phiếu không có được sự bảo trợ chuyên nghiệp, nhiều khả năng thành tích của nó sẽ rất tầm thường. Trong thời gian ngắn nhất và hãy đầu tư vào những cổ phiếu có tổng số cổ đông tổ chức tăng lên trong các quý gần nhất.

1.3.2.7. M (Market Direction): Xu hướng thị trường.

Mặc dù được liệt kê cuối cùng, xu hướng thị trường lại là yếu tố quan trọng nhất trong phương pháp CANSLIM. Dù một cổ phiếu có các yếu tố cơ bản tốt, nhưng nếu thị trường chung đang trong xu hướng giảm, việc đầu tư vào cổ phiếu đó vẫn tiềm ẩn rủi ro cao. Trong đa số trường hợp, hãy bán ra khi tỉ lệ tăng trưởng lợi tức hàng quý của doanh nghiệp giảm đáng kể trong hai quý liên tục.

Nhà đầu tư cần theo dõi xu hướng thị trường chung để xác định thời điểm phù hợp tham gia hoặc rút lui khỏi thị trường. O'Neil nhấn mạnh rằng khoảng 75% cổ phiếu sẽ di chuyển theo xu hướng chung của thị trường. Vì vậy, việc nghiên cứu chu kỳ thị trường và sử dụng các chỉ báo kỹ thuật để xác định xu hướng là rất quan trọng. Hiểu rõ chu kỳ thị trường sẽ giúp nhà đầu tư xác định đúng xu hướng tổng thể và lựa chọn nhóm ngành đầu tư phù hợp với từng thời kỳ.

Nếu giá của một cổ phiếu đã tăng trong nhiều tháng (kể từ điểm mua nằm trên một nền tảng giá ổn định), kết thúc phiên giao dịch với mức giá tăng mạnh chưa từng thấy trong mọi ngày trước đó và khối lượng giao dịch lớn nhất trong một ngày đây có thể là thời điểm gần đỉnh giá, hoặc đỉnh tăng trưởng. Sau một thời gian dài tăng giá, khối lượng giao dịch lớn trong ngày mà không có sự tiến triển xa hơn về giá thì đây là dấu hiệu của hoạt động phân phối.

Nếu không bán sớm khi cổ phiếu còn đang lên giá, hãy bán trên đường nó rơi xuống từ đỉnh tăng trưởng. Sau đợt suy giảm đầu tiên, một số cổ phiếu có thể tăng giá trở lại một lần. có khối lượng giao dịch ít hơn, thể hiện một đợt phục hồi kém, hoặc chỉ trụ lại được trong một thời gian ngắn. Hãy bán trong ngày thứ 2 hoặc thứ 3 của đợt hồi phục kém, đó có thể là cơ hội tốt để bán ra trước khi các đường biểu diễn xu thế và các khu vực hỗ trợ sụp đổ.

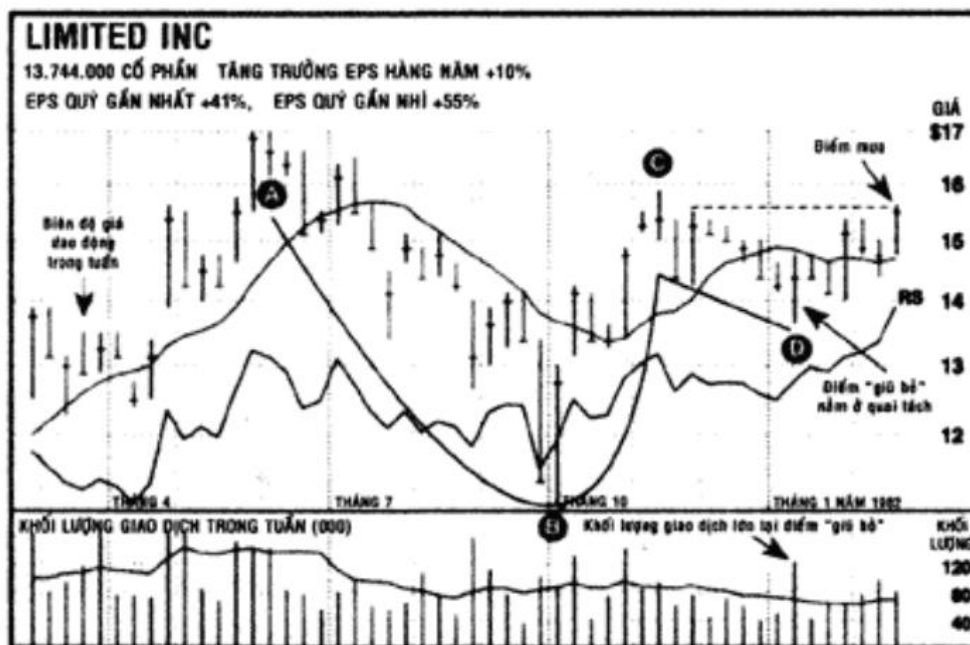
Một trong những công cụ hỗ trợ quan trọng là chỉ số sức mạnh giá tương đối, giúp đánh giá hiệu suất của cổ phiếu so với thị trường. Chỉ số này được tính bằng cách so sánh mức giá hiện tại với mức giá của một năm trước đó, sau đó đối chiếu với các cổ phiếu khác để xác định cổ phiếu nào có hiệu suất vượt trội.

Ngoài ra, nghiên cứu mô hình giá cổ phiếu thông qua phân tích biểu đồ cũng là một phần quan trọng của phương pháp CANSLIM. O'Neil nhận thấy rằng các cổ phiếu có xu hướng hình thành các mô hình giá lặp đi lặp lại trước khi tăng mạnh. Việc nhận diện đúng mô hình giá có thể giúp nhà đầu tư xác định được thời điểm mua bán hợp lý,

từ đó tối ưu hóa lợi nhuận và quản lý rủi ro hiệu quả.

Dưới đây là một số mẫu hình để giúp đánh giá xu hướng thị trường:

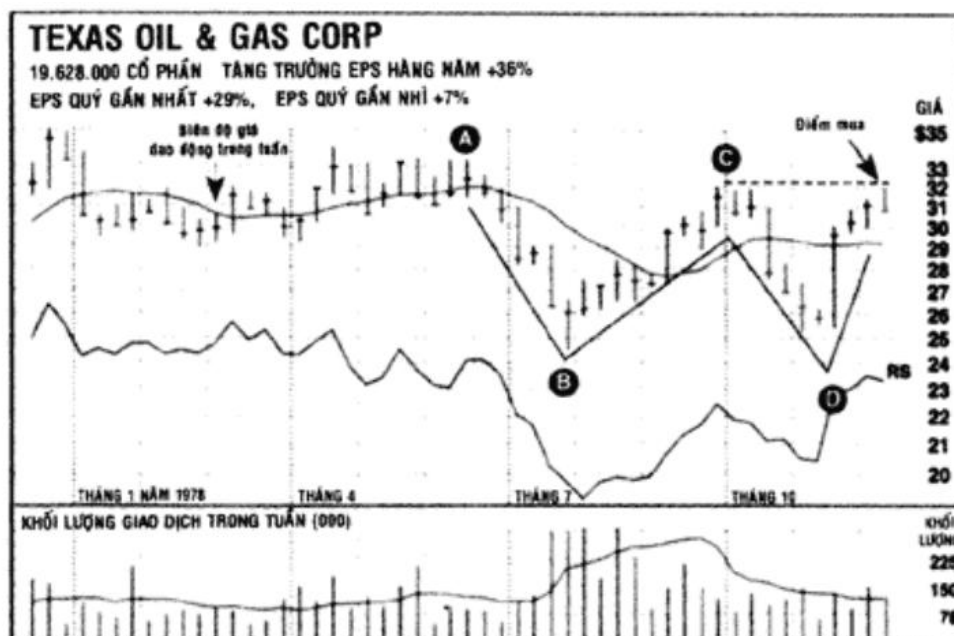
- Mẫu hình Tách có quai: là mẫu hình giá trung hạn, thể hiện quá trình tích lũy trước khi giá bứt phá mạnh mẽ. Hình dạng tổng thể giống như một cái tách với phần quai nhỏ ở bên phải.



Biểu đồ 1.1: Mẫu hình Tách có quai tăng giá 701% trong 17 tháng

Nguồn: Làm giàu qua chứng khoán William J.O'Neil

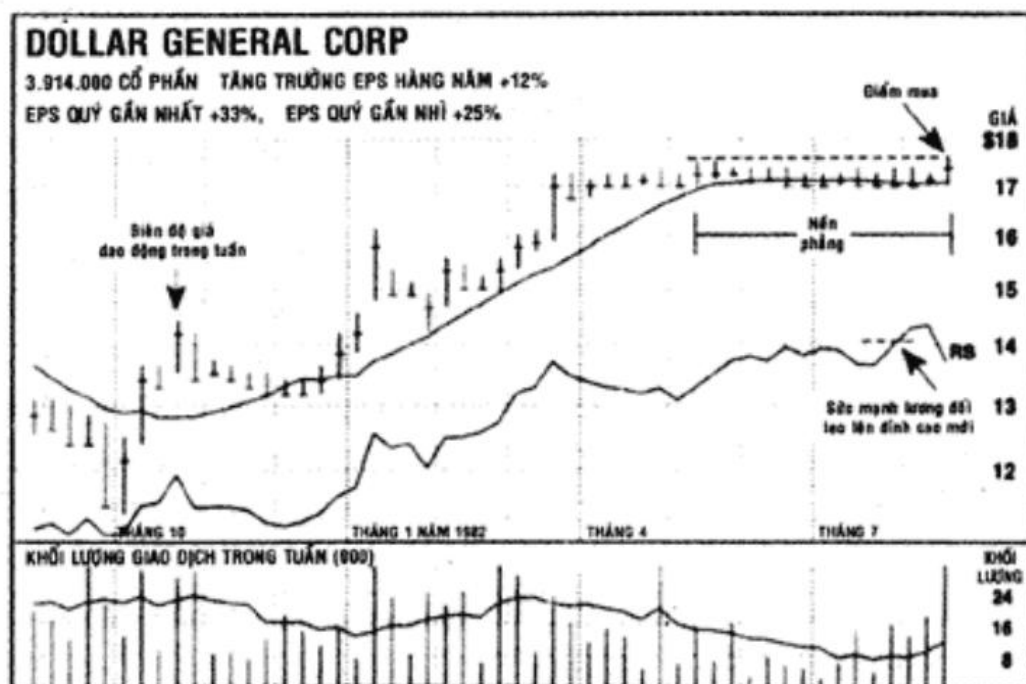
- Mô hình Hai đáy (đáy chữ W): là tín hiệu đảo chiều quan trọng, thường xuất hiện sau xu hướng giảm, cho thấy bên bán đã suy yếu và xu hướng tăng mới có thể hình thành. Có hai đáy gần bằng nhau, hình dạng giống chữ "W".



Biểu đồ 1.2: Mẫu hình hai đáy tăng giá 532% trong 23 tháng

Nguồn: Làm giàu qua chứng khoán William J.O'Neil

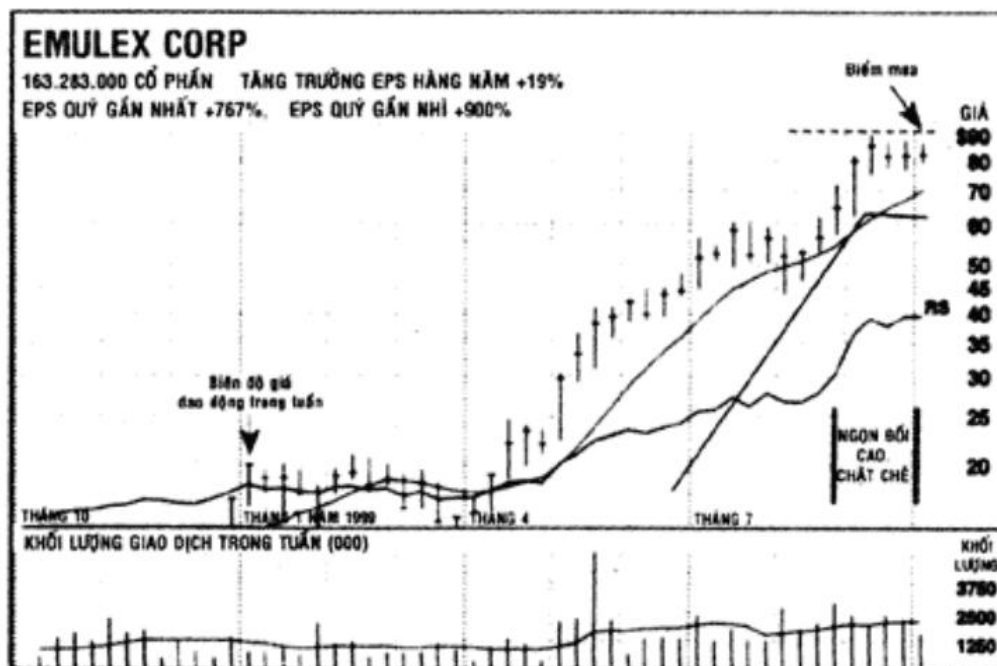
- Mẫu hình Nền phẳng (Plat base): là dạng tích lũy giá diễn ra trong biên độ dao động rất hẹp (không quá 10-15%), trong một thời gian đủ dài (tối thiểu 5–6 tuần).



Biểu đồ 1.3: Mẫu hình Nền phẳng tăng giá 705% trong 34 tháng

Nguồn: Làm giàu qua chứng khoán William J.O'Neil

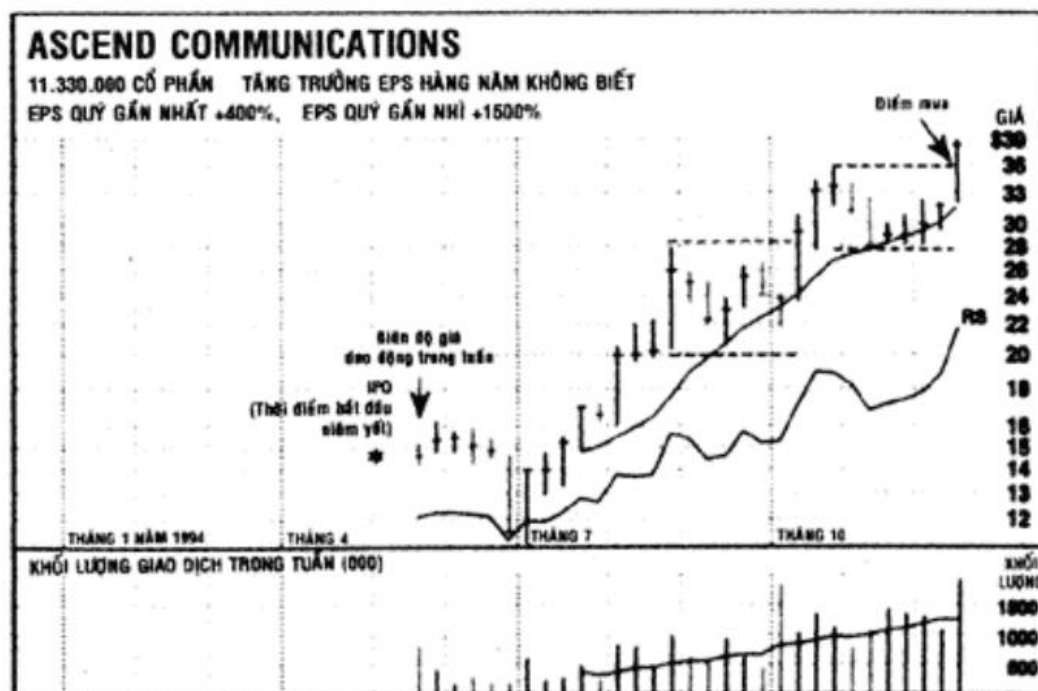
- Mẫu hình Ngọn đồi cao, chặt chẽ: rất hiếm gặp và chỉ xuất hiện ở không quá một hoặc hai cổ phiếu trong mỗi giai đoạn tăng trưởng. Khởi đầu bằng một cuộc tăng giá từ 100% - 120% trong khoảng thời gian rất ngắn (từ 4 - 8 tuần).



Biểu đồ 1.4: Mẫu hình Ngọn đồi cao, chặt chẽ tăng giá 404% trong 6 tháng

Nguồn: Làm giàu qua chứng khoán William J.O'Neil

- Mẫu hình Nền chồng nền (Nền tảng dựa trên nền tảng): là hiện tượng cổ phiếu sau khi bứt phá khỏi một mẫu hình, tiếp tục tích lũy thêm và tạo ra một mẫu hình nền phẳng thứ hai ngay trên nền cũ. Biên độ dao động nhỏ, thể hiện dòng tiền vẫn bám trụ.



Biểu đồ 1.5: Mẫu hình Nền chồng nền tăng giá 1496% trong 17 tháng

Nguồn: Làm giàu qua chứng khoán William J.O'Neil

Tóm lại, phương pháp CANSLIM kết hợp cả phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật để tìm ra những cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng cao. Việc hiểu và vận dụng đúng từng yếu tố trong phương pháp này sẽ giúp nhà đầu tư gia tăng cơ hội thành công trên thị trường chứng khoán.

1.3.3. Các nguyên tắc khi áp dụng phương pháp CANSLIM

Thị trường là nơi vận động liên tục và là nơi bị chi phối bởi chính hành vi tâm lý của con người, nhưng khi đầu tư trên thị trường thì cần phải tìm hiểu và tuân theo các nguyên tắc đúng đắn để nghiên cứu, sàng lọc, lựa chọn cổ phiếu đầu tư. CANSLIM là hệ thống các chỉ tiêu cụ thể được kiểm nghiệm giúp tạo nên nền móng vững chắc cho đầu tư thành công trên thị trường. Ba nguyên tắc lớn của CANSLIM là:

Nguyên tắc 1: Chỉ mua cổ phiếu khi thị trường tăng giá; thực hiện các biện pháp phòng thủ khi những “cú tát của con gấu” bắt đầu xuất hiện trên thị trường.

Nguyên tắc 2: Tập trung vào các công ty có tăng trưởng lợi nhuận cao, sản phẩm hoặc dịch vụ mới, mang tính cách mạng.

Nguyên tắc 3: Mua các cổ phiếu được nhiều nhà đầu tư tổ chức thu gom; tránh xa các cổ phiếu khi các nhà đầu tư tổ chức bán tháo nó.

CANSLIM là một hệ thống các chỉ tiêu hoạt động hiệu quả bất chấp những thăng trầm của thị trường là vì CANSLIM hoạt động dựa trên cách thức vận hành thực

tế của thị trường chứ không phải dựa trên quan điểm hay cảm xúc cá nhân của riêng ai.

1.3.4. Một số sai lầm William J.O'Neil nhắc đến khi vận dụng phương pháp CANSLIM mà nhà đầu tư thường hay mắc phải

- *Có chấp nắm giữ cổ phiếu đang thua lỗ*: Nhiều nhà đầu tư thường không muốn hiện thực hóa khoản lỗ nên tiếp tục giữ cổ phiếu đang giảm giá với hy vọng giá sẽ hồi phục. Tuy nhiên, việc không cắt lỗ kịp thời có thể dẫn đến thua lỗ nghiêm trọng hơn. Theo nguyên tắc quản trị rủi ro, nhà đầu tư nên xem xét bán ra khi cổ phiếu giảm từ 7% đến 8% so với giá mua ban đầu.

- *Mua vào cổ phiếu đang giảm giá mà không phân tích nguyên nhân*: Cổ phiếu giảm giá có thể trông hấp dẫn do giá "rẻ" hơn trước, nhưng nếu không xem xét nguyên nhân đằng sau đà giảm và xu hướng thị trường chung, nhà đầu tư có thể rơi vào bẫy giá giảm và đối mặt với rủi ro lớn hơn.

- *Mua bình quân giá xuống thay vì đánh giá lại danh mục*: Việc mua thêm cổ phiếu khi giá đang giảm để trung bình giá vốn thường không hiệu quả. Thay vì nhận ra đây là dấu hiệu tiêu cực, nhiều nhà đầu tư lại tiếp tục đầu tư vào tài sản đang suy giảm, dẫn đến nguy cơ thua lỗ nặng nề hơn.

- *Ưu tiên số lượng cổ phiếu giá thấp thay vì chất lượng doanh nghiệp*: Việc mua nhiều cổ phiếu giá thấp không đồng nghĩa với hiệu quả đầu tư cao. Các cổ phiếu giá rẻ thường đi kèm với nền tảng doanh nghiệp yếu hoặc đang gặp vấn đề. Nhà đầu tư nên ưu tiên cổ phiếu của những doanh nghiệp chất lượng, dù giá cao hơn.

- *Tư duy đầu tư để kiếm lời nhanh chóng*: Tâm lý muốn "đánh nhanh thắng nhanh" khiến nhiều nhà đầu tư bỏ qua quá trình nghiên cứu và phân tích doanh nghiệp. Đây là nguyên nhân dẫn đến các quyết định thiếu căn cứ và dễ mắc phải sai lầm lớn.

- *Đầu tư dựa trên tin đồn và lời mách nước*: Nhiều nhà đầu tư mới thường tin vào các thông tin chưa được xác thực thay vì tự nghiên cứu và phân tích. Việc đầu tư theo tin đồn có thể dẫn đến các khoản thua lỗ nghiêm trọng khi thị trường không diễn biến theo kỳ vọng.

- *Lựa chọn cổ phiếu dựa trên cổ tức cao hoặc P/E thấp*: Cổ tức và hệ số P/E không phản ánh đầy đủ tiềm năng tăng trưởng của doanh nghiệp. Nhà đầu tư cần quan tâm đến tốc độ tăng trưởng lợi nhuận, hiệu quả sử dụng vốn và các yếu tố căn bản khác để đánh giá cổ phiếu một cách toàn diện.

- *Thiếu tiêu chí lựa chọn cổ phiếu rõ ràng*: Không ít nhà đầu tư mua cổ phiếu theo cảm tính, không phân tích kỹ lưỡng về tăng trưởng lợi nhuận, doanh thu hay hiệu suất sinh lời. Việc thiếu tiêu chí đánh giá cụ thể dễ dẫn đến lựa chọn sai lầm.

- *Chỉ đầu tư vào những doanh nghiệp quen thuộc*: Những doanh nghiệp lâu đời có thể đã hết dư địa tăng trưởng. Trong khi đó, các cơ hội hấp dẫn thường đến từ những công ty mới nổi, chưa được thị trường chú ý nhiều nhưng có tiềm năng lớn.

- *Không phân biệt được thông tin đáng tin cậy:* Thị trường tràn ngập thông tin, nhưng không phải tất cả đều chính xác. Nhà đầu tư cần biết đánh giá nguồn tin, kiểm chứng dữ liệu và chỉ hành động dựa trên các thông tin có cơ sở rõ ràng.

- *Ngần ngại với các cổ phiếu đạt đỉnh mới và không sử dụng biểu đồ phân tích kỹ thuật:* Nhiều người lo sợ cổ phiếu đạt đỉnh giá mới là “quá đắt”, trong khi thực tế đó có thể là dấu hiệu của một đợt tăng trưởng mạnh. Sử dụng biểu đồ kỹ thuật giúp nhà đầu tư nhận biết được các điểm mua/bán hợp lý và cấu trúc thị trường.

- *Bán cổ phiếu đang sinh lời, giữ lại cổ phiếu đang thua lỗ:* Đây là tâm lý phổ biến, nhưng sai lầm. Nhà đầu tư cần cắt lỗ kịp thời và mạnh dạn nắm giữ những cổ phiếu đang tăng trưởng tốt vì chúng có khả năng tiếp tục sinh lời.

- *Quá lo lắng về thuế và phí giao dịch:* Mục tiêu của đầu tư là tối đa hóa lợi nhuận. Việc quá quan tâm đến thuế và phí giao dịch có thể khiến nhà đầu tư bỏ lỡ các cơ hội đầu tư hiệu quả hoặc trì hoãn các quyết định cần thiết.

- *Không có kế hoạch thoát lệnh rõ ràng:* Nhiều nhà đầu tư chỉ tập trung vào việc mua cổ phiếu mà không có chiến lược bán cụ thể. Việc xác định trước các tiêu chí để bán (lợi nhuận kỳ vọng, thay đổi trong xu hướng thị trường, hay doanh nghiệp không còn đáp ứng tiêu chí đầu tư) sẽ giúp tránh được các quyết định cảm tính.

- *Thiếu hiểu biết về vai trò của tổ chức đầu tư lớn và biểu đồ kỹ thuật:* Cổ phiếu được hỗ trợ bởi các tổ chức lớn thường có nền tảng vững chắc và tiềm năng tăng trưởng cao. Đồng thời, việc sử dụng phân tích kỹ thuật giúp nhà đầu tư xác định điểm mua/bán chính xác hơn.

- *Tập trung vào đầu cơ phái sinh với mong muốn làm giàu nhanh chóng:* Các công cụ phái sinh như quyền chọn và hợp đồng tương lai mang rủi ro rất cao. Việc tham gia với tâm lý đầu cơ có thể dẫn đến mất trắng nếu không kiểm soát được rủi ro.

- *Quá cứng nhắc trong việc đặt giá lệnh mua/bán:* Việc đặt giá giới hạn quá chặt có thể khiến nhà đầu tư bỏ lỡ cơ hội đầu tư tốt hoặc không kịp phản ứng khi cần cắt lỗ. Giao dịch linh hoạt và nhạy bén với thị trường thường đem lại kết quả khả quan hơn.

- *Thiếu chiến lược ra quyết định rõ ràng:* Việc không xác định được thời điểm mua, bán hay giữ cổ phiếu cho thấy sự thiếu định hướng trong đầu tư. Các nhà đầu tư thành công đều có nguyên tắc hành động cụ thể để tránh bị chi phối bởi cảm xúc.

- *Đầu tư theo cảm tính thay vì đánh giá khách quan:* Việc lựa chọn cổ phiếu vì yêu thích một thương hiệu hay doanh nghiệp mà bỏ qua phân tích dữ liệu có thể dẫn đến quyết định sai lầm. Thị trường không vận hành theo cảm xúc mà theo các quy luật cung - cầu và hiệu quả hoạt động thực tế của doanh nghiệp.

TỔNG KẾT CHƯƠNG 1

Chương 1 đã cung cấp một cái nhìn tổng quan về các khái niệm và lý thuyết cơ bản trong quản lý danh mục đầu tư. Qua đó, ta đã thấy rằng việc phân bổ tài sản và đa dạng hóa danh mục đầu tư đóng vai trò quan trọng trong việc tối ưu hóa tỷ lệ lợi nhuận và rủi ro. Nhà đầu tư cần phân chia vốn đầu tư vào các nhóm tài sản khác nhau để đảm bảo danh mục đầu tư có sự cân bằng giữa lợi nhuận kỳ vọng và mức độ rủi ro có thể chấp nhận được. Trong quá trình này, việc giảm thiểu rủi ro phi hệ thống thông qua đa dạng hóa danh mục là điều cần thiết để tối ưu hóa kết quả đầu tư.

Chương này cũng giới thiệu các lý thuyết về danh mục đầu tư như Lý thuyết Thị trường Hiệu quả (EMH), Lý thuyết Danh mục Đầu tư Hiện đại (MPT), và Mô hình Định giá Tài sản Vốn (CAPM), giúp làm rõ các phương pháp quản lý danh mục đầu tư và mối quan hệ giữa rủi ro và lợi nhuận trong việc lựa chọn tài sản.

Bên cạnh đó, các chiến lược quản lý danh mục đầu tư thụ động và chủ động, giúp nhà đầu tư lựa chọn phương pháp phù hợp với mục tiêu đầu tư của mình. Đặc biệt, chương này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc quản lý danh mục đầu tư trong việc tối ưu hóa hiệu quả đầu tư, kiểm soát rủi ro, và đáp ứng các mục tiêu tài chính cá nhân. Các chiến lược phân bổ tài sản hợp lý, cùng với việc theo dõi và đánh giá hiệu suất đầu tư, là những yếu tố quan trọng giúp nhà đầu tư duy trì và phát triển danh mục đầu tư hiệu quả trong bối cảnh thị trường chứng khoán luôn biến động.

CHƯƠNG 2: VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP CANSLIM QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

2.1. TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

2.1.1. Giới thiệu sơ lược về Thị trường chứng khoán Việt Nam

Sau hơn 28 năm hình thành và phát triển, Thị trường chứng khoán Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể, trở thành một trong những kênh huy động vốn quan trọng của nền kinh tế. Từ những phiên giao dịch đầu tiên với số lượng doanh nghiệp niêm yết hạn chế, thị trường đã không ngừng mở rộng cả về quy mô lẫn chất lượng, thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Ngày 28/11/1996, Chính phủ ban hành Nghị định số 75/CP thành lập Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), cơ quan quản lý chuyên trách về chứng khoán và Thị trường chứng khoán Việt Nam.

Năm 1998, Nghị định 48/1998/NĐ-CP về chứng khoán và TTCK được ban hành, tạo khung pháp lý cho hoạt động phát hành, niêm yết và giao dịch chứng khoán.

Ngày 20/7/2000, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM khai trương, đánh dấu phiên giao dịch đầu tiên với hai mã cổ phiếu REE và SAM.

Ngày 5/8/2003, Chiến lược phát triển TTCK đến năm 2010 được Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Năm 2005, UBCKNN chuyển về Bộ Tài chính quản lý, nâng cao hiệu quả điều hành TTCK. Cùng năm, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được thành lập, mở rộng kênh giao dịch cho doanh nghiệp và nhà đầu tư.

Giai đoạn 2010 - 2020: TTCK Việt Nam tiếp tục phát triển về quy mô và chất lượng. Chỉ số VN30 được ra mắt, tập trung vào 30 công ty có vốn hóa và thanh khoản hàng đầu, giúp nhà đầu tư có thêm công cụ đánh giá thị trường. Nhiều công ty niêm yết tăng trưởng mạnh mẽ, thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư trong và ngoài nước. Hệ thống pháp lý và cơ sở hạ tầng thị trường được cải thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giao dịch.

Giai đoạn 2020 - 2024: TTCK Việt Nam đối mặt với nhiều thách thức, nhưng cũng đạt được những thành tựu đáng kể. Công nghệ thông tin được áp dụng mạnh mẽ, nâng cao hiệu quả giao dịch và minh bạch thông tin. TTCK tiếp tục là kênh huy động vốn quan trọng cho nền kinh tế, hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn và phát triển bền vững.

2.1.2. Tình hình Thị trường chứng khoán Việt Nam từ năm 2022 - 2024

Tình hình Thị trường chứng khoán Việt Nam từ năm 2022 - 2024 đã trải qua nhiều biến động lớn. Thể hiện qua biểu đồ chỉ số VN-INDEX phản ánh sự biến động của Thị trường chứng khoán Việt Nam và biểu đồ khối lượng giao dịch cho thấy mức độ tham gia của nhà đầu tư trong từng giai đoạn. Biểu đồ dưới đây minh họa chỉ số

VN-INDEX và khối lượng giao dịch, giúp làm rõ diễn biến và xu hướng của Thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2022 - 2024.



Biểu đồ 2.1: Chỉ số VN-INDEX từ tháng 1/2022 đến hết tháng 12/2024

Nguồn: TradingView



Biểu đồ 2.2: Chỉ số HNX-INDEX từ tháng 1/2022 đến hết tháng 12/2024

Nguồn: TradingView

Từ biểu đồ trên, ta thấy tiếp nối đà tăng của năm 2021, chỉ số VN-Index đã duy trì được mức tăng mạnh mẽ trong những tháng đầu năm, trong đó đạt mức đỉnh lịch sử mới với 1.528,57 điểm vào ngày 6/1/2022. Chỉ số VN-Index tại ngày 30/12/2022 đạt 1.007,09 điểm, giảm 32,78% so với năm 2021. Khối lượng giao dịch bình quân đạt hơn 693,65 triệu cổ phiếu/phiên, giảm 9,53% so với năm 2021. Giá trị giao dịch bình quân đạt gần 17.185 tỷ đồng, giảm 21,88% so với năm 2021. Giá trị vốn hóa thị trường tại ngày 30/12/2022 đạt khoảng 4,02 triệu tỷ đồng/phiên, giảm 31,19% so với năm 2021. Chỉ số HNX-Index đóng cửa tại phiên giao dịch cuối năm 2022 đạt 205,31

điểm, giảm 56,68% so với cuối năm 2021, trong đó HNX-Index đã ghi nhận mức thấp nhất trong vòng 2 năm trở lại đây tại phiên giao dịch ngày 15/11/2022 với 175,78 điểm. Thanh khoản của thị trường cũng giảm mạnh trong năm 2022, khối lượng giao dịch bình quân đạt 87,34 triệu cổ phiếu/phiên, giảm 41,35% so với năm 2021, tương ứng giá trị giao dịch bình quân đạt 1,93 nghìn tỷ đồng/phiên, giảm 38,73% so với năm 2021. Giá trị vốn hóa thị trường tại thời điểm cuối năm 2022 đạt hơn 252,14 nghìn tỷ đồng, giảm 50,56% so với năm trước.

- Sau khi tiếp tục giữ đà tăng trưởng trong quý I/2022, TTCK Việt Nam bước vào giai đoạn điều chỉnh giảm mạnh và đạt mức thấp nhất vào ngày 15/11/2022, với chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 911,9 điểm. Nguyên nhân xuất phát từ tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trước những bất ổn và triển vọng kém tích cực về kinh tế - chính trị thế giới và có sự đồng pha với diễn biến trên TTCK thế giới. Bên cạnh đó, thời gian qua đã xuất hiện một số vụ việc và biểu hiện không lành mạnh trên thị trường cổ phiếu và trái phiếu, như thao túng thị trường, che giấu thông tin, trục lợi..., đã được cơ quan thẩm quyền xử lý quyết liệt, nhằm thanh lọc và minh bạch thị trường. Những vụ việc này, trong ngắn hạn, làm ảnh hưởng mạnh đến TTCK và tâm lý nhà đầu tư. Trong những tháng cuối năm 2022, có dấu hiệu tích cực khi nhà đầu tư nước ngoài có động thái quay lại mua ròng, sự đảo chiều mạnh mẽ của vốn ngoại đã góp phần hỗ trợ thị trường chứng khoán bớt giảm sâu và tăng điểm trong các nhịp phục hồi.

- TTCK Việt Nam năm 2022 chứng kiến số lượng tài khoản nhà đầu tư chứng khoán tiếp tục gia tăng kỷ lục. Tính chung 11 tháng đầu năm, nhà đầu tư cá nhân trong nước mở mới hơn 2,48 triệu tài khoản, gấp khoảng 2,58 lần so với cuối năm trước. Tổng số lượng tài khoản chứng khoán tại Việt Nam đã gần 6,8 triệu tài khoản, tăng 57,7% so với cuối năm 2021 cho thấy TTCK Việt Nam vẫn còn nhiều tiềm năng, thu hút sự tham gia của các nhà đầu tư trong nước.

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2023 tiếp tục trải qua nhiều biến động, tăng giảm đan xen, kết phiên năm 2023 với chỉ số VN-Index đạt 1.129,93 điểm, tăng 12,2% so với cuối năm 2022. Giá trị vốn hóa thị trường đến ngày 29/12/2023 đạt khoảng 4,56 triệu tỷ đồng, tăng 13,4%. Khối lượng giao dịch bình quân đạt 775,3 triệu cổ phiếu/phiên, tương ứng tăng khoảng 12% so với năm 2022. Giá trị giao dịch bình quân đạt 15.265 tỷ đồng/phiên, giảm 11% so với năm 2022. Chỉ số HNX Index đóng cửa tại phiên giao dịch cuối năm 2023 đạt 231,04 điểm, tăng 12,53% so với cuối năm 2022. Khối lượng giao dịch bình quân đạt 97,6 triệu cổ phiếu/phiên, tăng 11,7% so với năm 2022, tương ứng giá trị giao dịch bình quân đạt 1.653 tỷ đồng/phiên, giảm 14,69% so với năm trước. Giá trị vốn hóa thị trường tại thời điểm cuối năm 2023 đạt 391,16 nghìn tỷ đồng, tăng 39,27% so với năm trước.

- Nửa đầu năm 2023, Thị trường chứng khoán Việt Nam giao dịch trầm lắng,

thanh khoản sụt giảm mạnh so với năm ngoái. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự suy giảm tăng trưởng của các nền kinh tế lớn, lạm phát dai dẳng cùng chính sách thắt chặt tiền tệ kéo dài của các nền kinh tế lớn và căng thẳng địa chính trị ngày càng phức tạp. Sau khi mua ròng mạnh trong quý I trên thị trường cổ phiếu với tổng giá trị mua ròng lên tới 6.959 tỷ đồng, nhà đầu tư nước ngoài đã chuyển sang bán ròng liên tục từ tháng 4/2023 trong bối cảnh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên tục điều chỉnh tỷ giá trung tâm của VND với USD lên mức cao nhất trong nhiều năm trở lại đây. Sau giai đoạn tích lũy, biến động trong biên độ hẹp vào nửa đầu năm, chỉ số chứng khoán Việt Nam đã có sự bứt phá mạnh mẽ trong quý III/2023, đặc biệt là những nhịp hồi tốt vào tháng 8 và cuối tháng 11.

- Trong năm 2023, tổng số tài khoản chứng khoán tăng 395.290 tài khoản so cuối năm 2022, đưa tổng số lượng tài khoản chứng khoán lên hơn 7,29 triệu tài khoản, tương đương 7,5% dân số, vượt mức 5% dân số theo mục tiêu được Chính phủ đưa ra.

Năm 2024 được nhiều nhà đầu tư chứng khoán đánh giá là một năm “khó nhằn”, không ít người còn có hiệu suất âm dù VN-Index tăng trưởng hai chữ số. VN-Index kết thúc năm 2024 ở mức 1.266,78 điểm, tăng 12,1% so với đầu năm, đánh dấu hai năm liên tiếp tăng điểm (năm 2023 tăng 12,2%). Dù vậy, chỉ số trong phần lớn năm lại biến động giằng co trong vùng 1.200-1.300 điểm. Khối lượng giao dịch bình quân gần 781,84 triệu cổ phiếu/ngày, tăng 0,83% so với năm 2023. Giá trị giao dịch bình quân đạt 18.685 tỷ đồng/phiên, tăng 22,4% so với cùng kỳ năm 2023. Tính đến ngày 31/12/2024, giá trị vốn hóa thị trường đạt hơn 5,2 triệu tỷ đồng, tăng 14,3% so với cuối năm 2023. Chỉ số HNX Index đóng cửa tại phiên giao dịch cuối năm 2024 đạt 227,43 điểm, giảm 1,56% so với cuối năm 2023. Khối lượng giao dịch và giá trị giao dịch bình quân đều giảm mạnh so với năm 2023. Giá trị vốn hóa thị trường tại thời điểm cuối năm 2023 đạt 344,8 nghìn tỷ đồng, giảm 11,83% so với năm 2023.

- Dòng tiền trong năm 2024 được đánh giá tập trung vào các cổ phiếu có câu chuyện riêng như HVN, YEG, TCO với kỳ vọng phục hồi sau tái cấu trúc, FPT hỗ trợ bởi câu chuyện bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), FRT với nhà thuốc Long Châu định giá tỷ đô, hay VTP với dự án logistics Lạng Sơn. Tính chung cả năm 2024, tổng giá trị giao dịch khớp lệnh các cổ phiếu trên HoSE đạt 18.523 tỷ đồng, tăng 21,5% so với cả năm 2023. Thanh khoản tăng song lại tập trung chủ yếu từ tháng 2 đến tháng 6 (tổng giá trị giao dịch liên tục vượt 20.000 tỷ đồng). Từ tháng 7/2024, giá trị giao dịch trên HoSE liên tục giảm. Thậm chí, tháng 12/2024 thanh khoản đạt vọt vọt 11.746 tỷ đồng một phiên.

2.1.3. Những thách thức mà nhà đầu tư gặp phải khi quản lý danh mục đầu tư

Năm 2022 là một năm đầy biến động đối với thị trường chứng khoán toàn cầu và Việt Nam. Các nhà đầu tư phải đối mặt với nhiều thách thức khi quản lý danh mục

đầu tư:

- Sự sụt giảm mạnh của VN-Index và cú sốc thanh khoản: VN-Index giảm từ mức đỉnh gần 1.500 điểm xuống dưới 900 điểm vào tháng 11/2022, đánh dấu một trong những giai đoạn điều chỉnh mạnh nhất trong lịch sử Thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong giai đoạn tháng 10-11/2022, thị trường rơi vào trạng thái bán tháo diện rộng, nhiều cổ phiếu giảm sàn liên tiếp do tâm lý hoảng loạn của nhà đầu tư cá nhân. Thanh khoản suy giảm nghiêm trọng do dòng tiền rút khỏi thị trường, call margin diễn ra hàng loạt, đặc biệt ở nhóm cổ phiếu đầu cơ và bất động sản.

- Chính sách tiền tệ thắt chặt và lãi suất tăng mạnh: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt để kiềm chế lạm phát và ổn định tỷ giá. NHNN đã tăng lãi suất điều hành hai lần vào tháng 9 và tháng 10/2022, khiến lãi suất cho vay tăng nhanh, gây áp lực lớn lên doanh nghiệp và nhà đầu tư sử dụng đòn bẩy tài chính. Các ngân hàng siết chặt tín dụng, hạn chế vốn vào lĩnh vực bất động sản và chứng khoán, khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong huy động vốn.

- Khủng hoảng trái phiếu doanh nghiệp và rủi ro vỡ nợ: Hàng loạt doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực bất động sản như Novaland, Vạn Thịnh Phát, gặp khó khăn trong việc đáo hạn trái phiếu. Nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu doanh nghiệp đối mặt với rủi ro khi nhiều doanh nghiệp không thể thanh toán đúng hạn, dẫn đến khủng hoảng niềm tin vào thị trường trái phiếu.

- Ảnh hưởng từ yếu tố vĩ mô toàn cầu: Xung đột Nga - Ukraine làm gián đoạn chuỗi cung ứng, đẩy giá năng lượng lên cao, gây áp lực lên chi phí sản xuất của doanh nghiệp Việt Nam. Chính sách Zero COVID của Trung Quốc khiến hoạt động thương mại, xuất khẩu bị đình trệ, tác động tiêu cực đến các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam. Lãi suất tăng mạnh trên toàn cầu khiến dòng vốn rút khỏi các thị trường mới nổi, bao gồm Việt Nam.

- Sự sụt giảm mạnh của thị trường khiến nhiều nhà đầu tư cá nhân rơi vào trạng thái hoảng loạn, bán tháo cổ phiếu. Nhiều nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm bị cuốn vào các làn sóng đầu cơ ngắn hạn, dẫn đến thua lỗ lớn. Năm 2022 là một năm đầy thử thách nhưng cũng mang lại nhiều bài học quan trọng về quản trị rủi ro và chiến lược đầu tư bền vững. Nhà đầu tư cần rút kinh nghiệm từ những biến động này để có cách tiếp cận thận trọng hơn trong các năm tiếp theo.

Sau năm 2022 đầy biến động, thị trường chứng khoán có xu hướng hồi phục nhưng không ổn định, các nhà đầu tư phải đối mặt với nhiều thách thức khi quản lý danh mục đầu tư.

- VN-Index dao động trong vùng 1.000 - 1.200 điểm: Thị trường có xu hướng hồi phục nhẹ, nhưng biến động mạnh và thiếu sự bứt phá rõ ràng. Nhà đầu tư vẫn thận trọng, khiến dòng tiền vào thị trường cải thiện nhưng không mạnh mẽ.

- Dòng vốn ngoại không ổn định: Dòng vốn ngoại có giai đoạn mua ròng, nhưng không duy trì ổn định, khiến VN-Index khó tăng mạnh. Nhà đầu tư nước ngoài vẫn lo ngại về rủi ro tỷ giá, chính sách tiền tệ và bất ổn địa chính trị.

- Khó khăn của ngành bất động sản và tài chính: Các doanh nghiệp bất động sản tiếp tục đối mặt với khó khăn huy động vốn và áp lực đáo hạn trái phiếu. Lợi nhuận của ngành ngân hàng suy giảm do nợ xấu tăng, ảnh hưởng từ các khoản vay liên quan đến bất động sản.

- Một số ngành hưởng lợi: Ngành xuất khẩu (thủy sản, dệt may, công nghệ) hưởng lợi nhờ nhu cầu hồi phục, nhưng chưa đủ mạnh để bù đắp sự suy giảm của các ngành tài chính và bất động sản. Nhóm ngành hưởng lợi từ đầu tư công (xây dựng, vật liệu) có triển vọng tốt hơn, nhưng vẫn chịu tác động từ chi phí tài chính cao.

Năm 2023 là một năm đầy thách thức nhưng cũng mang lại cơ hội cho những nhà đầu tư biết cách thích nghi. Việc quản lý danh mục đầu tư hiệu quả đòi hỏi sự linh hoạt, tập trung vào doanh nghiệp có nền tảng vững chắc. Tuy nhiên, nhà đầu tư cá nhân vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhưng tâm lý giao dịch không ổn định, dễ bị ảnh hưởng bởi tin đồn, những biến động ngắn hạn và sử dụng đòn bẩy cao trong bối cảnh thị trường chưa thực sự ổn định.

TTCK Việt Nam khép lại năm 2024 với $\frac{3}{4}$ thời gian giao dịch đi ngang, làm cho hiệu suất đầu tư của các nhà đầu tư sụt giảm đáng kể. Theo cuộc khảo sát của VnExpress thì chỉ có 13% người tham gia khảo sát trên tổng số 4533 người có hiệu suất đầu tư chứng khoán tốt nhất trong danh mục đầu tư của họ. Đây là một tỷ lệ khá thấp so với các kênh khác như vàng (27%) và Bitcoin (26%), cho thấy TTCK Việt Nam trong năm 2024 không mang lại lợi nhuận như kỳ vọng cho phần lớn nhà đầu tư.

Bảng 2.1: Thống kê các kênh đầu tư có hiệu suất tốt của các nhà đầu tư



Nguồn: Báo Tin nhanh Việt Nam (VnExpress)

Điều đáng chú ý là chứng khoán thậm chí còn bị xếp sau cả tiết kiệm ngân hàng (14%), điều này phản ánh rằng nhiều nhà đầu tư đánh giá gửi tiết kiệm, một kênh có rủi ro thấp còn hiệu quả hơn so với việc đầu tư vào thị trường chứng khoán. Thực tế này chỉ ra rằng nhiều nhà đầu tư gặp khó khăn trong việc quản lý danh mục đầu tư chứng khoán. Khi hiệu suất đầu tư giảm sút, nhà đầu tư phải đối mặt với những khó khăn như lựa chọn cổ phiếu phù hợp trong bối cảnh thị trường kém sôi động, quản lý rủi ro hiệu quả để bảo vệ danh mục, và tìm kiếm cơ hội sinh lời trong điều kiện thanh khoản hạn chế. Bên cạnh đó, việc TTCK có hiệu suất kém hơn so với các kênh đầu tư khác cũng có thể ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư, làm tăng áp lực trong quá trình ra quyết định và phân bổ tài sản.

- VN-Index tăng 12,1%, đạt 1.266,78 điểm: Mức tăng này là tích cực, nhưng chủ yếu diễn ra trong quý 1, còn lại thị trường đi ngang trong vùng 1.200 - 1.300 điểm. Đây là năm thứ hai liên tiếp Thị trường chứng khoán Việt Nam đạt mức tăng trưởng hai con số.

- Áp lực từ tỷ giá và chính sách tiền tệ toàn cầu: Tỷ giá USD/VND tăng 5% trong nửa đầu năm 2024, buộc NHNN phải can thiệp để ổn định thị trường. Donald Trump tái đắc cử Tổng thống Mỹ với nhiều chính sách kinh tế phi truyền thống, gây ra bất ổn trong môi trường tài chính toàn cầu. Lộ trình giảm lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) ảnh hưởng đến dòng vốn đầu tư vào Việt Nam.

- Dòng vốn ngoại: Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng hơn 91.000 tỷ đồng, mức cao nhất trong lịch sử Thị trường chứng khoán Việt Nam. Điều này tạo áp lực lên cung cầu và giá cổ phiếu, đặc biệt ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn.

- Biến động trong từng nhóm ngành: Ngành ngân hàng, chứng khoán, bất động sản có dấu hiệu hồi phục, nhưng chưa bền vững. Nhà đầu tư cần thận trọng trong việc lựa chọn cổ phiếu, tránh chạy theo các xu hướng nhất thời.

- Những thách thức trên đòi hỏi nhà đầu tư phải có chiến lược quản lý danh mục đầu tư linh hoạt, cập nhật thông tin kịp thời và đánh giá rủi ro một cách cẩn trọng, ưu tiên những doanh nghiệp có nền tảng vững chắc vì chạy theo các cổ phiếu đầu cơ dễ đạt được hiệu quả đầu tư tối ưu trong bối cảnh thị trường biến động.

2.2. VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP CANSLIM TRONG VIỆC QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Giai đoạn 2022 - 2024, Thị trường chứng khoán Việt Nam trải qua nhiều biến động lớn, từ đợt sụt giảm mạnh của VN-Index năm 2022, sự bất ổn của dòng vốn ngoại năm 2023 đến áp lực tỷ giá và chính sách tiền tệ năm 2024. Những thách thức như lãi suất cao, khủng hoảng trái phiếu doanh nghiệp và bất ổn địa chính trị khiến việc đầu tư trở nên khó khăn hơn. Trong bối cảnh đó, nhà đầu tư cần một phương pháp chọn lọc cổ phiếu hiệu quả để tối ưu hóa danh mục đầu tư. Phương pháp CANSLIM

của William O'Neil sẽ giúp xác định những cổ phiếu có nền tảng tốt dựa trên bảy tiêu chí về tăng trưởng lợi nhuận, đổi mới, cung cầu, vị thế ngành, dòng tiền tổ chức và xu hướng thị trường, từ đó xây dựng danh mục đầu tư phù hợp với điều kiện Thị trường chứng khoán Việt Nam.

2.2.1. Tiến hành lọc cổ phiếu dựa trên các tiêu chí đánh giá của phương pháp CANSLIM.

2.2.1.1. Bước 1: Sàng lọc theo tiêu chí C

Tiêu chí "C" yêu cầu cổ phiếu phải có mức tăng trưởng EPS hàng quý tối thiểu 25% so với cùng kỳ năm trước và tốc độ tăng trưởng doanh thu trung bình hàng năm từ 20% trở lên. Điều này phản ánh sức mạnh nội tại của doanh nghiệp cũng như tiềm năng duy trì đà tăng trưởng.

Đầu vào của mô hình gồm 393 doanh nghiệp niêm yết trên sàn HOSE và 311 doanh nghiệp niêm yết trên sàn HNX. Tác giả loại bỏ những cổ phiếu có mức tăng trưởng EPS quý 4/2024 so với quý 4/2023 dưới 25%, sau đó sẽ tiến hành thu thập dữ liệu tăng trưởng doanh thu thuần 3 năm gần nhất.

Sau khi có dữ liệu ta tiến hành loại bỏ các cổ phiếu không đạt hai điều kiện sau:

- Doanh thu thuần của năm gần nhất tăng dưới 20%, vì điều này cho thấy doanh nghiệp không duy trì được đà tăng trưởng mạnh mẽ trong giai đoạn gần đây
- Trong 3 năm gần nhất, có 2 năm doanh nghiệp không đạt mức tăng trưởng doanh thu trên 20%, cho thấy tăng trưởng không ổn định và thiếu tính bền vững.

Sau khi sàng lọc các cổ phiếu không đạt tiêu chuẩn, thị trường có 38 doanh nghiệp đáp ứng đồng thời cả hai tiêu chí về tăng trưởng EPS và doanh thu.

Bảng 2.2: Danh sách các cổ phiếu phù hợp tiêu chí C

STT	Mã	Sàn giao dịch	Tăng trưởng EPS quý 4/2024 so với quý 4/2023 (%)	Tăng trưởng doanh thu thuần			Tiêu chí C
				2022	2023	2024	
1	ST8	HOSE	3479.98	21.0%	-98.6%	3480%	☒
2	SJE	HNX	71.57	27.7%	-23.3%	239%	☒
3	HUT	HNX	358.33	23.8%	916.5%	179.3%	☒
4	KST	HNX	938.70	222.4%	-36.9%	151.8%	☒
5	YEG	HOSE	364.79	-71.7%	29.0%	145.0%	☒
6	HGM	HNX	776.69	30.4%	-12.6%	110.9%	☒
7	GLT	HNX	306.46	345.8%	-84.0%	79.1%	☒
8	D2D	HOSE	287.19	-68.5%	30.8%	77.8%	☒
9	QCG	HOSE	301.91	21.3%	-66.1%	68.7%	☒

10	L18	HNX	270.87	-23.2%	39.4%	59.7%	☑
11	NNC	HOSE	97.51	-49.3%	118.3%	59.2%	☑
12	DAH	HOSE	541.66	-96.3%	84.5%	56.9%	☑
13	HVH	HOSE	248.93	43.8%	-43.4%	56.9%	☑
14	CJC	HNX	65.18	150.4%	5.1%	53.5%	☑
15	HAH	HOSE	286.90	63.9%	-18.5%	52.8%	☑
16	CMX	HOSE	125.08	32.4%	-29.6%	45.9%	☑
17	CIG	HOSE	3142.57	181.8%	-20.7%	42.8%	☑
18	SGT	HOSE	373.03	105.8%	-10.0%	41.0%	☑
19	POT	HNX	101.13	34.1%	-21.9%	39.8%	☑
20	VFS	HNX	83.74	24.0%	29.5%	39.5%	☑
21	CTD	HOSE	52.60	59.6%	13.7%	38.6%	☑
22	HAX	HOSE	34.13	22.0%	-41.2%	38.5%	☑
23	ALT	HNX	105.76	20.8%	13.5%	35.6%	☑
24	PCT	HNX	55.94	-34.2%	34.1%	31.9%	☑
25	NAG	HNX	277.12	35.8%	9.0%	30.7%	☑
26	BKC	HNX	1428.07	-36.4%	83.1%	29.0%	☑
27	EIB	HOSE	66.75	58.67%	-17.79%	28.85%	☑
28	HCC	HNX	281.84	34.7%	-17.4%	28.5%	☑
29	BCF	HNX	30.45	36.4%	-14.8%	28.2%	☑
30	TRC	HOSE	141.59	25.4%	11.2%	27.8%	☑
31	TPP	HNX	67.82	53.8%	19.0%	26.6%	☑
32	NFC	HNX	91.43	25.6%	4.0%	25.9%	☑
33	GMD	HOSE	50.97	22.1%	-1.8%	25.6%	☑
34	TBC	HOSE	44.74	46.6%	-40.6%	25.0%	☑
35	VHC	HOSE	644.01	46.2%	-24.2%	24.9%	☑
36	HHV	HOSE	76.81	12.7%	28.3%	23.1%	☑
37	NST	HNX	79.92	-13.2%	24.0%	23.1%	☑
38	AST	HOSE	44.20	291.8%	82.2%	20.9%	☑

2.2.1.2. Bước 2: Sàng lọc theo tiêu chí A

Tiêu chí "A" yêu cầu doanh nghiệp có mức tăng trưởng lợi nhuận ròng ít nhất 25% trong vòng ba năm, chấp nhận 1 năm suy giảm và ROE tối thiểu 17%. Điều này đảm bảo công ty có hiệu suất tài chính ổn định và sinh lời bền vững.

Từ danh sách 38 doanh nghiệp có kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh ở tiêu chí C, tác giả tiếp tục loại bỏ những cổ phiếu trong 3 năm gần nhất, có đến 2 năm doanh nghiệp không đạt mức tăng trưởng lợi nhuận ròng trên 25%. Sau đó sẽ loại bỏ những cổ phiếu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) thấp hơn 17%.

Như vậy, sau khi sàng lọc thị trường bằng 2 tiêu chí C và A trong mô hình CANSLIM, chỉ còn lại 7 doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về tăng trưởng lợi nhuận dài hạn và hiệu suất sinh lời.

Bảng 2.3: Danh sách các cổ phiếu phù hợp tiêu chí A

STT	Mã	Sàn giao dịch	Tăng trưởng lợi nhuận ròng			ROE năm gần nhất (%)	Tiêu chí A
			Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
1	BKC	HNX	-40.00%	66.70%	980.00%	27.03	☒
2	L18	HNX	-11.40%	35.50%	388.10%	30.92	☒
3	SJE	HNX	23.30%	0.00%	192.50%	18.73	☒
4	BCF	HNX	100.00%	-41.70%	69.80%	27.36	☒
5	HAH	HOSE	84.30%	-53.20%	68.80%	18.71	☒
6	AST	HOSE	119.50%	404.30%	28.40%	24.09	☒

Sau khi hoàn tất quá trình sàng lọc theo tiêu chí tăng trưởng lợi nhuận, chúng ta không nên dừng lại ở các chỉ số tài chính đơn thuần mà cần tiếp tục kiểm tra lại tính minh bạch và tuân thủ pháp lý của các doanh nghiệp trong danh sách để đảm bảo loại bỏ những trường hợp có dấu hiệu rủi ro cao, không minh bạch trong báo cáo tài chính.

Qua quá trình rà soát, phát hiện Công ty Cổ phần Phân bón Ninh Bình có hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp để khai báo thuế, nhằm làm giảm nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Cụ thể ngày 19/12/2024, Cục Thuế tỉnh Ninh Bình đã ban hành quyết định xử phạt đối với Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình. *Do đó, cổ phiếu NCF này bị loại khỏi danh sách.*

Sau khi loại bỏ trường hợp trên, danh sách còn lại gồm 6 cổ phiếu: **BKC, L18, SJE, BCF, HAH và AST**. Đây là các doanh nghiệp có chỉ số tài chính cơ bản tương đối tốt. Tuy nhiên, để hoàn thiện quá trình đánh giá và xác định tiềm năng đầu tư, cần tiếp tục phân tích các yếu tố còn lại trong mô hình CANSLIM bao gồm: N, S, L, I và M để đánh giá giá trị nội tại cũng như triển vọng tăng trưởng của từng mã cổ phiếu trong tương lai.

2.2.1.3. Bước 3: Sàng lọc theo tiêu chí N

Tiêu chí “N” trong mô hình CANSLIM đề cao vai trò của những yếu tố đổi mới tích cực có thể tạo ra động lực tăng trưởng vượt trội cho doanh nghiệp trong tương lai. Doanh nghiệp có tiềm năng lớn thường gắn liền với các yếu tố đổi mới như: Sản phẩm/dịch vụ mới, ban lãnh đạo mới có tầm nhìn chiến lược, đạt mức giá cao mới.

Trong bước này, từ danh sách 6 cổ phiếu đã được chọn ở bước 2, tác giả chọn những cổ phiếu hội tụ ít nhất một trong ba yếu tố đổi mới nêu trên. Việc lựa chọn được thực hiện thông qua:

- Phân tích từ báo cáo thường niên, thông cáo báo chí, và cập nhật từ công ty chứng khoán nhằm xác định các sản phẩm, dịch vụ hoặc thay đổi nhân sự quan trọng.
- Phân tích kỹ thuật, trong đó ưu tiên những cổ phiếu vượt đỉnh giá gần nhất, cho thấy tín hiệu của dòng tiền về đà tăng giá.

Việc sàng lọc theo tiêu chí “N” giúp giữ lại những doanh nghiệp đang trong giai đoạn chuyển mình tích cực hoặc có động lực tăng trưởng mới, từ đó tăng khả năng tạo ra lợi nhuận đột phá trong danh mục đầu tư.

*** Cổ phiếu BKC**

Ngày 3 tháng 12, Trung Quốc đã cấm xuất khẩu sang Hoa Kỳ các khoáng sản quan trọng như gali, germani và antimon có ứng dụng rộng rãi trong quân sự, làm leo thang căng thẳng thương mại một ngày sau cuộc đàn áp mới nhất của Washington đối với ngành sản xuất chip của Trung Quốc, một động thái được xem là “đòn đáp trả” trước chính sách siết chặt ngành bán dẫn của Washington. Trước căng thẳng thương mại giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới, nhà đầu tư kỳ vọng các doanh nghiệp Việt Nam sẽ hưởng lợi từ việc “lấp chỗ trống” trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Ngay sau đó, dòng tiền ồ ạt đổ vào cổ phiếu khoáng sản, bao gồm Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc kạn (BKC) làm cho giá cổ phiếu liên tục lập đỉnh mới.

Kết luận: Cổ phiếu BKC được chọn nhờ hưởng lợi từ biến động chính trị và dòng tiền mạnh mẽ, với giá cổ phiếu liên tục lập đỉnh mới, tạo động lực tăng trưởng rõ rệt.

*** Cổ phiếu L18**

Dự án Khu đô thị mới Bắc Cầu Hàn của Licogi 18 (L18) tại Hải Dương là một trong những dự án đô thị quy mô lớn. Dự án có quy mô 85,25 ha, cung cấp ra thị trường 330 lô biệt thự đơn lập, 420 lô biệt thự song lập, 760 lô nhà liền kề, 128 căn nhà phố thương mại, 44 căn shop villas với đầy đủ tiện ích như trung tâm thương mại, trường học và công viên. Hiện tại dự án đang trong quá trình triển khai giai đoạn 1 và đặc biệt, trong bối cảnh tái cấu trúc hành chính với khả năng sáp nhập tỉnh, Hải Dương có thể được hưởng lợi từ nguồn lực đầu tư mới, cải thiện hạ tầng giao thông và thu hút dân cư, tạo động lực thúc đẩy nhu cầu nhà ở và bất động sản.

Kết luận: Cổ phiếu L18 được chọn nhờ triển khai dự án bất động sản quy mô lớn và khả năng hưởng lợi từ đầu tư công và tái cấu trúc hành chính.

*** Cổ phiếu SJE**

Từ đầu năm 2024, Công ty cổ phần Sông Đà 11 đã trúng 18 gói thầu trong lĩnh vực xây lắp, cung cấp và vận chuyển cột thép cho các Dự án Đường dây 500kV Nhà máy Nhiệt điện Nam Định I - Phố Nối, Đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu với tổng giá trúng thầu hơn 1.380 tỷ đồng. Ngày 24/7, Sông Đà 11 tiếp tục trúng gói thầu di dời hệ thống điện tại địa phận tỉnh Hưng Yên thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - vùng thủ đô Hà Nội với giá trúng thầu 197,99 tỷ đồng. Những dự án này sau khi hoàn thành dự báo sẽ mang lại lợi nhuận lớn cho L18.

Kết luận: Cổ phiếu SJE được chọn nhờ liên tục trúng thầu các dự án điện trọng điểm, quy mô lớn, hứa hẹn mang lại tăng trưởng lợi nhuận mạnh trong thời gian tới.

*** Cổ phiếu HAH**

Công ty cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HAH): Tháng 7/2024, HAH nhận tàu container đóng mới thứ tư, nâng đội tàu container lên con số 15, với tổng sức chở hơn 23.100 TEU. Đánh dấu bước mở rộng đáng kể về quy mô khai thác đội tàu và năng lực vận hành. Đây là yếu tố then chốt giúp doanh nghiệp nâng cao vị thế cạnh tranh trong lĩnh vực vận tải biển. Bên cạnh đó, giá cổ phiếu HAH liên tục thiết lập đỉnh mới kể từ đầu năm 2023, phản ánh sự kỳ vọng tích cực của nhà đầu tư về triển vọng tăng trưởng trong trung và dài hạn.

Kết luận: Cổ phiếu HAH được chọn nhờ mở rộng đội tàu container, gia tăng khối lượng vận chuyển và giá cổ phiếu liên tục tăng, phản ánh triển vọng tăng trưởng tích cực.

*** Cổ phiếu BCF**

Công ty cổ phần Thực phẩm Bích Chi (BCF) chưa đáp ứng tiêu chí N trong phương pháp CANSLIM. Mặc dù giá cổ phiếu liên tục lập đỉnh mới, nhưng thanh khoản lại giảm, cho thấy thiếu sự xác nhận từ dòng tiền. Hơn nữa, công ty không có sản phẩm/dịch vụ mới hay sự thay đổi trong ban lãnh đạo - những yếu tố quan trọng giúp thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Vì vậy, đợt tăng giá này có thể chủ yếu đến từ việc cải thiện doanh thu và lợi nhuận và tiềm ẩn rủi ro điều chỉnh.

Kết luận: Cổ phiếu BFC bị loại do không có yếu tố đổi mới, thanh khoản thấp và thiếu xác nhận từ dòng tiền.

*** Cổ phiếu AST**

Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (AST) có tiềm năng hưởng lợi từ việc mở rộng Nhà ga T3 Tân Sơn Nhất với quy mô phục vụ 20 triệu hành khách/năm, nâng tổng công suất sân bay này lên 50 triệu khách/năm. Nhà ga T2 Nội Bài, với công suất thiết kế thêm 5 triệu khách/năm nâng tổng công suất nhà ga sân bay Nội Bài lên

30 triệu hành khách/năm và dự án Sân bay Long Thành. AST hiện là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ phi hàng không, hoạt động kinh doanh bán lẻ, dịch vụ ăn uống, phòng chờ VIP và quảng cáo tại các sân bay lớn. Việc mở rộng và tăng công suất sẽ kéo theo nhu cầu tiêu dùng cao hơn, mở ra cơ hội tăng trưởng doanh thu cho AST.

Kết luận: Cổ phiếu AST được chọn nhờ lợi thế từ việc mở rộng các dự án sân bay lớn, tạo động lực tăng trưởng doanh thu.

Sau khi sàng lọc tiêu chí N, tác giả chọn lọc được những doanh nghiệp đang sở hữu yếu tố đổi mới tích cực, có khả năng tạo ra động lực tăng trưởng đột phá trong tương lai và đồng thời đáp ứng cả ba tiêu chí C, A và N, được giữ lại sau quá trình sàng lọc.

Bảng 2.4: Danh sách các cổ phiếu phù hợp tiêu chí N

STT	Mã	Sàn giao dịch	Tiêu chí N
1	BKC	HNX	☒
2	L18	HNX	☒
3	SJE	HNX	☒
4	HAH	HOSE	☒
5	AST	HOSE	☒

2.2.1.4. Bước 4: Sàng lọc theo tiêu chí S

Tiêu chí “S” tập trung vào nguyên lý cung - cầu trên thị trường, trong đó các cổ phiếu có lượng cung hạn chế nhưng cầu lớn thường có khả năng tăng giá mạnh mẽ. Cổ phiếu có số lượng cổ phiếu đang lưu hành thấp, trong khi khối lượng giao dịch tăng mạnh kèm theo giá tăng, càng cho thấy dòng tiền lớn đang tham gia vào cổ phiếu đó.

Trong bước này, tác giả chọn những cổ phiếu đáp ứng ít nhất hai điều kiện sau:

- Xuất hiện các mẫu hình tăng giá mạnh mẽ.
- Khối lượng giao dịch tăng vượt trung bình 50 ngày, đặc biệt là trong các phiên tăng giá, cho thấy lực cầu mạnh và bền vững; phản ánh sự quan tâm ngày càng lớn từ nhà đầu tư.

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành thấp, có nguồn cung hạn chế trên thị trường;

Việc lựa chọn được thực hiện bằng cách tổng hợp dữ liệu từ các nền tảng tài chính, kết hợp theo dõi dòng tiền qua các phiên giao dịch gần nhất. Ngoài ra, ưu tiên cổ phiếu có dấu hiệu tích lũy trước đó và bắt đầu bứt phá với khối lượng tăng đột biến, vì đây là tín hiệu điển hình của các cổ phiếu chuẩn bị bước vào chu kỳ tăng giá mạnh.

*** Cổ phiếu BKC**



Biểu đồ 2.3: Trend volume - KBC Nguồn: TradingView

Theo biểu đồ, KBC tăng từ giá 15.000 đồng ở cuối năm 2023 lên đến 49.000 đồng vào cuối năm 2024. Trong tháng 10/2024, giá cổ phiếu tăng mạnh tạo thành mẫu hình “ngọn đồi cao, chặt chẽ”, một mẫu hình trong CANSLIM rất hiếm gặp và chỉ xuất hiện ở vài cổ phiếu trong giai đoạn tăng trưởng. Chỉ trong vòng 4 tuần, giá cổ phiếu tăng từ 6.400 đồng lên 11.550 đồng, tương ứng tăng hơn 80%. Ở mẫu hình này sau khi gặp điều chỉnh từ 10% - 20%, cổ phiếu có thể tiếp tục tăng đến 200%. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 1862,7 triệu cổ và khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng trên thị trường (Free Float) khá hạn chế chỉ 37,87%.

Kết luận: Cổ phiếu KBC được chọn vì có mẫu hình tăng giá mạnh và nguồn cung hạn chế, đáp ứng tiêu chí “S” trong mô hình CANSLIM.

* Cổ phiếu L18



Biểu đồ 2.4: Trend volume - L18 Nguồn: TradingView

Biểu đồ cho thấy cổ phiếu đã trải qua một giai đoạn giảm mạnh từ vùng đỉnh năm 2022, sau đó chạm đáy và dần hồi phục từ năm 2023. Hiện tại cổ phiếu đang hình thành mẫu hình Flat Base (nền giá phẳng) với biên độ dao động hẹp trong CANSLIM. Đây là tín hiệu tích cực, cho thấy cổ phiếu đang trong giai đoạn “nghỉ ngơi” trước khi

có thể bước vào một nhịp tăng mới nếu được xác nhận bởi breakout kèm volume cao. Số lượng cổ phiếu lưu hành là 38,1 triệu cổ phiếu, trong đó tỷ lệ Free Float chỉ khoảng 32% khá hạn chế.

Kết luận: Cổ phiếu L18 được chọn vì đang hình thành mẫu hình Flat Base và có nguồn cung hạn chế, phù hợp với tiêu chí “S” trong mô hình CANSLIM.

*** Cổ phiếu SJE**



Biểu đồ 2.5: Trend volume - SJE Nguồn: TradingView

Biểu đồ cho thấy tháng 6/ 2024, giá cổ phiếu SJE bật tăng mạnh kèm volume tăng, nhưng không giữ được đà tăng và quay đầu giảm mạnh từ đỉnh với biên độ giảm lớn, thanh khoản cũng giảm dần. Số lượng cổ phiếu lưu hành là 24,2 triệu cổ phiếu, trong đó tỷ lệ Free Float chỉ 29,98% khá hạn chế. Tuy nhiên, hiện tại cổ phiếu không có mẫu hình CANSLIM rõ ràng, giá vẫn trong xu hướng giảm, chưa có nền giá tích lũy ổn định và volume chưa xác nhận dòng tiền lớn trở lại.

Kết luận: Cổ phiếu SJE bị loại do thiếu mẫu hình tăng giá rõ ràng, đang trong xu hướng giảm và chưa có dấu hiệu dòng tiền lớn trở lại, dù nguồn cung hạn chế.

*** Cổ phiếu HAH**



Biểu đồ 2.6: Trend volume - HAH Nguồn: TradingView

Theo biểu đồ, giá của HAH trong xu hướng tăng lên và hình thành mẫu hình “Nền chông nền”. Cổ phiếu đã hình thành ít nhất 2 nền giá tích lũy liên tiếp, mỗi nền kéo dài đủ thời gian và biên độ hẹp, cho thấy sức mạnh cổ phiếu rất lớn, đây là mẫu hình rất mạnh trong CANSLIM. Khối lượng giao dịch có những phiên tăng bất phá cho thấy lực cung cầu lớn. Số lượng cổ phiếu lưu hành là 129,9 triệu cổ phiếu, trong đó tỷ lệ Free Float khoảng 49,39%, phù hợp với tiêu chí S của CANSLIM.

Kết luận: Cổ phiếu HAH được chọn vì hình thành mẫu hình “Nền chông nền”, khối lượng giao dịch bất phá và nguồn cung hạn chế, đáp ứng tiêu chí “S” trong mô hình CANSLIM.

*** Cổ phiếu AST**



Biểu đồ 2.7: Trend volume - AST Nguồn: TradingView

Biểu đồ cho thấy cổ phiếu đang trong trạng thái sideways, chưa có dấu hiệu hình thành mẫu hình tăng trưởng rõ ràng nào. Các nhịp tăng đều không giữ được đà và nhanh chóng bị điều chỉnh lại. Cổ phiếu không cho thấy dấu hiệu dòng tiền lớn tham gia: không có đột biến khối lượng tại các điểm breakout, khối lượng trung bình gần đây có xu hướng giảm, cho thấy thiếu lực cầu thực sự từ nhà đầu tư tổ chức. Vì vậy, cổ phiếu này chưa đáp ứng được tiêu chí “S”.

Kết luận: Cổ phiếu bị loại do chưa hình thành mẫu hình tăng trưởng rõ ràng, thiếu dòng tiền lớn và lực cầu mạnh, không đáp ứng tiêu chí “S” trong mô hình CANSLIM.

Sau khi sàng lọc tiêu chí S, tác giả chọn lọc được những doanh nghiệp có số lượng cổ phiếu lưu hành ở mức thấp đến vừa phải, đi kèm với dấu hiệu xuất hiện các mẫu hình và dòng tiền lớn tích cực từ các nhà đầu tư tổ chức. Đây là những cổ phiếu có tiềm năng tăng giá mạnh nhờ vào nguồn cung hạn chế nhưng lực cầu ngày càng gia tăng, phản ánh kỳ vọng lớn của thị trường đối với triển vọng tăng trưởng đột phá trong tương lai, được giữ lại sau quá trình sàng lọc.

Bảng 2.5: Danh sách các cổ phiếu phù hợp tiêu chí S

STT	Mã	Sàn giao dịch	Tiêu chí S
1	BKC	HNX	☒
2	L18	HNX	☒
3	HAH	HOSE	☒

2.2.1.5. Bước 5: Sàng lọc theo tiêu chí L

Tiêu chí “L” trong mô hình CANSLIM nhằm xác định các cổ phiếu dẫn đầu ngành, tức là những doanh nghiệp có hiệu quả hoạt động và khả năng tăng giá vượt trội so với phần còn lại của thị trường. Các cổ phiếu dẫn đầu thường có vị thế cạnh tranh mạnh, thu hút sự quan tâm lớn từ nhà đầu tư tổ chức, và là đại diện cho xu hướng tăng trưởng trong ngành.

Trong bước này, tác giả chọn những cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí sau:

- Có D-Rating lớn hơn trung bình ngành và trung bình thị trường, theo hệ thống đánh giá toàn diện của Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT. (*D-Rating là bộ chỉ số phản ánh sức khỏe tổng thể của doanh nghiệp trên thang điểm từ 1 đến 10, bao gồm các yếu tố về tăng trưởng, lợi nhuận, hiệu quả sử dụng vốn và an toàn tài chính*)

- Có vị thế doanh nghiệp, sức khỏe tài chính lớn hơn trung bình ngành và trung bình thị trường

- Có tốc độ tăng trưởng và khả năng sinh lợi vượt trội so với trung bình ngành và trung bình thị trường.

*** Cổ phiếu BKC****Bảng 2.6: Đánh giá toàn diện Sức khỏe doanh nghiệp BKC**

	BKC	TB ngành	TB thị trường
Tốc độ tăng trưởng	8.00	3.36	3.79
Khả năng sinh lời	8.00	3.53	3.21
Vị thế doanh nghiệp	3.00	2.69	2.60
Sức khỏe tài chính	8.00	4.81	4.86
Cam kết với cổ đông	2.00	3.92	4.01
Quản trị bền vững	8.00	4.47	5.03
D-Rating	5.55	3.69	3.82

Nguồn: D-rating VNDIRECT

Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc kạn (BKC) hoạt động trong ngành Khai thác mỏ, nằm trong Top 10% công ty có điểm số D-rating cao nhất và cao hơn so với bình quân ngành. Cổ phiếu BKC từng góp mặt ở vị trí thứ 9 trong danh sách 10 cổ phiếu bứt phá nhất sàn HNX năm 2024 với mức tăng 107,25%. BKC sở hữu nhiều mỏ khoáng sản tại Việt Nam, trong đó có chì, kẽm và antimon. Chính sách hạn chế xuất khẩu Antimon của Trung Quốc được kỳ vọng đem lại lợi thế tăng giá bán cho doanh nghiệp.

Kết luận: Cổ phiếu BKC được chọn vì có D-Rating cao hơn trung bình ngành, thuộc nhóm dẫn đầu về tăng trưởng giá và sở hữu lợi thế cạnh tranh rõ rệt trong ngành khai thác khoáng sản, đáp ứng tiêu chí “L” của mô hình CANSLIM.

*** Cổ phiếu L18**

Bảng 2.7: Đánh giá toàn diện Sức khỏe doanh nghiệp L18

	L18	TB ngành	TB thị trường
Tốc độ tăng trưởng	9.00	3.08	3.79
Khả năng sinh lời	6.00	2.50	3.21
Vị thế doanh nghiệp	5.00	2.52	2.60
Sức khỏe tài chính	4.00	4.37	4.86
Cam kết với cổ đông	6.00	3.51	4.01
Quản trị bền vững	6.00	4.99	5.03
D-Rating	6.00	3.48	3.82

Nguồn: D-rating VNDIRECT

Công ty Cổ phần Licogi 18 (L18) hoạt động trong ngành xây dựng và vật liệu, nằm trong Top 5% công ty có điểm số D-rating cao nhất và cao hơn so với bình quân ngành. Tuy nhiên, sức khỏe tài chính của doanh nghiệp thấp hơn so với trung bình ngành và trung bình thị trường điều này làm giảm tính bền vững trong hoạt động của công ty, đặc biệt khi thị trường biến động xấu. Điều này cho thấy dù có tiềm năng tăng trưởng ngắn hạn, nhưng khả năng duy trì và phát triển dài hạn có thể gặp khó khăn nếu không cải thiện được yếu tố tài chính nội tại.

Kết luận: Cổ phiếu L18 bị loại dù có D-Rating cao, nhưng sức khỏe tài chính yếu hơn trung bình ngành và thị trường, không đáp ứng tiêu chí “L” về khả năng dẫn đầu trong mô hình CANSLIM.

*** Cổ phiếu HAH**

Bảng 2.8: Đánh giá toàn diện Sức khỏe doanh nghiệp HAH

	HAH	TB ngành	TB thị trường
Tốc độ tăng trưởng	10.00	3.96	3.79
Khả năng sinh lời	9.00	3.64	3.21
Vị thế doanh nghiệp	3.00	2.64	2.60
Sức khỏe tài chính	7.00	5.41	4.86
Cam kết với cổ đông	6.00	4.66	4.01
Quản trị bền vững	3.00	5.26	5.03
D-Rating	5.65	4.14	3.82

Nguồn: D-rating VNDIRECT

Công ty cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HAH) hoạt động trong ngành Giao thông công nghiệp, nằm trong Top 10% công ty có điểm số D-rating cao nhất. Các chỉ số vị thế doanh nghiệp, sức khỏe tài chính, tốc độ tăng trưởng và khả năng sinh lợi đều HAH cao hơn so với bình quân ngành. Là doanh nghiệp nội địa sở hữu đội tàu container lớn nhất Việt Nam, hoạt động linh hoạt giữa các tuyến trong và ngoài nước.

Kết luận: Cổ phiếu HAH được chọn vì có D-Rating cao, vị thế doanh nghiệp và sức khỏe tài chính vượt trội, cùng với tốc độ tăng trưởng và khả năng sinh lợi cao hơn so với bình quân ngành, đáp ứng tiêu chí “L” trong mô hình CANSLIM.

Sau khi sàng lọc, tác giả tìm được những cổ phiếu thuộc nhóm dẫn đầu trong ngành. Những doanh nghiệp này có vị thế cạnh tranh vượt trội trong ngành, với tăng trưởng mạnh mẽ và khả năng duy trì vị trí đứng đầu. Cổ phiếu dẫn đầu thường có sức mạnh vượt trội về giá, thể hiện qua việc chúng tăng giá nhanh và mạnh hơn so với các đối thủ trong cùng ngành.

Bảng 2.9: Danh sách các cổ phiếu phù hợp tiêu chí L

STT	Mã	Sàn giao dịch	Tiêu chí L
1	BKC	HNX	☒
2	HAH	HOSE	☒

2.2.1.6. Bước 6: Sàng lọc theo tiêu chí I

Tiêu chí “I” trong mô hình CANSLIM đề cập đến mức độ tham gia của các tổ chức tài chính như quỹ đầu tư, công ty chứng khoán,... vào việc nắm giữ cổ phiếu. Sự

hiện diện của các tổ chức này thường cho thấy cổ phiếu có tiềm năng và được đánh giá cao về tính minh bạch và triển vọng tăng trưởng.

Khi sàng lọc, nhà đầu tư nên ưu tiên các cổ phiếu có:

- Các quỹ đầu tư lớn trong danh sách cổ đông lớn, đặc biệt là những tổ chức có uy tín và kinh nghiệm đầu tư dài hạn trên thị trường
- Số lượng tổ chức nắm giữ có xu hướng tăng dần qua thời gian và không có dấu hiệu rút vốn.

Ngược lại, cần loại bỏ các cổ phiếu không có sự tham gia của tổ chức hoặc có dấu hiệu bị rút vốn. Đây là bước quan trọng nhằm nâng cao chất lượng và độ an toàn cho danh mục đầu tư. Tóm lại, tiêu chí I đóng vai trò như một lớp kiểm tra về niềm tin thị trường đối với cổ phiếu.

*** Cổ phiếu BKC**

Bảng 2.10: Danh sách các cổ đông lớn của BKC

STT	Tên cổ đông	Tiêu chí I
1	Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	25,26%
2	Công ty TNHH Dịch vụ ANB	17,58%
3	Mai Văn Bản	7,36%
4	Đặng Thanh Vân	5,45%
5	CTCP Kim loại màu Bắc Bộ	4,78%
6	Nguyễn Huy Hoàn	2,49%

Cơ cấu cổ đông lớn của doanh nghiệp chủ yếu bao gồm các đối tác kinh doanh như Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã và Công ty TNHH Dịch vụ ANB nắm giữ số lượng cổ phần lớn. Tuy nhiên, mức độ tập trung này cũng tiềm ẩn rủi ro nếu một trong hai tổ chức này quyết định thoái vốn, có thể gây ra áp lực giảm giá cổ phiếu. Bên cạnh đó các cổ đông còn lại đều là các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Mặc dù các cổ đông này có xu hướng nắm giữ dài hạn và gia tăng số lượng nhưng không có sự hiện diện của các tổ chức đầu tư tài chính chuyên nghiệp cho thấy mức độ quan tâm từ thị trường chưa cao, làm giảm độ tin cậy về khả năng tăng trưởng bền vững của doanh nghiệp.

Kết luận: Cổ phiếu bị loại do thiếu sự hiện diện của các tổ chức đầu tư tài chính chuyên nghiệp, mặc dù có cổ đông lớn nắm giữ dài hạn, điều này cho thấy mức độ quan tâm từ thị trường chưa cao, ảnh hưởng đến khả năng tăng trưởng bền vững.

*** Cổ phiếu HAH**

Bảng 2.11: Danh sách các cổ đông lớn của HAH

STT	Tên cổ đông	Tiêu chí I
1	CTCP Đầu tư và Vận tải Hải Hà	16,83%
2	CTCP Quản lý quỹ Leadvisors	11,38%
3	Đầu tư Sao Á D.C	9,27%
4	CTCP Container Việt Nam	4,35%
5	Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	3,96%
6	Vũ Ngọc Sơn	2,88%
7	Trần Quang Tiến	1,09%

Dựa trên Bảng 2.11, cơ cấu cổ đông lớn của CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HAH) cho thấy sự tham gia của một số tổ chức tài chính và doanh nghiệp có quy mô đáng kể, trong đó nổi bật là CTCP Quản lý quỹ Leadvisors với tỷ lệ sở hữu 11,38%. Leadvisors là một quỹ quản lý tài sản chuyên nghiệp và có uy tín trên thị trường, cho thấy rằng HAH nhận được sự quan tâm và đánh giá cao từ các dòng vốn tổ chức. Bên cạnh đó, các cổ đông lớn khác như CTCP Đầu tư và Vận tải Hải Hà, Đầu tư Sao Á D.C, CTCP Container Việt Nam (4,35%) đều là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải, logistics, hoặc các ngành liên quan. Mặc dù không phải là các quỹ đầu tư nhưng sự tham gia của các doanh nghiệp này cho thấy HAH có sự hậu thuẫn từ các tổ chức có hiểu biết sâu về ngành, góp phần củng cố vị thế chiến lược của công ty trong lĩnh vực vận tải và xếp dỡ.

Kết luận: Cổ phiếu HAH được chọn vì có sự tham gia của tổ chức tài chính uy tín, cho thấy cổ phiếu nhận được sự quan tâm từ các quỹ đầu tư, nâng cao tính thanh khoản và khả năng thu hút dòng vốn tổ chức.

Sau khi xác định được những cổ phiếu dẫn đầu trong ngành, tác giả tiếp tục xem xét mức độ ủng hộ của các tổ chức lớn đối với cổ phiếu. Các cổ phiếu có sự tham gia mạnh mẽ từ các tổ chức đầu tư uy tín (như các quỹ đầu tư lớn, công ty chứng khoán,...). Sự ủng hộ từ tổ chức lớn giúp củng cố niềm tin của nhà đầu tư, đồng thời tạo ra lực cầu ổn định và mạnh mẽ cho cổ phiếu, làm tăng khả năng bứt phá giá.

Bảng 2.12: Danh sách các cổ phiếu phù hợp tiêu chí I

STT	Mã	Sàn giao dịch	Tiêu chí I
1	HAH	HOSE	☒

2.2.1.7. Bước 7: Sàng lọc theo tiêu chí M

Tiêu chí “M” trong mô hình CANSLIM yêu cầu nhà đầu tư chỉ lựa chọn cổ phiếu khi thị trường chung đang trong xu hướng tăng. Việc này là vì xu hướng thị trường có ảnh hưởng mạnh mẽ đến khả năng tăng trưởng của các cổ phiếu riêng lẻ và có tới 75% cổ phiếu sẽ di chuyển theo xu hướng chung của thị trường. Một thị trường tăng trưởng sẽ hỗ trợ các cổ phiếu tốt nhất, giúp các doanh nghiệp đạt được hiệu suất tốt hơn và mở rộng tiềm năng tăng trưởng.

Năm 2024, Thị trường chứng khoán Việt Nam kết thúc ở mức 1.266,78 điểm. Tuy nhiên, đà tăng chủ yếu diễn ra trong quý I, trong khi phần lớn thời gian còn lại, thị trường dao động trong biên độ hẹp từ 1.200 - 1.300 điểm. Thanh khoản trên thị trường cũng có sự phân hóa rõ rệt, với dòng tiền sôi động trong nửa đầu năm nhưng suy giảm mạnh từ tháng 7 trở đi. Đặc biệt, thay vì phân bổ rộng rãi, dòng tiền chủ yếu tập trung vào các cổ phiếu có yếu tố hỗ trợ riêng như HVN, YEG, TCO với kỳ vọng phục hồi sau tái cấu trúc, hay FPT, FRT nhờ hưởng lợi từ các xu hướng công nghệ và mở rộng kinh doanh.

Bên cạnh đó, thị trường chịu ảnh hưởng đáng kể từ nhiều yếu tố vĩ mô. Áp lực tỷ giá gia tăng khi USD/VND tăng 5% trong nửa đầu năm, buộc Ngân hàng Nhà nước phải can thiệp nhằm duy trì sự ổn định. Cùng với đó, việc Donald Trump tái đắc cử Tổng thống Mỹ với những chính sách kinh tế khó lường làm gia tăng bất ổn tài chính toàn cầu, ảnh hưởng đến dòng vốn đầu tư vào Việt Nam. Một trong những tác động lớn nhất là việc khối ngoại bán ròng hơn 91.000 tỷ đồng trong năm 2024, mức cao nhất trong lịch sử Thị trường chứng khoán Việt Nam. Điều này tạo áp lực đáng kể lên cung cầu và giá cổ phiếu, đặc biệt đối với nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Ngoài ra, dù một số ngành như ngân hàng, chứng khoán, bất động sản có dấu hiệu hồi phục. Tuy nhiên, sự phục hồi này chưa thực sự bền vững để tạo động lực cho toàn thị trường.

Tổng hợp các yếu tố trên, có thể nhận định rằng Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2024 chủ yếu trong trạng thái đi ngang với sự phân hóa mạnh giữa các nhóm ngành. Xu hướng chung là dòng tiền tập trung vào các cổ phiếu có "câu chuyện riêng" thay vì sự tăng trưởng đồng thuận của toàn thị trường. Rủi ro từ tỷ giá, dòng vốn ngoại rút ròng và bất ổn chính sách kinh tế toàn cầu khiến thị trường thiếu động lực bứt phá bền vững. Trong bối cảnh này, thông tin thị trường chứng khoán chuẩn bị được nâng hạng giúp cho nhà đầu tư sôi động hơn, thanh khoản cải thiện đáng kể và dự báo trong năm 2025 VN-Index sẽ vượt qua ngưỡng kháng cự 1.300 điểm với sự đồng thuận từ nhiều nhóm ngành để xác nhận một xu hướng tăng mạnh mẽ hơn.

Chính phủ và Thủ tướng đã thể hiện sự quyết liệt trong việc phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 thông qua nhiều văn bản chỉ đạo cụ thể. Các chỉ đạo này không chỉ nhằm đảm bảo tiến độ và hiệu quả của các dự án hạ tầng, mà còn thúc

đẩy các ngành kinh tế chủ chốt, đặc biệt là ngành giao thông công nghiệp. Đầu tư công mạnh mẽ sẽ giúp xây dựng và nâng cấp các tuyến đường cao tốc, cầu, cảng, sân bay, đặc biệt là các dự án lớn như đường bộ, đường sắt, và hệ thống cảng biển. Điều này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả vận chuyển hàng hóa mà còn giảm chi phí logistics cho các doanh nghiệp trong ngành giao thông công nghiệp. Việc tập trung nguồn lực vào các công trình trọng điểm sẽ tạo động lực lớn cho nền kinh tế, nâng cao năng lực kết nối và phát triển cơ sở hạ tầng, đồng thời mở ra nhiều cơ hội cho doanh nghiệp trong ngành giao thông công nghiệp tham gia vào các dự án quy mô lớn. Sự chỉ đạo sát sao này của Chính phủ không chỉ giúp giải quyết các vướng mắc trong quá trình triển khai mà còn tạo niềm tin và động lực cho các nhà đầu tư, thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền kinh tế trong năm 2025 và những năm tiếp theo.

Dựa trên những phân tích về diễn biến thị trường năm 2024 và các yếu tố hỗ trợ mạnh mẽ từ chính sách trong năm 2025, có thể đưa ra kỳ vọng rằng xu hướng Thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2025 nhiều khả năng sẽ bước vào giai đoạn tăng trưởng.

2.2.2. Kết quả sàng lọc cổ phiếu theo phương pháp CANSLIM

Bảng 2.13: Danh sách cổ phiếu tiềm năng được lựa chọn theo phương pháp CANSLIM.

STT	Mã	Sàn giao dịch
1	HAH	HOSE

Mặc dù cổ phiếu HAH đáp ứng toàn bộ các tiêu chí của phương pháp CANSLIM, tuy nhiên, việc đầu tư vào một mã duy nhất sẽ làm tăng rủi ro phi hệ thống và không đảm bảo tính tối ưu trong quản lý danh mục đầu tư. Do đó, em tiến hành mở rộng phân tích thêm một số cổ phiếu có tiêu chí gần tiệm cận mô hình CANSLIM nhằm đảm bảo tính đa dạng hóa và tính thực tiễn trong đầu tư, bao gồm: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (CTG), Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB), và Công ty Cổ phần FPT (FPT).

Bảng 2.14: Đánh giá cổ phiếu CTG theo phương pháp CANSLIM

Tiêu chí	CTG
C	Tăng trưởng EPS quý 4/2023 so với quý 4/2024: 60,12% Tăng trưởng doanh thu thuần: 2022: 14,37%; 2023: 10,81%; 2024: 17,84%
A	ROE: 18,6 % Tăng trưởng lợi nhuận ròng: 2022: 27,4%; 2023: 17,6%, 2024: 20,1%
N	- Ngân hàng Nhà nước triển khai lộ trình hạn chế và tiến tới xóa bỏ việc điều hành phân bổ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng. Và Chính phủ đẩy mạnh

	giải ngân đầu tư công, thông qua các ngân hàng có vốn nhà nước, CTG một trong bốn “ông lớn” thuộc nhóm ngân hàng quốc doanh. Những yếu tố này tác động trực tiếp đến phát triển triển vọng kinh doanh của CTG.
S	CTG là cổ phiếu có quy mô vốn hóa lớn, được niêm yết trên sàn HOSE và thường xuyên nằm trong rổ chỉ số VN30. Thanh khoản ổn định, với khối lượng giao dịch hàng ngày trên 6 triệu cổ.
L	CTG là một trong bốn ngân hàng thương mại nhà nước lớn nhất tại Việt Nam, CTG được xem là một trong các “leader” nhờ quy mô tài sản, hiệu quả sinh lời và tiềm năng cải cách nội tại.
I	Cổ phiếu CTG được các tổ chức lớn nắm giữ, bao gồm quỹ quốc gia và tổ chức tài chính nước ngoài. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài thường xuyên chạm ngưỡng tối đa.
M	Khi VN-Index tạo đáy và bước vào chu kỳ phục hồi, cổ phiếu ngân hàng thường đi đầu nhờ khả năng phản ánh sớm kỳ vọng kinh tế vĩ mô. Trong giai đoạn cuối năm 2024, CTG đã bứt phá khỏi vùng tích lũy trung hạn và xác lập vùng giá mới.

Tổng kết: Mặc dù chưa hoàn toàn đáp ứng tiêu chí “C” do tăng trưởng doanh thu hàng năm còn khiêm tốn, cổ phiếu CTG vẫn là một lựa chọn đáng cân nhắc trong danh mục đầu tư theo phương pháp CANSLIM, khi xét trên tổng thể các yếu tố còn lại. CTG thể hiện tốt ở nhiều tiêu chí quan trọng như tăng trưởng lợi nhuận quý, hiệu quả sử dụng vốn, vị thế ngành, cũng như mức độ tham gia của các tổ chức tài chính. Đặc biệt, yếu tố “New” tuy không xuất phát từ sản phẩm hay mô hình kinh doanh mới, nhưng lại đến từ sự thay đổi mang tính chiến lược trong điều hành chính sách ngành. Đây là thay đổi có tính dẫn dắt cao, mở ra cơ hội mở rộng hoạt động tín dụng cho các ngân hàng lớn như CTG.

Kết luận: Với những đặc điểm này, CTG phù hợp để phân bổ trong danh mục đầu tư.

Bảng 2.15: Đánh giá cổ phiếu STB theo phương pháp CANSLIM

Tiêu chí	STB
C	Tăng trưởng EPS quý 4/2023 so với quý 4/2024: 59,28% Tăng trưởng doanh thu thuần: 2022: 43,32%; 2023: 28,72%; 2024: 11,14%
A	ROE: 20,3 % Tăng trưởng lợi nhuận ròng: 2022: 30,7%; 2023: 53,1%; 2024: 47,8%

N	- Ngân hàng Nhà nước triển khai lộ trình hạn chế và tiến tới xóa bỏ việc điều hành phân bổ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng. - Sacombank sắp hoàn thành đề án tái cơ cấu và xử lý trái phiếu VAMC, các khoản nợ xấu của ông Trầm Bê được thế chấp tại VAMC cũng đã được Ngân hàng Sacombank trích lập đầy đủ.
S	STB là cổ phiếu có quy mô vốn hóa lớn, được niêm yết trên sàn HOSE và thường xuyên nằm trong rổ chỉ số VN30. Thanh khoản ổn định, với khối lượng giao dịch hàng ngày trên 10 triệu cổ.
L	STB chưa thực sự là "leader" trong nhóm ngân hàng TMCP tư nhân. Tuy nhiên, với lợi thế từ việc đang tái cơ cấu cuối chu kỳ, STB có tiềm năng trở thành cổ phiếu dẫn dắt về tăng trưởng giá nếu thương vụ VAMC được đẩy mạnh trong năm 2025.
I	STB được các quỹ ngoại ưa chuộng với 4 cổ đông ngoại nắm giữ 10,88% vốn. Và nằm trong danh mục tự doanh của công ty chứng khoán HCM.
M	Cổ phiếu STB có xu hướng bật tăng mạnh trong các chu kỳ tăng trưởng của thị trường, đặc biệt khi có kỳ vọng về đầu tư công và tăng trưởng kinh tế. Trong giai đoạn cuối năm 2024, giá cổ phiếu STB đã liên tục lập đỉnh mới trong khi thị trường sideway.

Tổng kết: Mặc dù chưa hoàn toàn đáp ứng đầy đủ tiêu chí “C” trong mô hình CANSLIM, tăng trưởng doanh thu thuần năm 2024 dưới 20% do quá trình tái cơ cấu tài chính chưa hoàn tất. Cổ phiếu STB vẫn là một lựa chọn đáng cân nhắc trong danh mục đầu tư theo phương pháp này. STB cho thấy tín hiệu tích cực ở một số tiêu chí quan trọng như tăng trưởng lợi nhuận quý gần nhất, thanh khoản cao và thu hút được dòng tiền trong các giai đoạn thị trường thuận lợi. Đặc biệt, yếu tố “N” được thể hiện rõ thông qua quá trình xử lý nợ xấu lịch sử gắn với VAMC và mở ra kỳ vọng về sự thay đổi mang tính nền tảng trong việc phát triển hoạt động tín dụng cho các ngân hàng.

Kết luận: Với những đặc điểm này, STB phù hợp để phân bổ trong danh mục đầu tư.

Bảng 2.16: Đánh giá cổ phiếu FPT theo phương pháp CANSLIM

Tiêu chí	FPT
C	Tăng trưởng EPS quý 4/2023 so với quý 4/2024: 4,24% Tăng trưởng doanh thu thuần: 2022: 23,4%; 2023: 19,5%; 2024: 19,4%
A	ROE: 23,74 % Tăng trưởng lợi nhuận ròng: 2022: 22,2%; 2023: 22,2%; 2024: 22,4%

N	FPT hợp tác với NVIDIA để thúc đẩy phát triển Trí tuệ nhân tạo (AI) và điện toán đám mây trên toàn cầu. Hợp tác tập trung vào xây dựng Nhà máy Trí tuệ nhân tạo (AI Factory) phục vụ nghiên cứu và phát triển AI tại khu vực, đồng thời nâng cao năng lực triển khai dịch vụ AI và Cloud trên toàn thế giới.
S	FPT có thanh khoản tốt, khối lượng giao dịch trung bình cao khoảng 5 triệu cổ và liên tục ghi nhận dòng tiền mua ròng từ khối ngoại. Cổ phiếu có mẫu hình “nền chông nền” và liên tục lập đỉnh mới trong 2 năm qua.
L	FPT là doanh nghiệp dẫn đầu trong ngành công nghệ tại Việt Nam trong việc phát triển trí tuệ nhân tạo (AI), bán dẫn, công nghệ ô tô số, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh. FPT đang vươn mình ra quốc tế, mở rộng thị trường tại Nhật Bản, Mỹ, châu Âu và nhiều khu vực khác.
I	Nhiều quỹ đầu tư lớn trong và ngoài nước (Dragon Capital, PYN Elite, VinaCapital...) đang nắm giữ cổ phiếu FPT, cho thấy sự tin tưởng từ các nhà đầu tư tổ chức.
M	Cổ phiếu FPT có độ nhạy cao với xu hướng thị trường chung, thường dẫn dắt thị trường trong các đợt tăng trưởng của VN-Index.

Tổng kết: Mặc dù chưa hoàn toàn đáp ứng đầy đủ tiêu chí “C” trong mô hình CANSLIM, do tăng trưởng EPS nhưng FPT là một trong những cổ phiếu tốt và tăng trưởng mạnh. Doanh nghiệp ghi nhận mức tăng trưởng lợi nhuận quý và hàng năm ổn định, ROE cũng vượt chuẩn đặt ra trong mô hình. FPT cũng sở hữu nhiều yếu tố “mới” thúc đẩy tăng trưởng, đặc biệt là chiến lược phát triển mảng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo (AI) và mở rộng thị trường quốc tế. Cổ phiếu có thanh khoản cao và thường xuyên thu hút dòng tiền từ nhà đầu tư tổ chức, đặc biệt là các quỹ ngoại lớn. Vị thế dẫn đầu trong ngành công nghệ thông tin, cùng với sự hỗ trợ từ xu hướng thị trường chung trong các giai đoạn tăng trưởng. Cổ phiếu FPT không chỉ đáp ứng được mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận mà còn đóng vai trò là cổ phiếu dẫn dắt, góp phần giảm thiểu rủi ro.

Kết luận: Với những đặc điểm này, FPT phù hợp để phân bổ trong danh mục đầu tư.

Qua phân tích, có thể thấy STB, CTG và FPT đều là những cổ phiếu tiệm cận các tiêu chí của mô hình CANSLIM, với tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận, có yếu tố “mới” hỗ trợ tăng giá, và có sự tham gia của nhà đầu tư tổ chức. Việc bổ sung các cổ phiếu này giúp danh mục đầu tư trở nên đa dạng hơn, ít rủi ro hơn và vẫn giữ được triết lý đầu tư tăng trưởng mà phương pháp CANSLIM đề ra.

Bảng 2.17: Danh sách các cổ phiếu trong danh mục đầu tư

STT	Mã	Sàn giao dịch
1	HAH	HOSE
2	CTG	HOSE
3	STB	HOSE
4	FPT	HOSE

2.2.3. Quản lý danh mục đầu tư dựa trên phương pháp CANSLIM

Sau khi đã lựa chọn được các cổ phiếu phù hợp theo phương pháp CANSLIM, nhà đầu tư cần xây dựng chiến lược quản lý danh mục cụ thể để tối ưu hiệu quả đầu tư. Trong phạm vi nghiên cứu này, **tác giả lựa chọn phương pháp quản lý danh mục chủ động**, với mục tiêu bám sát biến động thị trường và kịp thời điều chỉnh danh mục theo từng giai đoạn.

Bước 1 giả sử mục tiêu đầu tư trong trung và dài hạn vì cổ phiếu CANSLIM là những cổ phiếu tăng trưởng, trong ngắn hạn chưa đạt được giá mục tiêu của cổ phiếu. Mục tiêu lợi nhuận là 20%/ 1 năm và cắt lỗ ở mức 7% theo phương pháp CANSLIM.

Tác giả sẽ bỏ qua bước 2 và 3 thì trong quá trình sàng lọc cổ phiếu thì cũng đã đưa ra được những cổ phiếu tốt và xác định được xu hướng thị trường hiện tại. Cho nên ở phần này tác giả tập trung vào các bước:

- Bước 4: Phân bổ tài sản
- Bước 5: Quản trị rủi ro danh mục đầu tư
- Bước 6: Theo dõi và đánh giá hiệu quả quản lý danh mục đầu tư

*** Bước 4: Phân bổ tỷ trọng đầu tư**

Nhà đầu tư cần xác định tỷ trọng đầu tư hợp lý cho từng mã nhằm tối ưu hóa hiệu quả sinh lời mà vẫn kiểm soát được rủi ro. Việc phân bổ vốn một cách khoa học đóng vai trò quan trọng trong quản lý danh mục đầu tư, xác định tỷ lệ vốn tối ưu nên phân bổ cho mỗi khoản đầu tư dựa trên kỳ vọng lợi nhuận và mức độ rủi ro.

Dựa trên kết quả sàng lọc cổ phiếu theo phương pháp CANSLIM cho thấy chỉ có cổ phiếu HAH đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, nên được phân bổ cao hơn với tỷ trọng 31%. Trong khi ba cổ phiếu còn lại là CTG, STB và FPT chỉ tiệm cận các tiêu chí CANSLIM, nên được phân bổ tỷ trọng thấp hơn và bằng nhau ở mức 23% mỗi mã.

Bảng 2.18: Phân bổ tỷ trọng các cổ phiếu trong danh mục đầu tư

STT	Mã	Sàn giao dịch	Tỷ trọng
1	HAH	HOSE	31%
2	CTG	HOSE	23%
3	STB	HOSE	23%
4	FPT	HOSE	23%

*** Bước 5: Quản trị rủi ro danh mục đầu tư**

Quản trị rủi ro là yếu tố sống còn trong đầu tư theo CANSLIM. Cổ phiếu sau khi mua cần được theo dõi sát sao về giá và khối lượng. Nếu cổ phiếu giảm từ 7-8% so với giá mua, nhà đầu tư cần thực hiện cắt lỗ ngay lập tức, kể cả khi doanh nghiệp vẫn có nền tảng cơ bản tốt.

Ngược lại, khi cổ phiếu tăng 20-25% trong thời gian ngắn, nhà đầu tư nên chốt lời một phần, đặc biệt nếu xuất hiện các tín hiệu suy yếu như khối lượng giảm, hoặc thị trường chung xuất hiện nhiều phiên phân phối. Những tín hiệu này có thể báo trước xu hướng đảo chiều ngắn hạn.

Ngoài ra, trong giai đoạn thị trường biến động mạnh, nhà đầu tư cần chủ động điều chỉnh danh mục - tăng tỷ trọng tiền mặt hoặc tạm ngưng giải ngân khi xu hướng chung tiêu cực, và đẩy mạnh đầu tư khi có tín hiệu phục hồi rõ ràng như phiên bùng nổ theo đà.

Nhà đầu tư cần theo dõi, rà soát toàn bộ danh mục đầu tư định kỳ để đánh giá hiệu quả của từng khoản mục. Đồng thời, so sánh tỷ suất sinh lời của từng cổ phiếu với mặt bằng thị trường, xác định mã nào đang đóng góp tốt, mã nào đang kéo giảm hiệu suất danh mục để có quyết định điều chỉnh kịp thời.

Để làm rõ hơn quá trình quản trị rủi ro danh mục đầu tư, bảng dưới đây minh họa việc áp dụng các nguyên tắc phân bổ vốn, quản trị rủi ro và tái cơ cấu danh mục dựa trên tín hiệu từ cổ phiếu và thị trường chung. Thời gian theo dõi là 6 tháng từ tháng 10/2024 đến ngày 31/3/2025.

Bảng 2.19: Quản trị rủi ro trong danh mục đầu tư

Mã	Tỷ trọng	Giá mua	Điểm cắt lỗ	Giá ngày 31/3/2025	% Lãi/lỗ	Giá mục tiêu	Hành động quản lý
HAH	31%	41.000	38.800	52.800	28,78%	52.700	Nắm giữ
CTG	23%	35.500	33.000	41.450	16,76%	45.700	Nắm giữ
STB	23%	34.000	31.600	38.300	12,65%	52.600	Nắm giữ
FPT	23%	135.000	128.800	153.000	13,33%	153.000	Đã chốt lãi

FPT giá đã đạt mục tiêu tại ngày 31/12/2024 là 153.000 đồng với mức lãi suất đạt được là 13,33%, vì thế tác giả bán cổ phiếu và chốt lãi.

Qua bảng này, nhà đầu tư có thể hình dung rõ ràng cách thức linh hoạt điều chỉnh tỷ trọng đầu tư và ra quyết định mua - bán nhằm tối ưu hiệu quả và kiểm soát rủi ro danh mục.

*** Bước 6: Đánh giá hiệu quả quản lý danh mục đầu tư**

Tác giả đánh giá chất lượng sinh lời có điều chỉnh rủi ro theo các tỉ số: Alpha,

Treynor và tỉ số Sharpe. Để đánh giá sinh lời, công thức sử dụng hệ số Beta, tổng rủi ro của DMĐT, độ lệch chuẩn để tính toán các chỉ số.

- *Tỉ số Alpha (Jensen's Alpha)*

Alpha sau đầu tư là một thước đo đánh giá hiệu suất danh mục dựa trên đường thị trường chứng khoán (SML) trong mô hình CAPM.

Ta có: Lãi suất phi rủi ro trên thị trường hiện nay là $R_f = 0,1\%$

Tỷ suất sinh lời thực tế của VN-INDEX từ đầu tháng 10 đến hết ngày 31/3/2025 là $E(R_m) = 1,7\%$

STT	Mã	Tỷ trọng	Beta	$E(R_i)$
1	HAH	31%	1,09	6,7%
2	CTG	23%	1,36	7,2%
3	STB	23%	1,83	7,9%
4	FPT	23%	1,91	8,1%

- *Hệ số beta của danh mục thị trường là:*

$$\beta_P = \sum W_i * \beta_i$$

$$\Rightarrow \beta_P = W_{HAH} * \beta_{HAH} + W_{CTG} * \beta_{CTG} + W_{STB} * \beta_{STB} + W_{FPT} * \beta_{FPT}$$

$$= 31\% * 1,09 + 23\% * 1,36 + 23\% * 1,83 + 23\% * 1,91 = 1,5109$$

- *Lợi suất kỳ vọng của danh mục đầu tư là:*

$$E(R_P) = R_f + \beta_P [E(R_m) - R_f]$$

$$= 0,1\% + 1,5109 * (1,7\% - 0,1\%) = 2,51744\%$$

- *Tỉ số Alpha (Jensen's Alpha)*

Tỷ suất sinh lời thực tế của danh mục từ tháng 10/2024 đến ngày 31/3/2025 bằng 18,752% và không có sai số ngẫu nhiên.

$$R_P - R_f = \alpha_P + \beta_P (R_M - R_f) + \varepsilon_t$$

$$\Rightarrow \alpha_P = R_P - R_f - \beta_P (R_M - R_f) + \varepsilon_t$$

$$\Rightarrow \alpha_P = 18,752\% - 0,1\% - 1,5109 * (1,7\% - 0,1\%) = 16,23456\%.$$

Alpha phản ánh mức sinh lời chênh lệch so với tỷ suất sinh lời yêu cầu để bù đắp rủi ro hệ thống của danh mục. Với hệ số Alpha bằng 16,23456%, kết quả này cho thấy danh mục đầu tư mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số chuẩn sau khi đã điều chỉnh cho yếu tố rủi ro. Alpha dương cho thấy chiến lược đầu tư đang hoạt động hiệu quả hơn dự kiến, tạo ra giá trị gia tăng so với thị trường. Đây là tín hiệu tích cực, phản ánh khả năng lựa chọn cổ phiếu và quản lý danh mục đầu tư tốt, đồng thời khẳng định rằng các quyết định đầu tư đã mang lại lợi nhuận cao hơn mức kỳ vọng. Kết quả này

cho phép tiếp tục duy trì và củng cố chiến lược đầu tư hiện tại nếu các yếu tố cơ bản hỗ trợ cho sự phát triển bền vững của danh mục.

- *Tỷ số Treynor*

$$T_A = \frac{R_A - R_f}{\beta_A}$$

$$\Rightarrow T_A = \frac{2,51744\% - 0,1\%}{1,5109} = 0,016$$

Với tỷ lệ Treynor đạt 0,016, danh mục đầu tư mang lại lợi nhuận thặng dư 0,016 cho mỗi đơn vị rủi ro hệ thống (beta) mà nhà đầu tư phải chịu.

- *Tỷ số Sharpe*

Công thức:

$$\sigma_p = \sqrt{\frac{\sum W_i * ((E(R_i) - E(R_p))^2}{n - 1}}$$

$$= (\sqrt{31\% * (6,7\% - 2,51744\%)^2} + \sqrt{23\% * (7,2\% - 2,51744\%)^2} + \sqrt{23\% * (7,9\% - 2,51744\%)^2} + \sqrt{23\% * (8,1\% - 2,51744\%)^2}) / \sqrt{4 - 1}$$

$$= 1,1579$$

$$S_A = \frac{R_p - R_f}{\sigma_p}$$

$$= \frac{2,51744\% - 0,1\%}{1,1579} = 0,02$$

Với giá trị Sharpe Ratio = 0,02, danh mục đầu tư này được đánh giá là tối ưu đối với nhà đầu tư trong việc cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro. Cho thấy danh mục đầu tư mang lại lợi nhuận vượt trội so với lãi suất phi rủi ro sau khi đã điều chỉnh theo mức độ rủi ro. Điều này đồng nghĩa với việc nhà đầu tư đang được bù đắp lợi nhuận cao cho mỗi đơn vị rủi ro mà họ chấp nhận.

Tóm lại, kết quả đánh giá hiệu quả danh mục đầu tư cho thấy chiến lược đầu tư theo phương pháp CANSLIM đang hoạt động hiệu quả:

- Hệ số Alpha đạt 16,23456% phản ánh khả năng tạo ra lợi nhuận vượt trội so với mức kỳ vọng sau khi đã điều chỉnh rủi ro hệ thống, cho thấy việc lựa chọn cổ phiếu và phân bổ vốn đang mang lại giá trị gia tăng thực sự.

- Tỷ số Treynor đạt 0,016, cho thấy mỗi đơn vị rủi ro hệ thống (Beta) mà nhà đầu tư gánh chịu đang mang lại mức lợi nhuận thặng dư đáng kể, chứng minh chiến lược đầu tư có hiệu quả trong việc đối mặt với rủi ro thị trường.

- Tỷ số Sharpe đạt 0,02, thể hiện mức sinh lời vượt trội so với lãi suất phi rủi ro sau khi điều chỉnh rủi ro toàn phần, đồng thời khẳng định danh mục này có khả năng tối ưu hóa lợi nhuận trên mỗi đơn vị rủi ro.

Tổng hợp ba chỉ số đo lường hiệu quả đầu tư trên, có thể khẳng định rằng phương pháp CANSLIM, khi được vận dụng một cách hệ thống và linh hoạt vào điều kiện thực tế của Thị trường chứng khoán Việt Nam, hoàn toàn có thể mang lại hiệu quả vượt trội cho nhà đầu tư cá nhân.

TỔNG KẾT CHƯƠNG 2

Trong Chương 2, tác giả đã phân tích Thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2022–2024 và ứng dụng phương pháp CANSLIM trong việc quản lý danh mục đầu tư. Qua nghiên cứu, có thể rút ra một số kết luận như sau:

Thứ nhất, Thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2022–2024 có nhiều biến động mạnh, chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố vĩ mô như chính sách tiền tệ thắt chặt, khủng hoảng trái phiếu doanh nghiệp, biến động tỷ giá và tác động từ thị trường quốc tế. Dù vậy, thị trường vẫn duy trì tiềm năng phát triển, đặc biệt là nhờ sự gia tăng mạnh mẽ của các nhà đầu tư và dòng vốn nước ngoài luân chuyển linh hoạt.

Thứ hai, kết quả lựa chọn cổ phiếu theo phương pháp CANSLIM cho thấy chỉ duy nhất mã HAH đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đề ra. Tuy nhiên, việc phân bổ toàn bộ vốn vào một cổ phiếu duy nhất sẽ làm gia tăng rủi ro phi hệ thống và không phù hợp với nguyên tắc quản lý danh mục tối ưu. Vì vậy, để đảm bảo tính đa dạng hóa và tăng tính thực tiễn khi áp dụng vào đầu tư thực tế, tác giả tiến hành phân tích bổ sung và lựa chọn thêm một số cổ phiếu khác, có đặc điểm tiệm cận mô hình CANSLIM. Việc mở rộng danh mục này nhằm vừa duy trì định hướng đầu tư theo tăng trưởng, vừa kiểm soát tốt rủi ro tổng thể của danh mục.

Thứ ba, hiệu quả của danh mục đầu tư được đánh giá thông qua các chỉ số tài chính như Alpha, Treynor và Sharpe, cho thấy danh mục đầu tư theo CANSLIM không chỉ mang lại mức lợi nhuận tốt mà còn kiểm soát tốt rủi ro. Việc áp dụng các nguyên tắc quản trị danh mục chặt chẽ giúp nhà đầu tư tối ưu hóa lợi nhuận, hạn chế tổn thất trong những giai đoạn thị trường kém thuận lợi.

CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT CÁC KHUYẾN NGHỊ DÀNH CHO NHÀ ĐẦU TƯ CÁ NHÂN TRONG VIỆC VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP CANSLIM TRONG VIỆC QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ

3.1. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN VỀ KHẢ NĂNG VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP CANSLIM VÀO THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Thị trường chứng khoán Việt Nam, với đặc điểm biến động mạnh và sự tham gia đông đảo của nhà đầu tư cá nhân, đòi hỏi một phương pháp đầu tư có hệ thống và kỷ luật. Phương pháp CANSLIM, mặc dù được phát triển trong bối cảnh thị trường Mỹ, vẫn cho thấy nhiều điểm phù hợp khi áp dụng vào Thị trường chứng khoán Việt Nam, đặc biệt đối với nhà đầu tư cá nhân theo phong cách tăng trưởng. Thông qua quá trình phân tích thực nghiệm ở chương 2, tác giả rút ra được một số ưu và nhược điểm khi vận dụng phương pháp CANSLIM vào Thị trường chứng khoán Việt Nam.

Ưu điểm:

- *Khả năng chọn lọc cổ phiếu có chất lượng cơ bản tốt:* Phương pháp CANSLIM giúp nhà đầu tư sàng lọc ra những doanh nghiệp có nền tảng cơ bản vững chắc, lợi nhuận tăng trưởng mạnh và liên tục, nhờ đó hạn chế rủi ro khi đầu tư vào các cổ phiếu kém chất lượng. Các tiêu chí "C" và "A" đặc biệt phù hợp với bối cảnh thị trường đang phát triển như Việt Nam, nơi cơ hội tìm kiếm các doanh nghiệp tăng trưởng nhanh là rất lớn.

- *Phù hợp với xu thế đầu tư theo tăng trưởng:* CANSLIM phù hợp với giai đoạn thị trường có xu hướng tăng giá. Việc tập trung vào các cổ phiếu có sức mạnh giá và khối lượng giao dịch vượt trội giúp nhà đầu tư bắt kịp các "leader" trong ngành, từ đó tối ưu hóa lợi nhuận khi xu hướng thị trường thuận lợi.

- *Hạn chế được rủi ro đầu tư theo cảm tính:* Việc sử dụng hệ thống tiêu chí rõ ràng từ CANSLIM giúp loại bỏ bớt yếu tố cảm xúc khi ra quyết định đầu tư. Nhà đầu tư cá nhân - vốn thường thiếu kỷ luật và dễ bị cuốn theo đám đông, có thể sử dụng mô hình này như một "la bàn" để bám sát nguyên tắc, tránh đầu tư theo tin đồn, phím hàng.

- *Tăng tính chủ động và kỷ luật trong giao dịch:* CANSLIM yêu cầu nhà đầu tư thiết lập kế hoạch giao dịch rõ ràng: từ điểm mua (breakout từ nền giá) đến điểm cắt lỗ và chốt lời, đồng thời phải thường xuyên cập nhật lại các tiêu chí tăng trưởng. Điều này rèn luyện nhà đầu tư khả năng quản trị danh mục chặt chẽ, một kỹ năng quan trọng trong dài hạn.

Nhược điểm:

- *Tính khắt khe của mô hình khiến số lượng cổ phiếu đáp ứng tiêu chí rất thấp:* Trong quá trình thực hiện sàng lọc với đầu vào là 704 cổ phiếu trên sàn HOSE và HNX, sau khi áp dụng tiêu chí "A", chỉ còn 38 cổ phiếu. Tiếp tục với tiêu chí "C",

danh sách rút gọn chỉ còn 6 cổ phiếu, và cuối cùng chỉ có 1 cổ phiếu duy nhất đáp ứng toàn bộ các tiêu chí. Điều này cho thấy mức độ “lọc nhiễu” cao của phương pháp, nhưng cũng làm giảm khả năng đa dạng hóa danh mục đầu tư, từ đó làm tăng rủi ro phi hệ thống.

- *Hạn chế về tính minh bạch và độ trễ của dữ liệu tài chính*: Nhiều doanh nghiệp trên thị trường Việt Nam công bố báo cáo tài chính chậm, hoặc mức độ minh bạch thấp, gây khó khăn trong việc đánh giá đúng các tiêu chí liên quan đến tăng trưởng lợi nhuận. Một số báo cáo tài chính chưa được kiểm toán cũng làm giảm độ tin cậy của dữ liệu đầu vào cho phương pháp CANSLIM.

- *Doanh nghiệp đổi mới nhưng không hiệu quả*: CANSLIM khuyến nghị chọn doanh nghiệp có sự đổi mới về sản phẩm hoặc mô hình kinh doanh. Tuy nhiên, trên thực tế, không phải mọi sự đổi mới đều mang lại giá trị thực tế. Một số doanh nghiệp liên tục tung ra sản phẩm mới hoặc thay đổi cơ cấu lãnh đạo nhưng không tạo ra tăng trưởng thực sự, dẫn đến nguy cơ rủi ro cao cho nhà đầu tư nếu chỉ dựa vào yếu tố đổi mới để ra quyết định.

- *Tác động mạnh của dòng tiền đầu cơ và thông tin vĩ mô*: Thị trường chứng khoán Việt Nam thường phản ứng mạnh với thông tin kinh tế - chính trị và dòng tiền ngắn hạn, khiến giá cổ phiếu nhiều lúc không phản ánh đúng nội tại doanh nghiệp, khiến các tín hiệu mua/bán theo CANSLIM dễ bị nhiễu loạn. Và ảnh hưởng đến tính chính xác của các chỉ báo kỹ thuật như xu hướng giá, khối lượng giao dịch. Việc thiếu sự ổn định của thị trường cũng làm tăng độ khó trong việc xác định thời điểm thích hợp để mua /bán cổ phiếu.

- *Cung cầu giả tạo*: Khối lượng giao dịch cao có thể là một tín hiệu tích cực, nhưng tại thị trường Việt Nam, nhiều doanh nghiệp sử dụng chiến thuật thao túng giá cổ phiếu. Nếu nhà đầu tư không phân tích kỹ tính thực tế của các giao dịch này, họ có thể rơi vào bẫy thanh khoản do các động thái giả tạo từ doanh nghiệp hoặc nhóm lợi ích chi phối.

- *Khác biệt thị trường Mỹ và Việt Nam*: CANSLIM được phát triển tại Mỹ, một thị trường có tính minh bạch cao, sự hiện diện mạnh mẽ của nhà đầu tư tổ chức, và thanh khoản dồi dào. Ngược lại, tại Việt Nam, thông tin tài chính đôi khi chưa chính xác, tỷ trọng nhà đầu tư cá nhân lớn, dẫn đến biến động giá chịu ảnh hưởng nhiều từ tâm lý đầu cơ thay vì kết quả kinh doanh thực tế.

- *Rủi ro chính sách và môi trường pháp lý thay đổi nhanh*: Việt Nam là thị trường mới nổi, môi trường pháp lý vẫn đang hoàn thiện. Các chính sách liên quan đến thuế, tỷ giá, điều hành thị trường đôi khi được ban hành đột ngột, gây ảnh hưởng lớn đến giá cổ phiếu. Điều này gây khó khăn trong việc dự báo xu hướng thị trường chung một trụ cột quan trọng của mô hình CANSLIM.

3.2. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP CANSLIM CHO NHÀ ĐẦU TƯ CÁ NHÂN TRONG VIỆC QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

3.2.1. Cách chọn cổ phiếu theo các tiêu chí CANSLIM trên Thị trường chứng khoán Việt Nam

Phương pháp CANSLIM bao gồm bảy tiêu chí cốt lõi (C, A, N, S, L, I, M), tuy nhiên trong quá trình vận dụng vào Thị trường chứng khoán Việt Nam có những đặc điểm riêng về quy mô, thanh khoản, mức độ minh bạch và cơ cấu nhà đầu tư. Một số tiêu chí cần được điều chỉnh linh hoạt nhằm đảm bảo tính khả thi và hiệu quả trong thực tiễn.

- Tiêu chí C: Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (EPS) nên tăng ít nhất 25% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu thuần năm gần nhất tăng ít nhất 20%.

- Tiêu chí A: Tăng trưởng lợi nhuận hàng năm tối thiểu 25% trong vòng ba năm liên tiếp, chấp nhận nếu có 1 năm bị sụt giảm nhưng các năm sau đó phải tăng và có tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) trên 17%.

Nhà đầu tư cần nâng cao khả năng phân tích sâu báo cáo tài chính, đồng thời kết hợp tham khảo từ các nguồn thông tin độc lập đáng tin cậy như báo cáo phân tích từ các công ty chứng khoán uy tín, dữ liệu kiểm toán, hoặc các cuộc họp cổ đông. Nhà đầu tư có thể sử dụng bộ lọc cổ phiếu trên trang web của các công ty chứng khoán để đảm bảo tính minh bạch và chính xác. Trong bài, tác giả sử dụng bộ lọc cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Ngoài ra còn có các nền tảng khác như TradingView, Vietstock,... Đồng thời loại bỏ những doanh nghiệp có những số liệu tăng giảm bất thường (tăng lợi nhuận đột ngột, giảm chi phí đột ngột,...)

- Tiêu chí N: Theo dõi tin tức về sản phẩm mới, thay đổi quản lý cấp cao hoặc các sự kiện tích cực của doanh nghiệp (ví dụ: ký hợp đồng lớn, mở rộng thị phần, tăng công suất,...). Đặc biệt, chỉ khi câu chuyện có yếu tố tác động trực tiếp đến dòng tiền của doanh nghiệp, điều đó mới có giá trị thực sự đối với cổ phiếu. *Nhà đầu tư có thể tham khảo các nguồn như VietEconomy hoặc báo cáo doanh nghiệp trên HOSE là hữu ích.*

- Tiêu chí S: Chọn cổ phiếu có thanh khoản cao và có dấu hiệu tích lũy từ các tổ chức. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng thị trường Việt Nam có thể bị ảnh hưởng bởi các “đội lái”. Do đó cần chọn các cổ phiếu có thanh khoản ổn định và khối lượng tăng dần đồng thời kết hợp phân tích kỹ thuật (như đường MA50, MA200) để xác định xu hướng giá.

Ví dụ: Trong khoảng thời gian từ ngày 04/01/2022 đến ngày 17/06/2022, ông Lưu Thái Hải và ông Ngô Huỳnh Minh Uy đã sử dụng 76 tài khoản chứng khoán để liên tục mua bán, giao dịch cổ phiếu FIR giữa các tài khoản với nhau nhằm mục đích tạo cung cầu giả tạo, thao túng giá cổ phiếu của Công ty cổ phần Địa ốc First Real

(FIR). Do đó, nhà đầu tư nên quan sát kỹ biểu đồ giá, phân tích thanh khoản và xác nhận tín hiệu bằng các chỉ báo kỹ thuật phù hợp, nhằm tránh rơi vào bẫy giá do thao túng thị trường.

- Tiêu chí L: Ưu tiên cổ phiếu dẫn đầu trong nhóm ngành và có mức tăng trưởng mạnh nhất. Khi thị trường gặp biến động và điều chỉnh, các cổ phiếu đứng đầu ngành, có mức tăng trưởng mạnh nhất sẽ hồi phục nhanh nhất.

Ví dụ: Cuối năm 2022, xuất hiện một số vụ việc và biểu hiện không lành mạnh trên thị trường cổ phiếu và trái phiếu, như thao túng thị trường, che giấu thông tin, trục lợi,... đã làm cho thị trường chứng khoán giảm mạnh về vùng 900 điểm. Trong đó, VCB một cổ phiếu đứng đầu ngành ngân hàng đã hồi phục sớm nhất trong khi thị trường vẫn còn giảm mạnh. Cho đến khi VN-INDEX có phiên hồi phục đầu tiên đảo chiều xu hướng thì cổ phiếu VCB đã tăng được hơn 20%.

- Tiêu chí I: Do thị trường Việt Nam có ít sự tham gia rõ ràng của các quỹ lớn, nhà đầu tư có thể xem xét tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn hoặc các giao dịch của khối ngoại và tự doanh. Nhà đầu tư có thể xem giao dịch hàng ngày của khối ngoại và tự doanh ở phần “*Tiêu điểm thị trường*” ở trang web Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT và các nền tảng khác như TradingView, Vietstock,...

- Tiêu chí M: Chỉ đầu tư khi thị trường chung đang trong xu hướng tăng, tránh mua khi thị trường đang điều chỉnh mạnh. Việc mua đúng cổ phiếu nhưng sai thời điểm, đặc biệt là trong giai đoạn thị trường điều chỉnh hoặc bước vào chu kỳ giảm có thể dẫn đến thua lỗ, bất chấp các tiêu chí khác đều đạt yêu cầu. Do đó, việc xác định xu hướng thị trường là điều kiện tiên quyết trước khi tiến hành lựa chọn cổ phiếu. Việc nghiên cứu và cập nhật liên tục các thông tin vĩ mô, chính sách, và xu hướng ngành nghề là bắt buộc để nhà đầu tư xác định được đâu là ngành dẫn dắt trong một chu kỳ thị trường, từ đó chọn ra cổ phiếu tiềm năng theo phương pháp CANSLIM.

Một số nhóm ngành tại Việt Nam (ví dụ: ngân hàng, bất động sản, chứng khoán) có vai trò rất lớn tới biến động thị trường, nhưng lại có chu kỳ kinh doanh khá đặc thù, khác với các ngành truyền thống như công nghệ hay tiêu dùng ở Mỹ. Vì thế, nhà đầu tư cần hiểu rõ chu kỳ ngành và chọn lọc cổ phiếu trong các ngành đang ở pha tăng trưởng thực sự, tránh nhầm lẫn với những pha tăng giá ngắn hạn do đầu cơ.

3.2.2. Nguyên tắc xây dựng danh mục đầu tư từ các cổ phiếu CANSLIM trên Thị trường chứng khoán Việt Nam

Thị trường chứng khoán Việt Nam, với sự phát triển nhanh chóng và tiềm năng tăng trưởng lớn, đã trở thành một kênh đầu tư hấp dẫn cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả đầu tư bền vững, việc xây dựng danh mục đầu tư cần được thực hiện dựa trên các nguyên tắc khoa học và có hệ thống. Phương pháp CANSLIM, với các tiêu chí chọn lọc cổ phiếu dựa trên yếu tố cơ bản và

kỹ thuật, là một công cụ hữu hiệu giúp nhà đầu tư xác định những cổ phiếu tiềm năng trên thị trường Việt Nam. Nhà đầu tư nên phân bổ danh mục vào 3-5 cổ phiếu đạt các tiêu chí CANSLIM nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa rủi ro và lợi nhuận.

Nguyên tắc xây dựng danh mục gồm:

- Xác định mục tiêu và thời gian đầu tư: Trước khi đầu tư, hãy xác định rõ ràng mục tiêu tài chính (ngắn hạn, trung hạn hay dài hạn) và khoảng thời gian dự kiến đầu tư. Điều này giúp nhà đầu tư lựa chọn chiến lược và loại tài sản phù hợp với nhu cầu của mình.

- Hiểu rõ mức độ chấp nhận rủi ro: Mỗi nhà đầu tư có mức độ chấp nhận rủi ro khác nhau. Việc hiểu rõ khả năng chịu đựng rủi ro của bản thân sẽ giúp nhà đầu tư phân bổ tài sản hợp lý giữa các loại cổ phiếu có độ biến động khác nhau.

- Đa dạng hóa ở mức hợp lý: Không vượt quá 5 mã cổ phiếu để đảm bảo kiểm soát rủi ro nhưng vẫn đủ tập trung để tối ưu hóa lợi nhuận. Đa dạng hóa giúp bảo vệ danh mục khỏi rủi ro của từng doanh nghiệp cụ thể, đồng thời tăng khả năng lựa chọn được những cổ phiếu đạt được tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ.

- Ưu tiên nhóm ngành có xu hướng dẫn dắt thị trường: Các ngành như chứng khoán, ngân hàng, bất động sản khu công nghiệp, năng lượng, công nghệ thông tin là những ngành tiềm năng có khả năng tăng trưởng vượt trội trong tương lai. Nhà đầu tư nên ưu tiên lựa chọn các cổ phiếu trong các nhóm ngành này, đặc biệt khi chúng đang hưởng lợi từ các yếu tố vĩ mô như chính sách của Chính phủ hay sự chuyển dịch trong nhu cầu thị trường.

- Tỷ trọng phân bổ theo mức độ đáp ứng tiêu chí CANSLIM: Cổ phiếu đạt chuẩn càng cao, tỷ trọng đầu tư càng lớn. Những cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng mạnh và đạt các tiêu chí cơ bản của CANSLIM, đặc biệt trong các chỉ tiêu như yếu tố mười của doanh nghiệp, mức độ thanh khoản và sự tham gia của các tổ chức tài chính, sẽ là ưu tiên trong việc phân bổ tài sản. *Lưu ý: Không dồn hết tiền vào một cổ phiếu, việc này có thể khiến cho nhà đầu tư thua lỗ lớn.*

3.2.3. Các nguyên tắc giao dịch nhằm quản lý danh mục đầu tư một cách hiệu quả trên Thị trường chứng khoán Việt Nam

Thị trường chứng khoán Việt Nam, với tính biến động cao và sự tham gia ngày càng lớn của các nhà đầu tư cá nhân cũng như tổ chức, đòi hỏi các nguyên tắc giao dịch chặt chẽ để quản lý danh mục đầu tư hiệu quả. Việc áp dụng các nguyên tắc giao dịch không chỉ giúp nhà đầu tư tối ưu hóa lợi nhuận mà còn bảo vệ vốn trước những biến động bất ngờ của thị trường. Dựa trên phương pháp CANSLIM và các đặc điểm riêng của thị trường Việt Nam, các nguyên tắc giao dịch cần được xây dựng dựa trên sự kết hợp giữa phân tích kỹ thuật, cơ bản và quản lý rủi ro. Nhà đầu tư cần tuân thủ các nguyên tắc giao dịch sau:

3.2.3.1. Xác định điểm mua cổ phiếu

Trên thị trường chứng khoán, việc lựa chọn đúng thời điểm tham gia quan trọng không kém gì việc chọn đúng cổ phiếu. Xu hướng thị trường chung chính là yếu tố nền tảng quyết định đến thành bại của hầu hết các quyết định đầu tư. Một cổ phiếu tốt trong xu hướng giảm có thể không tăng giá, nhưng một cổ phiếu trung bình trong xu hướng tăng có thể mang lại lợi nhuận vì có tới 75% cổ phiếu sẽ đi theo xu hướng thị trường. Vì thế sau khi theo dõi và chọn được những cổ phiếu tốt, nhà đầu tư nên mua khi thị trường vào xu hướng tăng, khi đó các nhà đầu tư có tới 75% cơ hội đúng.

Tiếp theo, sẽ theo dõi và lựa chọn điểm mua, lựa chọn đúng điểm mua giúp gia tăng xác suất thành công và giảm thiểu rủi ro:

- Mua khi cổ phiếu vượt nền giá chặt chẽ: Cổ phiếu bứt phá khỏi mô hình tích lũy (Cup with Handle, Flat Base...) với khối lượng giao dịch tăng từ 40–50% so với trung bình 50 phiên.

- Mua sớm trong mẫu hình: Khi doanh nghiệp lộ diện câu chuyện tăng trưởng mạnh mẽ, nhà đầu tư phải nhận biết sớm được câu chuyện và chủ động mua sớm trong vùng nền để nắm lợi thế giá.

- Mua trong đợt điều chỉnh kỹ thuật: Nếu phát hiện câu chuyện tăng trưởng sau khi giá đã có nhịp tăng, nhà đầu tư có thể tận dụng các nhịp điều chỉnh kỹ thuật để tham gia với xác suất thành công cao hơn.

Bên cạnh đó, cần xác nhận các yếu tố hỗ trợ như xu hướng giá tăng mạnh, khối lượng giao dịch cao, và dấu hiệu tham gia của nhà đầu tư tổ chức trước khi ra quyết định mua.

- Hành vi giá: Giá cổ phiếu phải ở xu hướng tăng (higher highs, higher lows) hoặc vừa thoát khỏi vùng tích lũy.

- Khối lượng giao dịch: Tăng mạnh trong các phiên tăng giá, giảm trong các phiên điều chỉnh, cho thấy sự tham gia của dòng tiền lớn.

- Tín hiệu tổ chức: Mua ròng từ khối ngoại, quỹ ETF, hoặc giao dịch lớn là dấu hiệu tích cực.

- Nhà đầu tư nên duy trì danh sách theo dõi với 15–25 cổ phiếu tiềm năng, sử dụng các công cụ của các công ty chứng khoán, TradingView hoặc Vietstock để theo dõi hành vi giá và khối lượng. Tránh mua khi thị trường chung suy yếu hoặc khi cổ phiếu đã tăng quá xa khỏi nền giá.

3.2.3.2. Thiết lập nguyên tắc cắt lỗ

Trên thị trường chứng khoán, việc giữ được tiền quan trọng hơn việc kiếm được tiền. Không phải ai cũng thắng lớn, nhưng ai cũng có thể lỗ lớn nếu không biết bảo vệ tiền. Một cổ phiếu giảm giá có thể khiến nhà đầu tư tổn thất không chỉ tiền bạc mà còn là niềm tin và cơ hội khác. Gồng lỗ không khiến cổ phiếu tăng trở lại. Chờ hòa vốn

không giúp trở thành nhà đầu tư kiên nhẫn, chỉ khiến nhà đầu tư bị mắc kẹt trong quá khứ.

Khi cảm thấy khó bán cổ phiếu ra khi thua lỗ còn ở mức nhỏ, nhà đầu tư sẽ càng cảm thấy khó bán ra hơn nữa khi thua lỗ ở mức lớn hơn. Vì thế việc cắt lỗ nhanh chóng là nguyên tắc quan trọng nhằm bảo vệ vốn giúp nhà đầu tư có thể đi xa hơn trong hành trình đầu tư:

- Cắt lỗ khi cổ phiếu giảm từ 7–8% so với điểm mua ban đầu và không có trường hợp ngoại lệ.

- Nếu mua ngay phiên breakout, nhà đầu tư cần cắt lỗ ngay khi cổ phiếu giảm thủng mức thấp nhất của cây nến breakout hoặc khi khối lượng sụt giảm đột ngột, báo hiệu nhịp tăng không bền vững.

- Ngoài ra, có thể sử dụng các ngưỡng hỗ trợ động như MA20 hoặc MA50 để làm cơ sở xác định điểm cắt lỗ kỹ thuật.

Việc duy trì mức lỗ nhỏ giúp nhà đầu tư dễ dàng phục hồi tài khoản. *Ví dụ: thua lỗ 8%, nhà đầu tư chỉ cần đạt mức lãi 9% là có thể hòa vốn ban đầu. Trong khi thua lỗ 50% cần phải đạt mức lãi 100%, và thua lỗ 80% phải lãi tới 400% mới lấy lại vốn ban đầu.*

Phản ứng nhanh với tín hiệu bất thường:

- Khối lượng phân phối: Giá giảm mạnh với khối lượng giao dịch tăng đột biến (gấp 2–3 lần trung bình), báo hiệu sự rút lui của dòng tiền lớn.

- Tin tức tiêu cực: Các sự kiện như thua lỗ nặng, vi phạm pháp lý, hoặc thay đổi lãnh đạo đột ngột thì nên cắt lỗ ngay, không chờ đến ngưỡng 7–8%.

- Mô hình giá đảo chiều: Các mô hình nến như bearish engulfing hoặc shooting star tại vùng kháng cự là dấu hiệu cần bán.

3.2.3.3. Chốt lời theo mục tiêu

Chốt lời đúng thời điểm giúp bảo vệ lợi nhuận và tái phân bổ vốn vào các cơ hội mới. Mỗi giao dịch cần có mục tiêu lợi nhuận rõ ràng, dựa trên đặc điểm cổ phiếu và chiến lược đầu tư:

- Chốt lời khi cổ phiếu đạt mức tăng từ 15–20% so với điểm mua, tùy theo mức độ biến động của từng mã cổ phiếu.

- Trong trường hợp kỳ vọng giữ cổ phiếu lâu hơn, nhà đầu tư có thể bán ra một nửa khối lượng nắm giữ nhằm khóa lợi nhuận và giảm rủi ro, đồng thời để phần còn lại tiếp tục tăng trưởng.

- Nếu nhà đầu tư muốn nắm giữ cổ phiếu dài hạn trong vòng vài năm thì không đặt mục tiêu 15–20% rồi bán như ngắn hạn. Thay vào đó, sử dụng tiêu chí sau để quyết định bán:

- + Bán từng phần khi cổ phiếu đạt mức tăng lớn hoặc đạt mục tiêu (ví dụ: tăng

gấp đôi, gấp ba lần).

- + Bán khi doanh nghiệp không còn duy trì tăng trưởng lợi nhuận EPS, doanh thu như kỳ vọng.

- + Bán khi thị trường xuất hiện tín hiệu phân phối lớn hoặc khi toàn ngành nghề cổ phiếu đó chuyển sang giai đoạn suy thoái.

Việc chốt lời có kế hoạch giúp nhà đầu tư bảo vệ lợi nhuận đã có và tránh bị "bào mòn" lợi nhuận do biến động bất lợi của thị trường.

3.2.3.4. Theo dõi và đánh giá lại cổ phiếu

Danh mục đầu tư cần được rà soát định kỳ:

- Thường xuyên đánh giá lại cổ phiếu trong danh mục dựa trên các tiêu chí tăng trưởng

- Nếu doanh nghiệp không còn duy trì tăng trưởng lợi nhuận, mất vị thế dẫn đầu ngành, hoặc có dấu hiệu suy giảm thanh khoản, cần cân nhắc loại bỏ khỏi danh mục.

- Luôn chủ động thay thế những cổ phiếu không còn đạt tiêu chí bằng những cổ phiếu tiềm năng hơn.

Đồng thời, nhà đầu tư cần tránh bị cuốn theo các “room phím hàng”, tin đồn, hoặc diễn đàn thiếu kiểm chứng, và kiên nhẫn chờ đợi cơ hội rõ ràng, chỉ mua khi cổ phiếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đề ra.

3.2.3.5. Kỷ luật và linh hoạt trong quản lý danh mục đầu tư

Quản lý danh mục cần được thực hiện một cách linh hoạt, phù hợp với biến động của thị trường, nhưng vẫn đảm bảo duy trì kỷ luật giao dịch:

- Định kỳ đánh giá hiệu quả đầu tư, khi thị trường thay đổi xu hướng hoặc ngành mới dẫn dắt, tái phân bổ vốn để tối ưu hóa lợi nhuận.

- Mỗi quyết định mua - bán phải dựa trên phân tích rõ ràng, cơ bản (báo cáo tài chính, câu chuyện tăng trưởng) và kỹ thuật (breakout). Tránh mua đuổi khi cổ phiếu tăng nóng hoặc bán tháo khi thị trường giảm mạnh

- Quản lý toàn bộ danh mục dựa trên xu hướng thị trường:

- + Khi thị trường uptrend khỏe: tăng tỷ trọng cổ phiếu, tập trung vào các mã dẫn đầu ngành hoặc có tín hiệu breakout rõ ràng, sẵn sàng giải ngân mạnh hơn.

- + Khi thị trường có dấu hiệu suy yếu (nhiều phiên phân phối, chỉ số thủng vùng hỗ trợ lớn): giảm nhanh tỷ trọng cổ phiếu, ưu tiên giữ tiền mặt.

- + Trong giai đoạn chưa xác định rõ xu hướng: chỉ giải ngân tỷ trọng thấp, ưu tiên cổ phiếu chất lượng cao nhất.

Việc đồng bộ giữa hành động danh mục và xu hướng thị trường sẽ giúp tối ưu hiệu quả đầu tư dài hạn.

3.2.3.6. Ghi nhật ký giao dịch và rút kinh nghiệm

Nhật ký giao dịch là công cụ quan trọng giúp nhà đầu tư nâng cao năng lực, tránh lặp lại sai lầm và sự kỷ luật trong dài hạn.

- Ghi lại đầy đủ các quyết định mua, bán, lý do thực hiện giao dịch, mức giá, tỷ trọng.
- Định kỳ xem xét nhật ký để đánh giá các sai lầm, điểm mạnh trong giao dịch nhằm cải thiện kỹ năng.

TỔNG KẾT CHƯƠNG 3

Trong Chương 3, tác giả tập trung đề xuất các khuyến nghị dành cho nhà đầu tư khi vận dụng phương pháp CANSLIM vào quản lý danh mục đầu tư tại Thị trường chứng khoán Việt Nam. Qua quá trình đánh giá tổng quan, tác giả nhận thấy rằng mặc dù phương pháp CANSLIM được phát triển trong bối cảnh thị trường Mỹ, nhiều nguyên tắc cốt lõi vẫn phù hợp với thị trường Việt Nam.

CANSLIM giúp nhà đầu tư sàng lọc các doanh nghiệp có nền tảng tăng trưởng vững chắc, nâng cao tính kỷ luật trong giao dịch và hạn chế các quyết định cảm tính. Tuy nhiên, việc vận dụng cũng cần thích nghi linh hoạt với những thách thức đặc thù như: độ trễ thông tin tài chính, sự chi phối của dòng tiền đầu cơ, và rủi ro chính sách bất ngờ.

Dựa trên những phân tích đó, chương này đã đề xuất cụ thể:

- Nguyên tắc chọn cổ phiếu
- Nguyên tắc xây dựng danh mục
- Quy trình giao dịch và quản lý danh mục
- Và đưa ra một số lưu ý cho nhà đầu tư khi áp dụng phương pháp CANSLIM tại Thị trường chứng khoán Việt Nam

Nhìn chung, phương pháp CANSLIM không chỉ đơn thuần là công cụ lựa chọn cổ phiếu mà còn là hệ thống quản trị danh mục toàn diện, giúp nhà đầu tư cá nhân nâng cao khả năng chủ động, tối ưu hóa lợi nhuận, đồng thời kiểm soát rủi ro hiệu quả trong một thị trường đầy thách thức như Việt Nam. Việc vận dụng thành công đòi hỏi nhà đầu tư phải kiên định với nguyên tắc, liên tục cập nhật thị trường, đồng thời linh hoạt thích ứng với từng giai đoạn chu kỳ kinh tế và tâm lý thị trường.

KẾT LUẬN

Đề tài “Vận dụng phương pháp CANSLIM để quản lý danh mục đầu tư trên Thị trường chứng khoán Việt Nam” đã cung cấp lý thuyết về quản lý danh mục đầu tư và khả năng áp dụng phương pháp CANSLIM trong bối cảnh Thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2022-2024. Trong đó, CANSLIM chủ yếu dùng để chọn lọc cổ phiếu, còn để quản lý danh mục đầu tư thì cần sử dụng thêm những chỉ số khác. Tuy nhiên, để có được danh mục đầu tư tốt thì trước hết cần phải chọn lọc ra được những cổ phiếu tốt. Qua phân tích và đánh giá, tác giả đã làm rõ bối cảnh Thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2022-2024. Quá trình sàng lọc cổ phiếu theo tiêu chí CANSLIM được thực hiện cụ thể với dữ liệu từ 704 cổ phiếu trên sàn HOSE và HNX, dẫn đến việc lựa chọn cổ phiếu HAH và các cổ phiếu (FPT, STB, CTG). Kết quả đánh giá hiệu quả danh mục thông qua các chỉ số Alpha (16,23456%), Treynor (0,016), và Sharpe (0,02) cho thấy danh mục đầu tư theo CANSLIM mang lại lợi nhuận vượt trội và kiểm soát rủi ro tốt. Sau đó, chỉ ra các hạn chế và một số đề xuất để tối ưu hóa hiệu quả đầu tư như: đề xuất cách xây dựng danh mục đầu tư và thiết lập nguyên tắc giao dịch cho nhà đầu tư.

Tuy nhiên, đề tài vẫn tồn tại một số hạn chế như chỉ đang tập trung vào phương pháp CANSLIM và chưa so sánh hiệu quả của phương pháp này với các chiến lược đầu tư khác (đầu tư giá trị hoặc phân tích kỹ thuật thuần túy). Từ đó dẫn đến một nhược điểm là ban đầu sàng lọc cổ phiếu tác giả chỉ đưa ra được 1 cổ phiếu thỏa mãn hết các tiêu chí của CANSLIM. Đồng thời tác giả chưa điều chỉnh các tiêu chí đánh giá của CANSLIM sao cho phù hợp với Thị trường chứng khoán Việt Nam hơn. CANSLIM đòi hỏi nhà đầu tư có trình độ tài chính nhất định, điều này hạn chế khả năng tiếp cận của nhà đầu tư cá nhân mới tham gia thị trường Việt Nam, vốn chịu ảnh hưởng lớn từ tâm lý đám đông.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- PGS.TS. Hoàng Văn Quỳnh - THS. Cao Minh Tiến, Giáo trình “*Quản lý danh mục đầu tư*”, Nhà xuất bản Tài chính, Năm 2017
- PGS.TS. Bùi Kim Yến, Giáo trình “*Thị trường chứng khoán*”, Nhà xuất bản Giao thông vận tải, Năm 2009.
- TS. Nguyễn Thị Hoài Lê, Giáo trình “*Đầu tư tài chính*”, Nhà xuất bản Tài chính, Năm 2013
- William O’Neil, “*Làm giàu qua chứng khoán*”, Nhà xuất bản thống kê, 2006.
- *Báo Tin nhanh Việt Nam (VnExpress)*
- *Tạp chí Kinh tế Việt Nam (VietEconomy)*
- *VSDC - Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam*
- Các nền tảng dữ liệu chứng khoán:
Website Công ty Cổ phần chứng khoán VNDIRECT: <https://www.vndirect.com.vn/>
Vietstock: <https://vietstock.vn/>
Wichart: <https://wichart.vn/>
TradingView: <https://www.tradingview.com/>

PHỤ LỤC

STT	Mã CK	Sàn	EPS (%)	Tăng trưởng doanh thu thuần			Tiêu chí C
				2022	2023	2024	
1	AAA	HOSE	-18.75	16.20%	-17.40%	1.30%	☐
2	AAM	HOSE		58.10%	-35.50%	12.20%	☐
3	AAT	HOSE	-224.3	103.20%	-37.70%	-3.10%	☐
4	AAV	HNX	-2.026	-0.90%	-85.30%	-47.40%	☐
5	ABR	HOSE	41497	14.80%	-38.60%	-61.10%	☐
6	ABS	HOSE		33.90%	-	-61.40%	☐
7	ABT	HOSE	48.78	80.50%	-13.60%	7.80%	☐
8	ACB	HOSE	-1.34	24.22%	6.06%	11.36%	☐
9	ACC	HOSE	-51.68	81.90%	1.50%	7.40%	☐
10	ACG	HOSE	-44.34	35.90%	-15.90%	5.80%	☐
11	ACL	HOSE	62.96	-2.60%	-4.30%	56.60%	☐
12	ADC	HNX	-0.44	31.20%	9.90%	-4.50%	☐
13	ADG	HOSE	-34.25	-8.40%	-23.40%	12.80%	☐
14	ADP	HOSE	-25.9	41.70%	-12.10%	58.40%	☐
15	ADS	HOSE	66.06	12.00%	-4.80%	1.00%	☐
16	AGG	HOSE	-10.13	506.50%	-64.50%	-50.80%	☐
17	AGR	HOSE	26.95	-6.80%	-1.60%	14.30%	☐
18	ALT	HNX	105.76	20.8%	13.5%	35.6%	☒
19	AMC	HNX	-0.54	4.70%	-11.10%	8.80%	☐
20	AME	HNX	12	24.00%	0.10%	52.20%	☐
21	AMV	HNX	1551	25.90%	-30.40%	58.00%	☐
22	ANV	HOSE		40.10%	-9.30%	10.60%	☐
23	APG	HOSE		-51.80%	59.00%	-55.20%	☐
24	APH	HOSE	-20.41	17.00%	-16.20%	-2.30%	☐
25	API	HNX		-33.50%	-	6.30%	☐
26	APS	HNX		-43.70%	3.20%	-45.20%	☐
27	ARM	HNX		-5.80%	13.20%	61.50%	☐
28	ASG	HOSE	-121.5	174.10%	-3.00%	-0.20%	☐
29	ASM	HOSE	-177.9	20.60%	-13.00%	0.40%	☐
30	ASP	HOSE	-12.95	20.30%	-8.90%	-11.10%	☐
31	AST	HOSE	44.20	291.8%	82.2%	20.9%	☒
32	ATS	HNX	39.98	10.00%	13.50%	5.60%	☐
33	BAB	HNX	-18.22	58.67%	-17.79%	28.85%	☐
34	BAF	HNX		-32.30%	-25.70%	7.40%	☐
35	BAX	HNX	-32.64	35.10%	-67.90%	-2.10%	☐
36	BBC	HOSE	-22.62	-2.60%	-27.00%	13.20%	☐

37	BBS	HNX	-11.44	-14.30%	-20.70%	0.00%	☒
38	BCC	HNX		-2.60%	-27.00%	13.20%	☒
39	BCE	HOSE		-17.80%	11.00%	138.00%	☒
40	BCF	HNX	30.45	36.4%	-14.8%	28.2%	☑
41	BCG	HOSE		75.00%	-11.50%	9.00%	☒
42	BCM	HOSE	-33.12	-6.60%	24.00%	-35.10%	☒
43	BDB	HNX	-32.59	14.20%	-13.90%	7.10%	☒
44	BED	HNX	86.96	14.80%	-2.60%	-3.60%	☒
45	BFC	HOSE	100.87	11.30%	0.10%	9.00%	☒
46	BHN	HOSE	91.34	20.60%	-7.60%	6.00%	☒
47	BIC	HOSE	20	24.20%	39.60%	18.80%	☒
48	BID	HOSE	6.2	19.51%	0.31%	3.33%	☒
49	BKC	HNX	1428.07	-36.4%	83.1%	29.0%	☑
50	BKG	HOSE	116.06	5.00%	-52.30%	57.40%	☒
51	BMC	HOSE	-12.5	33.20%	-1.70%	8.50%	☒
52	BMI	HOSE	-47.67	18.40%	5.80%	7.80%	☒
53	BMP	HOSE	-10.09	27.60%	-11.20%	-10.50%	☒
54	BNA	HNX	-37.48	1.40%	41.40%	20.20%	☒
55	BPC	HNX		-0.10%	-13.70%	18.10%	☒
56	BRC	HOSE	-23.47	-2.90%	-1.70%	26.10%	☒
57	BSC	HNX	-20.4	1.10%	4.30%	44.70%	☒
58	BSI	HOSE	28.68	-18.30%	15.60%	12.30%	☒
59	BSR	HOSE	-103.9	65.40%	-11.80%	-16.50%	☒
60	BST	HNX	-52.86	47.10%	-0.70%	-16.40%	☒
61	BTP	HOSE	25.3	-57.70%	53.40%	-54.60%	☒
62	BTS	HNX		4.90%	-17.70%	1.40%	☒
63	BTT	HOSE	21.75	57.60%	42.80%	19.00%	☒
64	BTW	HNX		20.30%	13.00%	6.00%	☒
65	BVH	HOSE	56.25	9.90%	-1.90%	-0.30%	☒
66	BVS	HNX	-36.04	-24.80%	1.70%	13.80%	☒
67	BWE	HOSE	-14.01	11.80%	1.20%	12.30%	☒
68	BXH	HNX	574.34	-6.40%	0.50%	-21.10%	☒
69	C32	HOSE		10.80%	-13.60%	26.90%	☒
70	C47	HOSE	-107.23	-10.70%	25.00%	-4.30%	☒
71	C69	HNX	15.25	209.80%	19.30%	-8.40%	☒
72	CAG	HNX		40.60%	-21.20%	-35.10%	☒
73	CAN	HNX	43.86	-6.10%	-8.60%	-8.10%	☒
74	CAP	HNX	-73.63	13.50%	-	-14.00%	☒
75	CAR	HNX		-	35.89%	3.00%	☒

76	CCI	HOSE	-75.88	58.50%	-10.30%	-0.30%	☒
77	CCL	HOSE	-68.32	-47.00%	-38.70%	-4.80%	☒
78	CCR	HNX	-5.37	-22.10%	-5.50%	24.10%	☒
79	CDC	HOSE	113.03	68.90%	-7.70%	-5.90%	☒
80	CDN	HNX	2.56	10.80%	3.40%	17.60%	☒
81	CEO	HNX	35.15	182.60%	-45.30%	-6.10%	☒
82	CET	HNX		227.90%	-4.20%	-9.10%	☒
83	CHP	HOSE	1.51	39.80%	-19.90%	-7.60%	☒
84	CIA	HNX	-187.67	155.20%	-11.20%	30.60%	☒
85	CIG	HOSE	3142.57	181.8%	-20.7%	42.8%	☑
86	CII	HOSE	-95.18	100.70%	-46.80%	-0.90%	☒
87	CJC	HNX	65.18	150.4%	5.1%	53.5%	☑
88	CKG	HOSE	-13.6	29.80%	-10.10%	3.20%	☒
89	CKV	HNX	382.6	15.20%	45.90%	12.10%	☒
90	CLC	HOSE	-38.07	7.60%	28.90%	24.30%	☒
91	CLH	HNX	22.71	10.60%	-18.80%	0.30%	☒
92	CLL	HOSE	-5.26	1.00%	15.40%	6.70%	☒
93	CLM	HNX	-71.7	393.80%	35.60%	-2.30%	☒
94	CLW	HOSE		8.70%	4.00%	-0.10%	☒
95	CMC	HNX		34.10%	3.10%	54.70%	☒
96	CMG	HOSE	-12.51	30.10%	-1.40%	6.00%	☒
97	CMS	HNX	17.237	-14.50%	-38.80%	106.00%	☒
98	CMV	HOSE	-105.85	16.80%	-5.80%	8.20%	☒
99	CMX	HOSE	125.08	32.4%	-29.6%	45.9%	☑
100	CNG	HOSE	-51.93	37.50%	-25.60%	13.00%	☒
101	COM	HOSE	-40.78	81.10%	-9.80%	-5.40%	☒
102	CPC	HNX	-91.48	-0.60%	0.40%	0.40%	☒
103	CRC	HOSE	-13.52	15.20%	-15.80%	26.20%	☒
104	CRE	HOSE	1048	-37.80%	-73.30%	65.00%	☒
105	CSC	HNX	-92.5	141.10%	-68.50%	8.10%	☒
106	CSM	HOSE	-45.57	9.90%	-1.60%	-10.00%	☒
107	CST	HNX	-96.28	19.40%	-24.30%	20.30%	☒
108	CSV	HOSE	-56.76	33.70%	-24.50%	16.80%	☒
109	CTB	HNX	107.62	67.30%	-2.90%	-30.90%	☒
110	CTC	HNX		-74.50%	-75.60%	-74.50%	☒
111	CTD	HOSE	52.60	59.6%	13.7%	38.6%	☑
112	CTF	HOSE	470.6	39.60%	12.80%	15.10%	☒
113	CTG	HOSE	60.12	14.37%	10.81%	17.84%	☒
114	CTI	HOSE	18.8	20.60%	-10.70%	36.30%	☒

115	CTP	HNX	24.59	-38.30%	-25.10%	-57.20%	☒
116	CTR	HOSE	8.7	25.70%	19.40%	11.60%	☒
117	CTS	HOSE	78.13	-18.10%	31.20%	-9.80%	☒
118	CTT	HNX	-27.94	9.20%	0.70%	0.70%	☒
119	CVN	HNX	216.76	40.40%	-1.60%	-9.90%	☒
120	CVT	HOSE		40.80%	-9.40%	-6.60%	☒
121	CX8	HNX	3904	32.10%	-4.90%	2.30%	☒
122	D11	HNX	38.61	-55.10%	-74.00%	204.80%	☒
123	D2D	HOSE	287.19	-68.5%	30.8%	77.8%	☑
124	DAD	HNX		40.10%	20.00%	13.70%	☒
125	DAE	HNX		9.40%	-10.90%	17.80%	☒
126	DAH	HOSE	541.66	-96.3%	84.5%	56.9%	☑
127	DAT	HOSE	-20.87	32.50%	-1.80%	0.00%	☒
128	DBC	HOSE	2577	13.50%	-9.40%	22.20%	☒
129	DBD	HOSE	-17.7	-0.20%	6.20%	4.60%	☒
130	DBT	HOSE	-45.69	23.50%	7.50%	7.00%	☒
131	DC2	HNX	156.56	3.30%	-37.00%	19.20%	☒
132	DC4	HOSE	-77.06	-57.10%	119.90%	88.90%	☒
133	DCL	HOSE	-34.41	44.30%	12.60%	14.20%	☒
134	DCM	HOSE	-42.77	60.00%	-20.90%	6.80%	☒
135	DDG	HNX		28.90%	-32.90%	-45.30%	☒
136	DGC	HOSE	3.86	51.20%	-32.50%	1.20%	☒
137	DGW	HOSE	19.44	5.20%	-14.70%	17.30%	☒
138	DHA	HOSE	-57.32	14.90%	-3.20%	-21.10%	☒
139	DHC	HOSE	-34.62	-5.30%	-17.30%	10.40%	☒
140	DHG	HOSE	-20.347	16.80%	7.30%	-2.60%	☒
141	DHM	HOSE	-127.9	2.80%	90.30%	25.40%	☒
142	DHP	HNX	-26.45	0.50%	-13.00%	3.90%	☒
143	DHT	HNX	22.4	14.20%	8.80%	4.40%	☒
144	DIG	HOSE	48.18	-25.70%	-46.10%	8.40%	☒
145	DIH	HNX		0.10%	67.00%	-23.70%	☒
146	DL1	HNX	-9943	92.20%	0.80%	94.80%	☒
147	DLG	HOSE		-14.20%	-15.00%	-9.80%	☒
148	DMC	HOSE	32.9	6.30%	7.90%	10.50%	☒
149	DNC	HNX	33.99	16.00%	21.80%	16.80%	☒
150	DNP	HNX	58.74	45.90%	-3.30%	17.10%	☒
151	DP3	HNX	-0.88	27.30%	-15.50%	1.90%	☒
152	DPG	HOSE	7.731	30.40%	3.90%	3.70%	☒
153	DPM	HOSE	-118.56	45.70%	-27.20%	-0.50%	☒

154	DPR	HOSE	29.176	0.60%	-16.60%	20.20%	☒
155	DQC	HOSE		34.80%	-12.60%	-5.40%	☒
156	DRC	HOSE	-38.24	11.90%	-8.20%	4.00%	☒
157	DRH	HOSE		11.80%	-83.60%	-72.10%	☒
158	DRL	HOSE	-10.44	18.60%	-7.00%	-13.40%	☒
159	DS3	HNX	-39.51	-83.10%	292.20%	72.30%	☒
160	DSC	HOSE	4.5	199.30%	162.80%	14.70%	☒
161	DSE	HOSE		-	-	13.00%	☒
162	DSN	HOSE	-37.18	819.80%	7.20%	-12.60%	☒
163	DST	HNX	-100	29.40%	7.70%	-1.20%	☒
164	DTA	HOSE	-69.8	18.90%	-22.80%	42.00%	☒
165	DTC	HNX		-14.00%	-23.10%	-22.00%	☒
166	DTD	HNX	-68.9	-15.80%	35.40%	-37.10%	☒
167	DTG	HNX	-35.2	46.25%	25.4%	-2.27%	☒
168	DTK	HNX	86.14	-17.50%	9.80%	8.50%	☒
169	DTL	HOSE		19.30%	22.80%	-2.50%	☒
170	DTT	HOSE	46.3	19.30%	-8.50%	15.30%	☒
171	DVM	HNX	69.9	-	25.70%	6.60%	☒
172	DVP	HOSE	12.42	-3.90%	-6.10%	26.40%	☒
173	DXG	HOSE	234.58	-44.60%	-33.60%	29.40%	☒
174	DXP	HNX	-28.49	23.80%	280.90%	66.00%	☒
175	DXS	HOSE		-5.40%	-51.70%	23.20%	☒
176	DXV	HOSE		15.10%	-24.00%	4.70%	☒
177	EBS	HNX	38.58	-9.20%	-19.70%	-8.90%	☒
178	ECI	HNX		-9.80%	-66.20%	-79.40%	☒
179	EIB	HOSE	66.75	58.67%	-17.79%	28.85%	☑
180	EID	HNX	-15.96	30.10%	4.40%	6.50%	☒
181	ELC	HOSE	90.11	31.00%	13.50%	-18.40%	☒
182	EVE	HOSE	53.65	17.90%	-23.00%	-5.80%	☒
183	EVF	HOSE	128.18				☒
184	EVG	HOSE	83.43	31.90%	-14.70%	9.40%	☒
185	EVS	HNX	194.2	-18.70%	-57.70%	-34.30%	☒
186	FCM	HOSE	54.24	-1.30%	-22.40%	2.20%	☒
187	FCN	HOSE		-12.60%	-5.40%	17.20%	☒
188	FDC	HOSE		-90.90%	10.80%	54.20%	☒
189	FID	HNX		-72.70%	119.30%	-33.20%	☒
190	FIR	HOSE	-236.48	57.40%	-49.50%	-62.30%	☒
191	FIT	HOSE	-87.4	57.10%	-8.50%	11.40%	☒
192	FMC	HOSE	33.72	9.70%	-10.80%	35.90%	☒

193	FPT	HOSE	4.24	23.40%	19.50%	19.40%	☒
194	FRT	HOSE		34.10%	5.60%	25.90%	☒
195	FTS	HOSE	166.2	-38.50%	11.00%	21.60%	☒
196	GAS	HOSE	-26.4	27.50%	-10.70%	15.10%	☒
197	GDT	HOSE	19.5	18.10%	-22.50%	8.30%	☒
198	GDW	HNX		11.80%	4.70%	2.90%	☒
199	GEE	HOSE	420	-	-0.30%	27.20%	☒
200	GEG	HOSE	-41.5	51.60%	3.40%	7.50%	☒
201	GEX	HOSE		12.30%	-6.50%	12.50%	☒
202	GIC	HNX	-37.8	3.50%	2.30%	-7.50%	☒
203	GIL	HOSE	-89.4	-23.70%	-70.40%	-24.10%	☒
204	GKM	HNX	-99.71	31.90%	-6.40%	-50.10%	☒
205	GLT	HNX	306.46	345.8%	-84.0%	79.1%	☑
206	GMA	HNX	8.29	1705.30%	48.50%	1.70%	☒
207	GMD	HOSE	50.97	22.1%	-1.8%	25.6%	☑
208	GMH	HOSE	-0.57	-8.40%	-24.90%	-22.50%	☒
209	GMX	HNX	-23.1	34.00%	-32.60%	-14.80%	☒
210	GSP	HOSE	-32.38	13.10%	-4.30%	27.30%	☒
211	GTA	HOSE	-20.85	-4.20%	-49.10%	4.90%	☒
212	GVR	HOSE	69.45	-3.90%	-12.80%	18.80%	☒
213	HAD	HNX		19.80%	9.90%	3.20%	☒
214	HAG	HOSE	-82.48	305.70%	36.40%	-16.60%	☒
215	HAH	HOSE	286.90	63.9%	-18.5%	52.8%	☑
216	HAP	HOSE	-18.62	-	-52.10%	38.20%	☒
217	HAR	HOSE	99.44	181.00%	-84.80%	-2.50%	☒
218	HAS	HOSE	-267	-26.30%	-20.60%	-40.00%	☒
219	HAT	HNX	-86.79	140.50%	14.40%	9.30%	☒
220	HAX	HOSE	34.13	22.0%	-41.2%	38.5%	☑
221	HBS	HNX	-78.67	21.30%	45.00%	-20.00%	☒
222	HCC	HNX	281.84	34.7%	-17.4%	28.5%	☑
223	HCD	HOSE	-77.2	1.60%	22.60%	-4.80%	☒
224	HCM	HOSE	-19.58	-12.50%	-25.60%	47.30%	☒
225	HCT	HNX		-3.00%	-19.90%	-45.00%	☒
226	HDA	HNX		-9.70%	-11.60%	18.60%	☒
227	HDB	HOSE	-22.92	29.67%	23.17%	39.1%	☒
228	HDC	HOSE	-99.69	-4.40%	-48.70%	-17.90%	☒
229	HDG	HOSE	-123.46	-5.20%	-20.90%	-5.70%	☒
230	HEV	HNX		3.10%	-61.10%	58.80%	☒
231	HGM	HNX	776.69	30.4%	-12.6%	110.9%	☑

232	HHC	HNX	22.39	56.30%	-40.40%	-10.40%	☒
233	HHP	HOSE		18.00%	18.80%	68.60%	☒
234	HHS	HOSE	-60.96	-25.40%	-4.90%	55.80%	☒
235	HHV	HOSE	116.54	12.7%	28.3%	23.1%	☑
236	HID	HOSE		-25.90%	50.80%	-4.00%	☒
237	HII	HOSE	-213.6	29.00%	-26.10%	-8.60%	☒
238	HJS	HNX	-44	6.90%	-10.50%	-6.10%	☒
239	HKT	HNX		649.10%	-8.30%	-46.80%	☒
240	HLC	HNX	25.37	16.00%	-17.90%	-2.60%	☒
241	HLD	HNX	48.71	-56.20%	-61.80%	113.90%	☒
242	HMC	HOSE	-26.18	-10.90%	-8.60%	35.80%	☒
243	HMH	HNX		-9.90%	-3.10%	35.90%	☒
244	HMR	HNX	22.62	-	30.90%	-21.70%	☒
245	HNA	HOSE	9.12	70.10%	-36.30%	5.30%	☒
246	HOM	HNX		12.40%	-15.90%	-1.60%	☒
247	HPG	HOSE	-14.11	-5.50%	-15.90%	16.70%	☒
248	HPX	HOSE	-93.8	17.40%	4.00%	-4.90%	☒
249	HQC	HOSE	271.12	-1.10%	6.10%	-122.70%	☒
250	HRC	HOSE	370.8	-3.10%	2.20%	17.00%	☒
251	HSG	HOSE	58.7	-28.10%	-19.40%	23.20%	☒
252	HSL	HOSE	-84.8	57.40%	-16.30%	-64.30%	☒
253	HT1	HOSE	-60.77	26.20%	-21.00%	-2.30%	☒
254	HTC	HNX	-31.24	5.10%	-27.30%	-2.60%	☒
255	HTG	HOSE	90.95	33.20%	-9.20%	8.60%	☒
256	HTI	HOSE	14.2	26.80%	4.00%	11.20%	☒
257	HTL	HOSE	-75.94	15.70%	-37.20%	-27.60%	☒
258	HTN	HOSE	-85.23	-11.30%	-50.90%	-57.50%	☒
259	HTV	HOSE	14.05	18.00%	-14.70%	-7.20%	☒
260	HU1	HOSE	4136	-43.70%	-62.00%	27.60%	☒
261	HUB	HOSE	-3.8	-4.70%	-16.50%	-12.90%	☒
262	HUT	HNX	358.33	23.8%	916.5%	179.3%	☑
263	HVH	HOSE	248.93	43.8%	-43.4%	56.9%	☑
264	HVN	HOSE		152.90%	29.50%	15.90%	☒
265	HVT	HNX	99.7	68.10%	-8.50%	15.30%	☒
266	HVX	HOSE		11.60%	-31.80%	-32.10%	☒
267	ICG	HNX		157.50%	-90.30%	1117.90%	☒
268	ICT	HOSE	-12.5	-38.30%	16.00%	5.00%	☒
269	IDC	HNX	-35.03	90.60%	-12.20%	22.20%	☒
270	IDI	HOSE	-20.92	38.70%	-8.90%	-1.20%	☒

271	IDJ	HNX	-94	-1.90%	0.40%	-18.80%	☒
272	IDV	HNX	-35.1	16.90%	9.60%	-24.30%	☒
273	IJC	HOSE	35.71	-24.30%	-24.10%	37.80%	☒
274	ILB	HOSE	9.29	10.40%	-9.20%	-6.60%	☒
275	IMP	HOSE	-24.22	29.80%	21.30%	10.60%	☒
276	INC	HNX	-95.3	11.90%	-9.00%	-12.80%	☒
277	INN	HNX	-3.2	11.30%	-10.40%	15.30%	☒
278	IPA	HNX	-32.7	-57.10%	17.80%	61.30%	☒
279	ITC	HOSE	-76.62	4.10%	-26.50%	-4.20%	☒
280	ITD	HOSE		110.00%	-44.60%	14.50%	☒
281	ITQ	HNX	-48.14	-2.90%	-18.30%	2.00%	☒
282	IVS	HNX	-39.9	-14.00%	11.20%	-7.20%	☒
283	JVC	HOSE	40.6	22.50%	18.80%	6.20%	☒
284	KBC	HOSE	-56.6	-77.80%	494.00%	-50.80%	☒
285	KDC	HOSE		19.20%	-30.90%	-3.80%	☒
286	KDH	HOSE	405.37	-22.10%	-28.10%	56.60%	☒
287	KDM	HNX	385.6	107.30%	69.90%	-52.30%	☒
288	KHG	HOSE	75.9	8.40%	-76.30%	-6.30%	☒
289	KHP	HOSE	-158.1	18.40%	20.10%	14.70%	☒
290	KHS	HNX	-0.14	-6.50%	-25.90%	-6.60%	☒
291	KKC	HNX	134.2	-35.30%	-54.40%	-14.20%	☒
292	KMR	HOSE	281.77	21.10%	-17.50%	-16.70%	☒
293	KMT	HNX	-55.6	12.40%	38.60%	16.40%	☒
294	KOS	HOSE	-63.3	21.40%	-	9.50%	☒
295	KPF	HOSE		-88.80%	-83.40%	-100.00%	☒
296	KSB	HOSE	758.7	-2.80%	-38.50%	-24.10%	☒
297	KSD	HNX	11.98	49.50%	-48.40%	-11.30%	☒
298	KSF	HNX	76.04	-2.30%	-54.30%	345.30%	☒
299	KSQ	HNX	-148.17	63.30%	-94.20%	126.80%	☒
300	KST	HNX	938.70	222.4%	-36.9%	151.8%	☑
301	KSV	HNX	1035	39.10%	-2.80%	11.30%	☒
302	KTS	HNX		24.20%	97.40%	-26.10%	☒
303	L10	HOSE	-35.66	-3.40%	1.20%	2.40%	☒
304	L14	HNX	-87.06	4.10%	-22.40%	1.10%	☒
305	L18	HNX	270.87	-23.2%	39.4%	59.7%	☑
306	L40	HNX	12925	-2.50%	-33.40%	208.30%	☒
307	LAF	HOSE	16.95	22.70%	-15.40%	8.00%	☒
308	LAS	HNX	-70.15	34.80%	-8.00%	16.90%	☒
309	LBE	HNX	826.1	34.80%	-8.00%	16.90%	☒

310	LBM	HOSE	-37.66	41.30%	-18.90%	-3.40%	☒
311	LCD	HNX	-95.19	-64.40%	-6.80%	6.00%	☒
312	LCG	HOSE	-42.9	-52.40%	101.20%	23.80%	☒
313	LDG	HOSE		-14.00%	-113.20%	-	☒
314	LDP	HNX		15.80%	-0.80%	17.20%	☒
315	LEC	HOSE		-65.50%	-43.30%	21.00%	☒
316	LGC	HOSE	-81.28	48.90%	19.10%	56.80%	☒
317	LGL	HOSE		17.00%	-37.10%	12.30%	☒
318	LHC	HNX	181.7	33.90%	-20.80%	9.60%	☒
319	LHG	HOSE	-27.26	-19.50%	-37.20%	7.20%	☒
320	LIG	HNX	1865	27.30%	8.80%	13.50%	☒
321	LIX	HOSE	-32.39	7.70%	-0.50%	2.70%	☒
322	LM8	HOSE	-1.19	-4.70%	-2.30%	16.30%	☒
323	LPB	HOSE	-13.02	48.75%	43.49%	34.69%	☒
324	LSS	HOSE	-61.13	-10.30%	15.10%	21.80%	☒
325	MAC	HNX	137.4	-8.50%	-5.10%	59.90%	☒
326	MAS	HNX	-30.56	131.50%	39.00%	21.60%	☒
327	MBB	HOSE	23.44	37.5%	7.39%	6.38%	☒
328	MBG	HNX		38.00%	-58.30%	-38.80%	☒
329	MBS	HNX	-26.93	-11.70%	-7.30%	71.80%	☒
330	MCC	HNX		27.50%	-66.90%	29.80%	☒
331	MCF	HNX	-38.78	-4.60%	4.90%	8.20%	☒
332	MCM	HOSE	-16.79	7.10%	0.10%	-7.00%	☒
333	MCO	HNX	-44	0.50%	11.80%	-32.00%	☒
334	MCP	HOSE	433.5	19.30%	-4.20%	-5.30%	☒
335	MDC	HNX	34.05	21.30%	-6.40%	-0.90%	☒
336	MDG	HOSE		71.10%	-23.20%	-17.50%	☒
337	MED	HNX	-29.63	16.50%	-0.20%	10.80%	☒
338	MEL	HNX	744.3	12.60%	-13.30%	31.20%	☒
339	MHC	HOSE		112.30%	159.30%	-89.10%	☒
340	MIC	HNX		8.68%	20.19%	27.71%	☒
341	MIG	HOSE	-36.37	24.90%	-13.90%	0.30%	☒
342	MKV	HNX	-85.88	-1.70%	-7.30%	-0.80%	☒
343	MSB	HOSE	157.14	33.87%	10.42%	11.48%	☒
344	MSH	HOSE	109.4	16.30%	-17.70%	16.30%	☒
345	MSN	HOSE	1272	-14.00%	2.70%	6.30%	☒
346	MST	HNX	-70.65	-19.50%	225.20%	4.60%	☒
347	MVB	HNX	7.17	11.10%	-10.80%	7.90%	☒
348	MWG	HOSE	839	8.50%	-11.30%	13.60%	☒

349	NAB	HOSE	-21.85	19.52%	29.85%	19.41%	☒
350	NAF	HOSE	109.2	9.30%	-1.90%	-17.00%	☒
351	NAG	HNX	277.12	35.8%	9.0%	30.7%	☑
352	NAP	HNX	-18.54	-10.20%	23.70%	-12.30%	☒
353	NAV	HOSE	-25.55	64.10%	28.60%	-17.90%	☒
354	NBB	HOSE	-95.16	-17.50%	-37.20%	-77.90%	☒
355	NBC	HNX	205.06	35.20%	-10.80%	-12.90%	☒
356	NBP	HNX		10.50%	1.00%	23.30%	☒
357	NBW	HNX	24.8	14.00%	4.20%	1.90%	☒
358	NCT	HOSE	42.3	-0.80%	-4.60%	31.20%	☒
359	NDN	HNX	-123.56	-99.30%	12989.20%	-87.30%	☒
360	NDX	HNX		108.70%	-57.30%	-57.70%	☒
361	NET	HNX	38.19	3.40%	18.30%	-8.70%	☒
362	NFC	HNX	91.43	25.6%	4.0%	25.9%	☑
363	NHA	HOSE	86.35	-11.60%	-32.40%	119.10%	☒
364	NHC	HNX		16.70%	-59.20%	264.30%	☒
365	NHH	HOSE	-82.98	14.40%	-14.40%	2.80%	☒
366	NHT	HOSE	28.17	-5.20%	-64.90%	13.80%	☒
367	NKG	HOSE	-51.75	-18.10%	-19.40%	10.80%	☒
368	NLG	HOSE	71.26	-16.60%	-26.70%	126.20%	☒
369	NNC	HOSE	97.51	-49.3%	118.3%	59.2%	☑
370	NO1	HOSE	-98.1	145.30%	-53.90%	31.20%	☒
371	NRC	HNX	-256.3	-56.30%	-97.60%	11.20%	☒
372	NSC	HOSE	-14.7	-1.90%	7.40%	20.30%	☒
373	NSH	HNX	-28.56	5.90%	-3.00%	-5.20%	☒
374	NST	HNX	79.92	-13.2%	24.0%	20.9%	☑
375	NT2	HOSE	-73.3	42.90%	-27.40%	-6.90%	☒
376	NTH	HNX	2.07	27.90%	-13.80%	-7.10%	☒
377	NTL	HOSE	-106.7	-23.90%	108.10%	57.70%	☒
378	NTP	HNX	19.55	19.10%	-9.10%	9.50%	☒
379	NVB	HNX		-26%	-50.93%	-489.78%	☒
380	NVL	HOSE	-239.8	-25.30%	-57.30%	90.70%	☒
381	NVT	HOSE		166.40%	11.80%	8.90%	☒
382	OCB	HOSE	-8.1	20.5%	-2.62%	27.21%	☒
383	OCH	HNX		-	-2.10%	0.90%	☒
384	OGC	HOSE		146.60%	-2.60%	2.20%	☒
385	ONE	HNX	292.7	2.90%	-27.80%	10.80%	☒
386	OPC	HOSE	23.88	4.40%	-14.00%	-3.90%	☒
387	ORS	HOSE		103.20%	3.20%	-26.40%	☒

388	PAC	HOSE	-8.23	11.50%	-6.30%	0.60%	☒
389	PAN	HOSE	11.91	37.00%	-3.40%	22.50%	☒
390	PBP	HNX	-39.88	7.80%	1.20%	2.90%	☒
391	PC1	HOSE	60.46	-15.10%	-6.40%	31.00%	☒
392	PCE	HNX	87.63	14.90%	-9.10%	-0.70%	☒
393	PCG	HNX		7.20%	-27.10%	-	☒
394	PCH	HNX	-44.37	-	-	56.40%	☒
395	PCT	HNX	55.94	-34.2%	34.1%	31.9%	☑
396	PDB	HNX	-294.4	8.60%	-17.60%	30.90%	☒
397	PDN	HOSE	8.06	19.60%	9.30%	14.60%	☒
398	PDR	HOSE	-99.5	-58.40%	-59.00%	33.00%	☒
399	PEN	HNX		19.50%	-14.80%	100.40%	☒
400	PET	HOSE	162.2	0.90%	-0.90%	8.80%	☒
401	PGC	HOSE	-12.47	19.30%	-11.70%	21.00%	☒
402	PGD	HOSE	-103.23	25.30%	-12.30%	10.60%	☒
403	PGI	HOSE	1.62	0.70%	3.10%	6.00%	☒
404	PGN	HNX	-196.52	58.30%	-20.40%	2.90%	☒
405	PGS	HNX	-3.75	21.50%	-16.80%	13.40%	☒
406	PGT	HNX	-82.91	2019.80%	29.20%	58.70%	☒
407	PGV	HOSE	-638.6	25.40%	-3.30%	-10.90%	☒
408	PHC	HOSE	-54.13	105.30%	-5.80%	-13.80%	☒
409	PHN	HNX	-26.66	26.70%	-8.10%	5.70%	☒
410	PHR	HOSE	54.32	-12.00%	-20.90%	20.90%	☒
411	PIA	HNX	-2.74	26.60%	-36.20%	34.10%	☒
412	PIC	HNX	37.45	17.30%	-7.70%	-15.30%	☒
413	PIT	HOSE		-9.30%	-10.50%	3.80%	☒
414	PJC	HNX	-41.56	51.90%	0.40%	-1.10%	☒
415	PJT	HOSE		31.00%	-14.00%	-1.10%	☒
416	PLC	HNX	-23.4	25.30%	-7.40%	-12.90%	☒
417	PLP	HOSE		17.90%	-27.30%	-5.20%	☒
418	PLX	HOSE	-14.91	79.80%	-9.80%	3.60%	☒
419	PMB	HNX		33.00%	-21.50%	0.30%	☒
420	PMC	HNX	-19.99	14.00%	2.70%	2.70%	☒
421	PMG	HOSE	183.53	29.00%	-9.40%	10.50%	☒
422	PMP	HNX	100.91	-7.20%	-2.10%	13.50%	☒
423	PMS	HNX	33.99	39.10%	-9.30%	-2.70%	☒
424	PNC	HOSE		-	-8.10%	-5.90%	☒
425	PNJ	HOSE	12.5	72.70%	-2.20%	14.10%	☒
426	POT	HNX	101.13	34.1%	-21.9%	39.8%	☑

427	POW	HOSE	-44	14.90%	-1.00%	8.00%	☒
428	PPC	HOSE	18.76	31.70%	13.60%	32.10%	☒
429	PPE	HNX	8797	-66.40%	142.00%	13.20%	☒
430	PPP	HNX	-2.75	13.00%	1.10%	-9.60%	☒
431	PPS	HNX	8.06	9.60%	16.70%	22.70%	☒
432	PPT	HNX	-2.53	-	-	22.20%	☒
433	PPY	HNX	417.3	108.70%	4.20%	1.00%	☒
434	PRC	HNX		24.00%	-6.00%	29.20%	☒
435	PRE	HNX	-11.98	51.80%	21.90%	-2.30%	☒
436	PSC	HNX	-634.2	79.00%	-5.60%	-2.50%	☒
437	PSD	HNX	-20.74	1.30%	-21.70%	-15.70%	☒
438	PSE	HNX		20.90%	-16.30%	0.30%	☒
439	PSH	HOSE		28.20%	-17.10%	-88.90%	☒
440	PSI	HNX		6.30%	-	14.70%	☒
441	PSW	HNX		31.30%	-6.90%	-16.90%	☒
442	PTB	HOSE	72.9	5.90%	-18.40%	15.10%	☒
443	PTC	HOSE	49.9	-	55.50%	-100.00%	☒
444	PTD	HNX		60.50%	26.40%	-46.00%	☒
445	PTI	HNX	-44.52	5.70%	-4.60%	-20.40%	☒
446	PTL	HOSE	-446.9	-37.10%	-67.40%	1234.80%	☒
447	PTS	HNX	62.18	27.00%	-11.50%	-3.00%	☒
448	PTX	HNX		203.09%	-1.21%	0.53%	☒
449	PV2	HNX		-100.00%	-	-	☒
450	PVB	HNX	-164.09	-11.40%	611.50%	8.50%	☒
451	PVC	HNX		5.70%	9.80%	-8.00%	☒
452	PVD	HOSE	12.54	34.00%	7.60%	61.00%	☒
453	PVG	HNX		11.90%	-4.50%	18.30%	☒
454	PVI	HNX	-51.53	23.80%	12.10%	14.90%	☒
455	PVP	HOSE	14.38	20.10%	11.20%	8.00%	☒
456	PVS	HNX	92.38	15.40%	18.20%	22.80%	☒
457	PVT	HOSE	-16.89	22.70%	4.60%	23.90%	☒
458	QCG	HOSE	367.29	21.3%	-66.1%	68.7%	☑
459	QHD	HNX	-57.83	10.00%	3.30%	14.30%	☒
460	QNP	HOSE		-	-12.20%	23.30%	☒
461	QST	HNX	23.49	17.60%	14.80%	9.20%	☒
462	QTC	HNX	340.53	-61.10%	-9.40%	-9.50%	☒
463	RAL	HOSE	-5.13	21.00%	20.40%	0.50%	☒
464	RCL	HNX	858.2	-33.30%	-83.30%	10.00%	☒
465	RDP	HOSE		5.00%	-9.00%	-	☒

466	REE	HOSE	16.93	61.30%	-8.60%	-2.20%	☒
467	RYG	HOSE		-	-	20.30%	☒
468	S4A	HOSE	-52	8.10%	-7.10%	-13.50%	☒
469	S55	HNX	-2.81	123.90%	-34.50%	-6.80%	☒
470	S99	HNX	-239	-71.90%	-4.60%	-19.30%	☒
471	SAB	HOSE	1.99	32.60%	-12.90%	4.60%	☒
472	SAF	HNX	-15.99	-17.30%	-0.10%	-9.30%	☒
473	SAM	HOSE	422.9	-	4.30%	83.50%	☒
474	SAV	HOSE		-1.70%	-20.40%	35.50%	☒
475	SBA	HOSE	-35.72	57.40%	-24.10%	-29.80%	☒
476	SBG	HOSE	668	-	-	-14.10%	☒
477	SBT	HOSE	37.34	27.80%	21.80%	15.80%	☒
478	SBV	HOSE	-142.5	-17.80%	0.30%	15.20%	☒
479	SC5	HOSE	-0.36	50.90%	-0.10%	5.70%	☒
480	SCG	HNX	307.27	-31.70%	-54.50%	204.60%	☒
481	SCI	HNX	-271.1	-64.10%	-34.40%	-31.90%	☒
482	SCR	HOSE	-77.54	-46.90%	-58.40%	115.30%	☒
483	SCS	HOSE	31.18	1.40%	-17.20%	47.10%	☒
484	SD5	HNX	33.7	-	25.60%	3.30%	☒
485	SD9	HNX	20.1	0.50%	-12.10%	-15.50%	☒
486	SDA	HNX	-22.37	33.10%	-28.00%	-7.50%	☒
487	SDC	HNX	-48.9	-2.70%	11.30%	38.90%	☒
488	SDG	HNX	-147.24	15.10%	-13.90%	-17.60%	☒
489	SDN	HNX	-71.15	8.00%	-14.20%	8.20%	☒
490	SDU	HNX	91.4	61.90%	0.10%	-3.60%	☒
491	SEB	HNX	-12.15	23.10%	-17.40%	-17.80%	☒
492	SED	HNX	257.2	-13.30%	14.70%	27.90%	☒
493	SFC	HOSE	8.62	127.20%	-4.90%	-0.50%	☒
494	SFG	HOSE	-63.4	-4.80%	-22.40%	2.60%	☒
495	SFI	HOSE	57.33	-4.20%	-42.90%	6.90%	☒
496	SFN	HNX	5.6	21.40%	-14.00%	-1.90%	☒
497	SGC	HNX	-18.2	15.80%	2.40%	55.60%	☒
498	SGD	HNX	-105.4	41.30%	-3.40%	-6.70%	☒
499	SGH	HNX	17.5	57.00%	50.00%	7.30%	☒
500	SGN	HOSE	214.36	103.80%	46.30%	4.30%	☒
501	SGR	HOSE	16.34	1448.50%	-84.80%	52.70%	☒
502	SGT	HOSE	373.03	105.8%	-10.0%	41.0%	☑
503	SHA	HOSE	-20.7	18.80%	-1.60%	5.20%	☒
504	SHB	HOSE	256.2	12.71%	9.89%	10.09%	☒

505	SHE	HNX	-39.56	16.40%	-30.00%	6.30%	☒
506	SHI	HOSE	353.6	13.60%	20.60%	17.10%	☒
507	SHN	HNX		56.30%	-2.20%	-33.20%	☒
508	SHP	HOSE	61.88	13.40%	-11.40%	-5.00%	☒
509	SHS	HNX	30.23	-46.70%	-5.30%	33.00%	☒
510	SIP	HOSE	-17.75	8.20%	10.60%	16.90%	☒
511	SJ1	HNX	-1.84	13.80%	10.50%	30.60%	☒
512	SJD	HOSE	41.39	7.00%	-5.40%	-1.90%	☒
513	SJE	HNX	71.57	27.7%	-23.3%	239%	☑
514	SJS	HOSE	50.11	-49.20%	16.10%	46.50%	☒
515	SKG	HOSE		145.20%	-0.10%	-6.90%	☒
516	SLS	HNX	50.04	46.50%	29.00%	-20.10%	☒
517	SMA	HOSE	-15.73	3.70%	-10.00%	-13.40%	☒
518	SMB	HOSE	2.26	16.50%	-4.90%	9.60%	☒
519	SMC	HOSE		8.60%	-40.50%	-35.30%	☒
520	SMN	HNX	-59.26	7.00%	-10.50%	3.60%	☒
521	SMT	HNX	73.37	-15.10%	-47.70%	-45.60%	☒
522	SPC	HNX	-262.67	-	-13.30%	-18.00%	☒
523	SPI	HNX		-75.30%	-38.30%	-	☒
524	SPM	HOSE	2596	-1.40%	-42.00%	-26.70%	☒
525	SRA	HNX	2338	-12.70%	-62.00%	292.60%	☒
526	SRC	HOSE	-83.44	-4.20%	30.90%	-14.20%	☒
527	SRF	HOSE		27.40%	37.20%	-33.40%	☒
528	SSB	HOSE	-7.45	35.09%	0.92%	40.95%	☒
529	SSC	HOSE	-61.72	-3.30%	0.60%	28.50%	☒
530	SSI	HOSE	36.6	-14.90%	13.00%	19.20%	☒
531	SSM	HNX	-112.44	5.50%	-18.50%	168.70%	☒
532	ST8	HOSE	204.31	21.0%	-98.6%	3480%	☑
533	STB	HOSE	59.28	43.32%	28.72%	11.14%	☒
534	STC	HNX	39.57	-1.30%	-2.00%	-2.60%	☒
535	STG	HOSE	31.6	-11.00%	-32.00%	36.70%	☒
536	STK	HOSE	-41.92	3.50%	-32.60%	-15.10%	☒
537	STP	HNX	-26.72	8.70%	-16.40%	-8.60%	☒
538	SVC	HOSE	93.27	51.90%	-2.80%	18.80%	☒
539	SVD	HOSE		-22.00%	-24.00%	49.30%	☒
540	SVI	HOSE	-15.43	2.20%	-19.80%	0.00%	☒
541	SVN	HNX	777.2	-36.90%	-29.50%	7.20%	☒
542	SVT	HOSE	-33.9	52.60%	-57.30%	-96.20%	☒
543	SZB	HNX	-2.77	5.90%	5.90%	37.70%	☒

544	SZC	HOSE	-10.6	20.40%	-4.80%	6.40%	☒
545	SZL	HOSE	-34.98	5.80%	7.50%	10.70%	☒
546	TA9	HNX	12.53	79.50%	29.20%	21.50%	☒
547	TBC	HOSE	44.74	46.6%	-40.6%	25.0%	☑
548	TBX	HNX		9.80%	-8.10%	-2.40%	☒
549	TCB	HOSE	-62.13	13.45%	-8.58%	28.23%	☒
550	TCD	HOSE	403552	-5.40%	-39.40%	-35.00%	☒
551	TCH	HOSE	13.65	21.20%	1.50%	98.40%	☒
552	TCI	HOSE	-52.99	-31.40%	-22.30%	35.30%	☒
553	TCL	HOSE	35.7	12.60%	14.50%	6.70%	☒
554	TCM	HOSE	155	22.70%	-23.30%	14.60%	☒
555	TCO	HOSE	-39.8	471.50%	-97.90%	15253.90%	☒
556	TCR	HOSE	-330.1	17.80%	-19.00%	1.90%	☒
557	TCT	HOSE		77.50%	-32.30%	-37.10%	☒
558	TDC	HOSE		50.00%	-79.80%	132.80%	☒
559	TDG	HOSE	527.42	-10.50%	3.80%	8.50%	☒
560	TDH	HOSE		-63.80%	-34.30%	-57.70%	☒
561	TDM	HOSE	32.4	14.80%	11.20%	2.20%	☒
562	TDP	HOSE	-24.58	31.70%	19.80%	11.30%	☒
563	TDT	HNX	4094	-1.10%	20.40%	15.60%	☒
564	TDW	HOSE	20.65	13.90%	8.30%	2.80%	☒
565	TEG	HOSE	-60.49	-11.00%	46.40%	-8.20%	☒
566	TET	HNX	-81.3	-	4.30%	-1.90%	☒
567	TFC	HNX	223.1	26.60%	-8.00%	16.00%	☒
568	THB	HNX	32.59	24.00%	-6.50%	7.90%	☒
569	THD	HNX	-80.87	-50.20%	-54.50%	-46.20%	☒
570	THG	HOSE	135.24	25.50%	1.30%	11.80%	☒
571	THS	HNX	-57.27	-9.20%	-10.30%	18.30%	☒
572	THT	HNX	-108.17	26.40%	-4.60%	-1.10%	☒
573	TIG	HNX	-259.9	4.20%	30.40%	21.80%	☒
574	TIP	HOSE	-33.14	-9.90%	-29.20%	6.40%	☒
575	TIX	HOSE	6.31	-12.80%	-8.50%	4.50%	☒
576	TJC	HNX	-98.44	15.80%	-60.90%	-94.90%	☒
577	TKU	HNX		33.50%	-35.20%	6.00%	☒
578	TLD	HOSE	2.54	31.60%	-38.70%	72.50%	☒
579	TLG	HOSE	23.68	32.00%	-1.70%	8.60%	☒
580	TLH	HOSE		14.60%	15.60%	2.40%	☒
581	TMB	HNX	-81.09	125.20%	49.40%	12.60%	☒
582	TMC	HNX	-14.83	96.00%	-17.40%	-2.00%	☒

583	TMP	HOSE	16.58	43.00%	-20.20%	-10.60%	☒
584	TMS	HOSE	-66.77	-43.50%	-32.90%	36.20%	☒
585	TMT	HOSE		19.60%	-12.90%	-11.80%	☒
586	TMX	HNX	-95.9	23.10%	-16.50%	-3.90%	☒
587	TN1	HOSE		29.00%	5.60%	-1.40%	☒
588	TNC	HOSE	155.05	38.70%	33.00%	10.50%	☒
589	TNG	HNX	22.1	24.50%	4.60%	7.90%	☒
590	TNH	HOSE	-126.35	12.40%	14.80%	-16.70%	☒
591	TNI	HOSE	-219.4	-10.20%	-55.50%	30.40%	☒
592	TNT	HOSE	-135.58	-40.80%	65.40%	46.40%	☒
593	TOT	HNX	-31.75	-	54.30%	2.70%	☒
594	TPB	HOSE	187.36	14.48%	9.14%	3.85%	☒
595	TPC	HOSE	-45.73	15.30%	-45.10%	-23.00%	☒
596	TPH	HNX	48.36	19.50%	19.00%	-4.40%	☒
597	TPP	HNX	67.82	53.8%	19.0%	26.6%	☑
598	TRA	HOSE	48.75	10.20%	-4.30%	1.80%	☒
599	TRC	HOSE	141.59	25.4%	11.2%	27.8%	☑
600	TSB	HNX	-141.53	1.40%	-13.70%	15.60%	☒
601	TSC	HOSE		73.50%	-47.10%	32.10%	☒
602	TTA	HOSE	150.8	22.30%	-18.90%	12.00%	☒
603	TTC	HNX	-51.09	31.40%	-27.30%	-24.20%	☒
604	TTE	HOSE	-111.95	6.70%	-6.80%	-14.50%	☒
605	TTF	HOSE	-27.08	23.10%	-23.40%	-20.80%	☒
606	TTH	HNX	-76.08	83.50%	85.40%	1.70%	☒
607	TTL	HNX	-238.5	18.50%	-2.50%	3.10%	☒
608	TTT	HNX		124.00%	-2.50%	-12.10%	☒
609	TV2	HOSE	48.17	-63.60%	-19.70%	25.90%	☒
610	TV3	HNX	-22.13	-19.50%	-20.00%	-7.90%	☒
611	TV4	HNX	-10.74	2.70%	-32.60%	2.50%	☒
612	TVB	HOSE	-60.24	-64.60%	-18.80%	47.50%	☒
613	TVC	HNX	-206.77	-64.40%	-57.70%	279.40%	☒
614	TVD	HNX	35.45	26.70%	-5.50%	1.20%	☒
615	TVS	HOSE	275.7	-0.50%	28.10%	-14.20%	☒
616	TVT	HOSE	151.46	32.60%	-14.00%	1.50%	☒
617	TXM	HNX		8.70%	-56.00%	112.70%	☒
618	TYA	HOSE	1289.8	-1.90%	-29.70%	26.80%	☒
619	UIC	HOSE	19.75	3.00%	-3.80%	21.10%	☒
620	UNI	HNX	-88.96	-65.40%	496.80%	-37.60%	☒
621	V12	HNX	-39.17	-28.00%	10.20%	24.00%	☒

622	V21	HNX	-306.12	-53.80%	75.80%	10.80%	☒
623	VAF	HOSE	-36.1	8.80%	9.70%	21.80%	☒
624	VBC	HNX	4.57	-3.20%	-12.10%	-6.00%	☒
625	VC1	HNX	-94.43	39.50%	-48.10%	128.30%	☒
626	VC2	HNX	487.97	3.70%	8.20%	17.50%	☒
627	VC3	HNX	-86.26	165.60%	56.80%	-24.20%	☒
628	VC6	HNX	-68.16	-15.90%	62.60%	28.40%	☒
629	VC7	HNX	-112.8	184.40%	-0.70%	-8.90%	☒
630	VC9	HNX	-74.92	88.20%	-32.00%	-12.90%	☒
631	VCA	HOSE	-29.43	-10.60%	-26.10%	-21.30%	☒
632	VCB	HOSE	-8.44	25.96%	0.7%	3.33%	☒
633	VCC	HNX	59.28	16.80%	18.90%	-11.80%	☒
634	VCF	HOSE	11.36	-0.40%	6.50%	8.70%	☒
635	VCG	HOSE	85.9	50.30%	47.20%	1.30%	☒
636	VCI	HOSE	8.2	-14.90%	-21.70%	49.50%	☒
637	VCM	HNX	-94.54	-37.30%	37.20%	135.60%	☒
638	VCS	HNX	-20.13	-19.90%	-23.10%	-0.70%	☒
639	VDL	HNX		-27.50%	1.60%	-52.20%	☒
640	VDP	HOSE	-6.6	31.00%	0.50%	-4.70%	☒
641	VDS	HOSE	-132.2	-19.50%	-7.10%	29.00%	☒
642	VE1	HNX	5751	-71.10%	41.90%	-21.10%	☒
643	VE3	HNX	-70.69	-7.60%	-23.70%	91.40%	☒
644	VE4	HNX		8.80%	11.70%	-20.60%	☒
645	VE8	HNX		-29.10%	-85.80%	-18.70%	☒
646	VFG	HOSE	-1.14	43.30%	9.60%	7.20%	☒
647	VFS	HNX	83.74	24.0%	29.5%	39.5%	☑
648	VGC	HOSE	2827.9	30.30%	-9.60%	-9.80%	☒
649	VGP	HNX	-21.88	25.30%	-3.30%	-15.40%	☒
650	VGS	HNX	174.77	26.90%	-10.90%	-3.10%	☒
651	VHC	HOSE	644.01	46.2%	-24.2%	24.9%	☑
652	VHE	HNX	-46.48	15.00%	-	34.20%	☒
653	VHL	HNX		-0.80%	-24.30%	-6.60%	☒
654	VHM	HOSE	1381	-26.70%	65.60%	-1.00%	☒
655	VIB	HOSE	-13.99	26.63%	16.03%	-3.51%	☒
656	VIC	HOSE		-19.00%	59.20%	17.00%	☒
657	VID	HOSE	-23.46	30.40%	-5.40%	-9.40%	☒
658	VIF	HNX	-22.73	-1.80%	-13.40%	-5.10%	☒
659	VIG	HNX	-129.96	506.00%	-42.40%	3.60%	☒
660	VIP	HOSE	2540.4	28.60%	-37.20%	3.50%	☒

661	VIT	HNX	272.7	59.20%	-0.20%	7.30%	☒
662	VIX	HOSE	-73.07	-24.30%	36.80%	13.20%	☒
663	VJC	HOSE		202.70%	59.00%	15.10%	☒
664	VLA	HNX		124.70%	-66.20%	34.40%	☒
665	VMC	HNX		19.80%	27.60%	-4.70%	☒
666	VMD	HOSE	87.73	-42.60%	-50.00%	-64.70%	☒
667	VMS	HNX		-3.90%	-23.30%	31.30%	☒
668	VNC	HNX	-6.32	6.40%	12.90%	15.50%	☒
669	VND	HOSE	-75.5	15.40%	-3.60%	-19.20%	☒
670	VNE	HOSE	-1805	25.30%	-50.40%	-33.80%	☒
671	VNF	HNX	140.94	-57.10%	-46.60%	57.60%	☒
672	VNG	HOSE	8483.7	251.80%	20.30%	-4.80%	☒
673	VNL	HOSE	137.99	-20.60%	-37.30%	58.10%	☒
674	VNM	HOSE	-8.7	-1.60%	0.70%	2.30%	☒
675	VNR	HNX	155.46	-7.50%	-	16.10%	☒
676	VNS	HOSE	-4.19	124.70%	11.90%	-17.80%	☒
677	VNT	HNX		-29.10%	-51.20%	63.00%	☒
678	VOS	HOSE	-108.61	70.00%	31.70%	74.90%	☒
679	VPB	HOSE	127.45	19.42%	-6.94%	28.57%	☒
680	VPD	HOSE	1.65	19.80%	-20.50%	8.20%	☒
681	VPG	HOSE		43.00%	14.70%	156.50%	☒
682	VPH	HOSE	-147.7	-44.10%	-	-35.20%	☒
683	VPI	HOSE	111.8	-17.80%	-	1.10%	☒
684	VPS	HOSE	42.11	3.10%	-6.30%	8.00%	☒
685	VRC	HOSE	2205.4	-2.90%	7.20%	286.20%	☒
686	VRE	HOSE	1671	24.10%	34.00%	-8.70%	☒
687	VSA	HNX	-6.92	2.30%	-34.10%	1.60%	☒
688	VSC	HOSE	76.04	6.10%	8.60%	27.80%	☒
689	VSH	HOSE	31.31	91.40%	-16.60%	-29.00%	☒
690	VSI	HOSE	125.62	31.20%	38.10%	-45.70%	☒
691	VSM	HNX	-24.59	25.40%	-18.60%	11.50%	☒
692	VTB	HOSE	-6.76	-24.70%	-54.20%	1.00%	☒
693	VTC	HNX	9.16	84.70%	-31.20%	32.30%	☒
694	VTH	HNX	15.07	38.90%	22.80%	48.80%	☒
695	VTJ	HNX		-100.00%	-	-100.00%	☒
696	VTO	HOSE	-21.28	24.70%	-8.80%	3.90%	☒
697	VTP	HOSE	25.33	1.00%	-9.50%	5.80%	☒
698	VTV	HNX	-27.14	120.50%	-36.00%	-52.20%	☒
699	VTZ	HNX	-8.03	120.50%	-36.00%	-52.20%	☒

700	WCS	HNX	3.52	71.80%	49.10%	12.90%	☐
701	WSS	HNX		-	88.60%	-78.40%	☐
702	X20	HNX	216.76	18.70%	-8.90%	24.90%	☐
703	YBM	HOSE	-7.79	-14.90%	35.50%	35.50%	☐
704	YEG	HOSE	364.79	-71.7%	29.0%	145.0%	☒

STT	Mã	Sàn giao dịch	ROE	Tăng trưởng lợi nhuận ròng			Tiêu chí A
				2022	2023	2024	
1	ALT	HNX	1.46	70.30%	14.80%	-80.40%	☐
2	AST	HOSE	24.09	119.5%	404.3%	28.4%	☒
3	BCF	HNX	27.36	100.0%	-41.7%	69.8%	☒
4	BKC	HNX	27.03	-40.0%	66.7%	980.0%	☒
5	CIG	HOSE	32.86	-129.30%	-	829.60%	☐
6	CJC	HNX	8.76	-	118.80%	95.70%	☐
7	CMX	HOSE	3.61	11.80%	-29.10%	41.50%	☐
8	CTD	HOSE	4.35	-14.40%	807.40%	98.40%	☐
9	D2D	HOSE	9.83	-90.50%	10.60%	246.90%	☐
10	DAH	HOSE	1	15.10%	-92.60%	178.80%	☐
11	EIB	HOSE	14.08	205.12%	-26.5%	53.66%	☐
12	GLT	HNX	4.54	168.70%	-82.90%	-34.00%	☐
13	GMD	HOSE	13.17	64.50%	123.30%	-34.30%	☐
14	HAH	HOSE	18.71	84.3%	-53.2%	68.8%	☒
15	HAX	HOSE	9.66	55.50%	-85.60%	261.30%	☐
16	HCC	HNX	15.06	349.50%	-11.40%	37.50%	☐
17	HGM	HNX	74.7	-49.5%	1.9%	232.7%	☒
18	HHV	HOSE	4.3	0.90%	16.30%	33.30%	☐
19	HUT	HNX	1.35	189.70%	-71.10%	289.50%	☐
20	HVH	HOSE	5.73	143.30%	-51.90%	172.30%	☐
21	KST	HNX	13.9	155.40%	-44.10%	83.70%	☐
22	L18	HNX	30.84	-11.4%	35.5%	388.1%	☒
23	NAG	HNX	6.42	17.80%	14.10%	16.60%	☐
24	NFC	HNX	21.29	85.7%	7.7%	60.7%	☒
25	NNC	HOSE	15.85	2.40%	-6.90%	71.00%	☐
26	NST	HNX	6.97	11.70%	58.30%	62.80%	☐
27	PCT	HNX	14.3	5.10%	164.40%	134.10%	☐
28	POT	HNX	1.09	14.80%	-83.30%	32.60%	☐
29	QCG	HOSE	1.87	-61.60%	-50.90%	498.80%	☐

30	SGT	HOSE	6.51	60.20%	-59.50%	209.80%	☐
31	SJE	HNX	18.73	23.3%	0.0%	192.5%	☒
32	ST8	HOSE	7.6	1267.80%	-98.20%	498.60%	☐
33	TBC	HOSE	13.25	103.60%	-61.20%	41.60%	☐
34	TPP	HNX	7.85	62.20%	33.10%	108.10%	☐
35	TRC	HOSE	12.8	-18.60%	-3.10%	216.00%	☐
36	VFS	HNX	8.2	-29.50%	36.00%	46.10%	☐
37	VHC	HOSE	14.06	79.50%	-54.60%	37.60%	☐
38	YEG	HOSE	8.85	11.90%	65.40%	306.80%	☐